

NXB TỔNG HỢP TP.HCM

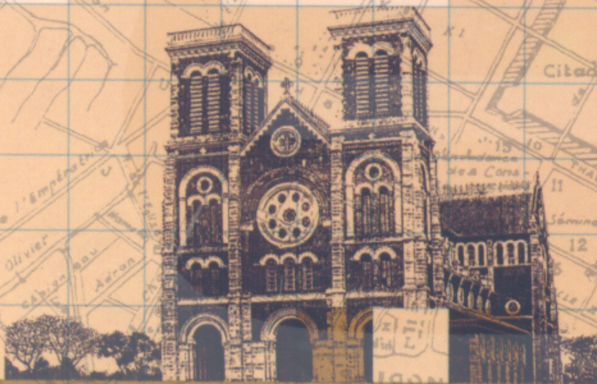
VHSG NXB VĂN HÓA SÀIGÒN



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ GIA ĐỊNH – SÀI GÒN TP. HỒ CHÍ MINH

Thiên Chúa giáo

ở Thành phố Hồ Chí Minh



NGUYỄN NGHỊ
KHỔNG THÀNH NGỌC, HOÀNG MINH THỨC

100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ

THIÊN CHÚA GIÁO
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ GIA ĐỊNH – SÀI GÒN TP. HỒ CHÍ MINH



NGUYỄN NGHỊ, KHỔNG THÀNH NGỌC
HOÀNG MINH THỨC

Thiên Chúa giáo

ở Thành phố Hồ Chí Minh



NXB TỔNG HỢP TP.HCM

VHSG
NXB VĂN HÓA SÀI GÒN

Chủ biên:
CAO TỰ THANH
HỒNG DUỆ
HOÀNG MAI

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Từ 1986 đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua một quá trình đổi mới theo hướng hiện đại hóa và hội nhập với quốc tế rất sôi động. Trên nhiều phương diện, quá trình ấy đã đào thải rất nhiều và rất nhanh các yếu tố lạc hậu, trì trệ và không hợp lý, song cũng chính trong tình hình ấy, văn hóa truyền thống phải tìm được những hình thức tồn tại mới mà cụ thể là trở thành những kiến thức và thông tin phổ cập có thể tác động tích cực tới sinh hoạt xã hội. Mặt khác, bản thân quá trình ấy cũng tác động một cách toàn diện và lâu dài tới đời sống văn hóa - xã hội ở Thành phố, nên việc cung cấp những thông tin cần thiết về nó cũng là cách thức giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về các khuynh hướng và động thái kinh tế - xã hội hiện tại ở Thành phố, từ đó có những ứng xử tích cực và hữu hiệu hơn trong hoạt động của mình. Bộ sách "Một trăm câu hỏi đáp về Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh" gồm ba mươi quyển mà Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn liên kết tổ chức thực hiện này nhằm hướng tới đáp ứng những mục tiêu vừa mang tính cấp thiết vừa mang tính lâu dài ấy. Có thể nói đây là một bộ Địa chí Văn hóa Thành phố dạng sơ giản nhằm phổ cập kiến thức và cung cấp thông tin cho người đọc cả trong lẫn ngoài nước về truyền thống lịch sử - văn hóa và hiện trạng kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên có thể nêu ra trên ba mươi chủ đề, vấn đề để giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên do sự hạn chế về lực lượng, thời gian và phương tiện vật chất, trước mắt bộ sách chỉ giới hạn trong ba mươi quyển, cũng là một thể nghiệm bước đầu để sau này nếu có điều kiện sẽ tiến tới biên soạn một bộ Tiểu từ điển bách khoa về Thành phố Hồ Chí Minh. Quyển *Một trăm câu hỏi đáp về Thiên chúa giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh* của các tác giả Nguyễn Nghị, Khổng Thành Ngọc, Hoàng Minh Thức là nằm trong cơ cấu chung nói trên.

Quyển sách này cố gắng giới thiệu cho người đọc những vấn đề, sự kiện, nhân vật... nổi bật trong lịch sử hình thành và phát triển của giáo đoàn Thiên chúa giáo ở thành phố từ thế kỷ XVII đến nay, một quá trình tuy quanh co về lộ trình nhưng nhất quán về phương hướng đồng thời thống nhất với xu thế chung của giáo hội Việt Nam, trong đó tiến trình dân tộc hóa là sợi chỉ xuyên suốt và ngày càng trình hiện như một xu thế không thể đảo ngược. Tuy nhiên tiến trình ấy của giáo đoàn Thiên chúa giáo ở Thành phố còn mang nhiều biệt sắc văn hóa ở một đô thị lớn nhất Việt Nam, nên việc cố gắng nêu ra những biệt sắc ấy cũng là yêu cầu mà các tác giả tự đặt ra cho mình trong quá trình biên soạn.

Vì điều kiện tư liệu hạn chế, cách thức biên soạn lại tương đối mới mẻ, phạm vi cần đề cập lại quá rộng lớn, nên chắc chắn quyển sách còn nhiều thiếu sót. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn và tác giả hy vọng được người đọc góp ý để sau này nếu có điều kiện tái bản, quyển sách sẽ đạt được chất lượng cao hơn.

Tháng 3. 2007



001

Ở VIỆT NAM, THIÊN CHÚA GIÁO CÒN ĐƯỢC GỌI BẰNG CÁC TÊN GỌI NÀO KHÁC?

Tôn giáo hiện nay tại Việt Nam thường được gọi là Thiên chúa giáo, khi được truyền vào Việt Nam, đã được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau như đạo Da tô, đạo Cơ Đốc, Hoa Lang đạo, đạo Công giáo, Kitô giáo....

Da tô và Cơ Đốc là phiên âm tiếng Việt thời xưa của tên gọi và tước hiệu của Đấng vốn là nguồn gốc của tôn giáo này: Jesus Christus (tiếng latinh): Jesus được phiên âm thành Da tô, Christus được phiên âm thành Cơ Đốc. Phiên âm tiếng Việt của người Công giáo là Giêsu và Ki-ri-xi-tô trước kia rồi Kitô hiện nay. Kitô giáo là đạo tin Đức Kitô là Đấng Cứu độ loài người.

Khi tới truyền đạo tại Trung Hoa vào thế kỷ XVI và XVII, các nhà truyền giáo phương Tây đã khá lúng túng trong việc tìm một từ trong ngôn ngữ Trung Hoa để chỉ Đấng trong tiếng latinh, ngôn ngữ chính thức của Giáo hội khi ấy, được gọi bằng từ Deus, Đấng Tạo hóa và làm chủ vũ trụ, vạn vật. Cuối cùng họ đã chọn từ Thiên chúa hay Thiên chủ. Năm 1584, nhà truyền giáo Ruggieri cho ra đời cuốn giáo lý do ông soạn. Cuốn sách này có nhan đề là *Thiên chúa thực lục chính văn*. Trong cuốn sách này, Ruggieri giới thiệu đấng mà các nhà truyền giáo gọi là Deus, đấng dựng nên trời đất muôn vật, cũng chính là đấng

mà người Trung Hoa gọi là Thượng đế. Năm 1603, Mattêô Ricci, một nhà truyền giáo khác tại Trung Hoa, cho phát hành cuốn *Thiên chúa thực nghĩa*. Từ Thiên chúa được chính thức chấp nhận từ đó. Trong tác phẩm của ông, Ricci còn dùng nhiều từ khác như Thiên chủ, Thượng đế, Thiên địa chi Thượng đế, Thiên địa chi chủ, Thiên chủ Thượng đế. Bên cạnh đó, còn có các cụm từ như Thiên chúa chi giáo (đạo Thiên chúa), Thiên chúa Công giáo (đạo Công giáo), Thiên chúa thánh giáo (đạo thánh), Thiên chúa chính giáo (đạo chính), Thượng đế chi giáo, Thượng đế chính giáo.

Thiên chúa thực lục của Ruggieri và *Thiên chúa thực nghĩa* của Ricci được đưa vào Việt Nam rất sớm, theo chân các sứ thần Việt Nam đi sứ Trung Quốc về nước. Có thể nói tín đồ Thiên chúa giáo tại Việt Nam đã biết tới cách gọi Thiên chúa, đạo Thiên chúa từ rất sớm. Tuy nhiên, các nhà truyền giáo tại Việt Nam nửa đầu thế kỷ XVII như Alexandre de Rhodes lại chủ trương dùng tiếng Việt thay từ Việt Hán nên đã thay Thiên chúa, Thiên chủ bằng Chúa trời, Đức Chúa trời, đạo Đức Chúa trời.

Người Việt Nam, vào buổi đầu khi đạo Thiên chúa được rao truyền tại Việt Nam, còn gọi tôn giáo này là *Hoa lang đạo*. Người ta đã giải thích xuất xứ và ý nghĩa của tên gọi này bằng nhiều cách khác nhau. Có người cho rằng đây là tên gọi tôn giáo do những người trẻ (lang) tới đây bán một loại vải hoa (hoa) rao truyền. Cách giải thích phổ biến hơn thì cho rằng tên gọi này ám chỉ tới đạo của người Hòa Lan hay Hà Lan. Nhưng cách giải thích có thể là hợp lý nhất, vừa dựa trên lịch sử, vừa dựa trên cách phiên âm của thế kỷ XVI - XVII hay trước nữa, thì *Hoa Lang đạo* có ý chỉ tôn giáo hay đạo của người farang, Pha lang, người phương Tây, mà người phương Tây vào thời điểm này là người Bồ. Alexandre de Rhodes, trong *Phép giảng tám ngày*, xuất bản

lần đầu tại Roma, 1651 khuyên người ta "chớ có nói, đạo này là đạo Pha lang (câu này được dịch sang tiếng latinh là "neque dicatis hanc esse Lusitanorum legem - Lusitanorum là người Bồ Đào Nha). Thật tên là đạo thánh đức Chúa trời". Như vậy, từ Pha lang ở đây được dùng để chỉ người tiếng latinh gọi là Lusitanus, người Bồ Đào Nha.



002

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA CỦA TÊN GỌI CÔNG GIÁO.

Một tên gọi trở thành khá phổ biến hiện nay đó là Công giáo. Chữ Công trong Công giáo có thể hiểu rằng đây là đạo của nhà nước như kiểu công điền, công thổ, công chứng. Thực ra, như trên đã nói, tên gọi Công giáo xuất phát từ các thừa sai hoạt động tại Trung Hoa từ những thế kỷ XV - XVII. Và chữ công ở đây được dùng để dịch từ catholica trong cụm từ bằng tiếng latinh Ecclesia Catholica. Từ catholica này xuất hiện rất sớm, từ đầu thế kỷ II sau Công nguyên, tức vào lúc đạo này đang bị bắt bớ và cấm đoán trong đế quốc Roma. Như vậy, công ở đây không có nghĩa là của nhà nước, và được dùng để chỉ một thuộc tính của tôn giáo này là tính phổ quát, tức dành cho mọi người không phân biệt chủng tộc, văn hóa, ngôn ngữ, địa vị xã hội, khác với Do Thái giáo chủ yếu dành cho người Do Thái...

Từ Công giáo cũng còn có một nghĩa khác, có tính xã hội học hơn, được dùng để chỉ các tín đồ, hay các thể chế gắn với Roma và quyền bính tôn giáo của giáo hoàng sau vụ đoạn tuyệt giữa Kitô giáo phương Đông và phương Tây (Constantinôpôli và Roma) năm 1054. Sang thế kỷ XVI, một vụ đoạn tuyệt mới diễn ra tại châu Âu, trong cuộc cải cách, lại giới hạn Công giáo vào một trong hai bộ phận

Kitô giáo của châu Âu: Công giáo và Tin lành. Các Kitô hữu và các thể chế tiếp tục gắn với giáo hoàng và với trung tâm quyền lực của Giáo hội ở Roma được gọi là Công giáo. Các Kitô hữu, các thể chế và phong trào Kitô hữu tách khỏi Roma, không thừa nhận quyền lực của Giáo hoàng được gọi là Thệ phản tức Tin lành hiện nay.

Dĩ nhiên là mỗi tên gọi đều nhấn mạnh vào một nội dung riêng hay một khía cạnh riêng của tôn giáo này. Thiên chúa giáo nhấn mạnh vào Đấng được gọi là Thiên chúa, vị Chúa độc nhất, Đấng tạo hóa. Kitô giáo nhấn mạnh vào Đức Kitô, Đấng Cứu thế. Công giáo ám chỉ tới tính cách của tôn giáo này. Một tên gọi dĩ nhiên không nói hết nội dung chủ yếu của một tôn giáo.

Tại Việt Nam các tên gọi này nhất là Thiên chúa giáo, Kitô giáo, Công giáo, thường được dùng lẫn lộn. Các văn kiện nhà nước thường dùng tên gọi Thiên chúa giáo, như để tránh từ Công giáo. Tuy nhiên, sự phân biệt này cũng chỉ có tính cách tương đối, nếu không nói là không nhất quán, vì một tổ chức của tín đồ Thiên chúa giáo nằm trong Mặt trận tổ quốc, lại được gọi là Ủy ban Đoàn kết Công giáo, và hai cơ quan của Ủy ban này là Người Công giáo Việt Nam, Công giáo và Dân tộc. Và các văn kiện lịch sử của nhà nước vẫn nói tới Công giáo yêu nước, Công giáo kháng chiến Nam Bộ... Trong khi đó các tín đồ của tôn giáo này dường như lại thích được gọi là Công giáo hơn, vì tên gọi này vừa nói lên tính cách của tôn giáo của họ, vừa có thể phân biệt họ với các tín đồ của các tôn giáo khác cũng tôn thờ một vị Chúa duy nhất, như Do Thái giáo, Hồi giáo, hay cũng tin tưởng ở Đức Kitô là Đấng Cứu thế, nhưng lại không gắn với Tòa thánh Roma như Tin lành chẳng hạn. Dĩ nhiên các tên gọi nói trên đều có thể sử dụng, vấn đề là cần hiểu rõ nội dung chủ yếu của từng tên gọi.



003

THIÊN CHÚA GIÁO RA ĐỜI TẠI ĐÂU, KHI NÀO VÀ NHƯ THẾ NÀO?

Thiên chúa giáo, gọi theo Đấng sáng lập là Kitô giáo, bắt nguồn từ Đức Giêsu Kitô, ra đời tại Giêrusalem, miền Giuđê, xứ Palestin vào đầu Công nguyên. Palestin khi ấy là một nước nhỏ, nằm giữa Địa Trung Hải và Biển Chết, gồm bốn tỉnh là Galilê, Samari, Giuđê và Pêrê (bao gồm nước Israel, Cisjordani và vùng Gaza trong vùng Cận Đông bây giờ).

Kitô giáo khởi đầu đã được coi như là một "hệ phái" của Do Thái giáo, tôn giáo của người Do Thái tới định cư tại Palestin vào các năm 1220 - 1200 trước Công nguyên. Đức Giêsu Kitô và các môn đệ đều là người Do Thái và thuộc Do Thái giáo. Nhưng "hệ phái" này đã sớm tách khỏi Do Thái giáo, sau khi Đức Giêsu bị hành hình, để làm thành một tôn giáo mới, đã nhanh chóng vượt ranh giới Palestin tới các vùng lân cận, và thu thập tín đồ không chỉ nơi người Do Thái mà cả nơi người không phải là Do Thái.

Với Phaolô, vị tông đồ thuộc thế hệ các môn đệ trực tiếp của Đức Giêsu, công cuộc truyền giáo đã vượt khỏi biên giới, địa dư cũng như tư tưởng Do Thái, để đến với các người không phải là Do Thái và thường được người Do Thái gọi là dân ngoại.

Khởi đầu, Kitô giáo là một gia đình thống nhất. Nhưng vào giữa thế kỷ XI, Kitô giáo tự tách làm hai: Kitô giáo phương Tây với trung tâm là Roma và Kitô giáo phương Đông với trung tâm đặt tại Constantinôpôli và có tên gọi là Chính Thống giáo.

Vào đầu thế kỷ XVI, với cuộc Cải cách Tin lành, Kitô giáo phương Tây lại tách ra làm hai: một số cộng đồng Kitô hữu tại châu Âu tách khỏi Roma, trung tâm quyền lực của Kitô giáo phương Tây và không thừa nhận quyền lực của Giáo hoàng. Các cộng đồng hay Kitô hữu này được gọi chung là Tin lành. Các Kitô hữu và các thể chế tiếp tục gắn với Roma và Giáo hoàng được gọi là Công giáo Roma. Một cách nào đó, có thể nói rằng từ Công giáo ở đây có nghĩa xã hội học. Nếu hiểu một thuộc tính của Kitô giáo là tôn giáo dành cho mọi người, thuộc mọi dân tộc, văn hóa, thời đại, khác với Do Thái giáo là tôn giáo của riêng một dân tộc, thì từ Công giáo, *catholicus* tiếng latinh, có thể được áp dụng cho Kitô giáo nói chung (Công giáo, Chính Thống giáo và Tin lành).



004

NHỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN LỚN TRONG LỊCH SỬ KITÔ GIÁO LÀ GÌ?

Kitô giáo, khi còn được coi là một hệ phái trong Do Thái giáo, không gặp khó khăn gì từ phía chính quyền Roma lúc ấy đang trị vì trên Palestin, vì Do Thái giáo vẫn được chính quyền Roma nhìn nhận và cho phép hoạt động. Nhưng khi tách khỏi Do Thái giáo và hoạt động như một tôn giáo mới, Kitô giáo tức khắc lâm vào tình trạng của một tôn giáo bất hợp pháp trong đế quốc Roma. Mặt khác, nhóm tín đồ mới này lại đã công khai từ chối không chấp nhận có một cử chỉ tối thiểu để bày tỏ lòng tôn kính có tính cách tôn giáo đối với hoàng đế Roma như các người khác trong đế quốc thường làm, và do đó họ bị tố cáo là những người vô thần. Lo ngại trước sự xuất hiện của tôn giáo mới và trước sự kiện con số các tín đồ Kitô giáo gia tăng một cách nhanh chóng, các hoàng đế Roma, bắt đầu từ Nêrô (chết năm 68 sau Công nguyên) tới thế kỷ thứ IV, đã ra tay bách hại các Kitô hữu. Nhiều tín đồ đã bị bắt, bị cầm tù, bị giết, số người khác phải sống và hành đạo một cách lén lút trong các hang dưới lòng đất, được gọi là hang toại đạo.

Vào năm 312, Constantinô, hoàng đế mới lên ngôi của đế quốc Roma, quyết định chọn các tín đồ của tôn giáo mới này làm hậu thuẫn cho ông. Một sự chọn lựa có tính

cách chính trị hơn là tôn giáo. Dù sao thì một trang sử mới cũng đã bắt đầu với Kitô giáo. Năm 313, Constantinô ban sắc lệnh nhìn nhận Kitô giáo và ông cũng đã ra sức củng cố và thống nhất cộng đồng các tín đồ của tôn giáo mới được nhìn nhận này. Và vào năm 390, hoàng đế Theodosius I đã biến Kitô giáo thành tôn giáo duy nhất chính thức được phép hoạt động trong đế chế Roma rộng lớn.

Như vậy, Kitô giáo đã được thiết lập thành một yếu tố cấu tạo của nền văn hóa Roma, đã gắn chặt với cơ cấu chính trị của đế quốc này. Nhưng Kitô giáo xem ra lại may mắn hơn Đế chế Roma. Những kẻ chinh phục Đế quốc Roma lại đã sớm bị chinh phục bởi tôn giáo của người dân họ chinh phục. Lần lượt, các bộ tộc germanic chiếm phần phía Tây của Đế quốc Roma, rồi người Frank với vua của họ là Clovis, người Viking từ Scandinavia và người Magyar (người Hunggari sau này)... đã gia nhập Kitô giáo và mang tôn giáo mới này tới các vùng đất mới..

Sau năm 597, nước Anh theo Kitô giáo. Vào thế kỷ thứ VIII, Bonifacio Ulfila (680 - 754) đưa nước Đức nhập đạo Kitô. Các nhà truyền giáo Đức tới hoạt động nơi người Bulgari, và nhà vua Boris đã chịu phép thánh tẩy (lễ nhập đạo). Thực ra thì người ta nhiều khi gia nhập Kitô giáo do chính trị hơn là được thuyết phục bởi các công cuộc truyền giáo. Chiến thắng của vua Olaf đã biến nước Na Uy thành một nước Kitô giáo. Charlemagne Đại đế (742 - 814) mở đường cho người Saxon German gia nhập Kitô giáo, khi ông thiết lập một đế quốc trải dài từ bắc Tây Ban Nha đến Batavia.

Tại phương Đông, Cyrillô (826 - 869) và Methodius (815 - 885), được gửi đi truyền giáo cho người Slave tại Moravia. Công cuộc truyền giáo của các tu sĩ này không có kết quả, nhưng chữ viết do hai tu sĩ này sáng chế ra và được gọi là mẫu tự cyrillique lại được các người Slave tiếp nhận.

Năm 988, ông hoàng Scandinave Vladimir thành Kiev gia nhập Kitô giáo và đã mở đầu cho sự kiện "nước Nga được rửa tội" (nhập Kitô giáo). Nhưng Kitô giáo được thiết lập tại Nga lại gắn với Kitô giáo phương Đông. Do đó, khi Kitô giáo phương Đông, vào thế kỷ XI, tách khỏi Kitô giáo phương Tây và trở thành Chính Thống giáo, thì nước Nga đã trở thành vùng đất phát triển của Chính Thống giáo. Sau khi Constantinopoli rơi vào tay Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ, Mátxcova trở thành trung tâm của Chính Thống giáo phương Đông và được gọi là "Roma thứ ba" của Kitô giáo.

Trong bước đường mở rộng thị trường và xâm chiếm thuộc địa của các nước châu Âu, Kitô giáo đã được loan truyền tới nhiều dân tộc trên thế giới, tại Nam Mỹ và châu Á. Tại châu Á, việc truyền giáo gặp nhiều khó khăn hơn. Phanxicô Xavier tới truyền giáo tại Nhật Bản năm 1549, và vào cuối XVI, người ta tính đã có tới ba trăm ngàn người Nhật nhập đạo Kitô. Nhưng kế đó xảy ra việc bách hại, kéo dài tới 1858. Tại Đông Nam Á, Công giáo được thiết lập tại Philippin với việc Tây Ban Nha xâm chiếm nước này (1538). Các thừa sai tới Trung Hoa qua nhiều đợt khác nhau (635, 1294, 1600), nhưng không có kết quả bao nhiêu. Tại Ấn Độ, mặc dù có giả thuyết cho rằng công cuộc truyền giáo đã bắt đầu tại đây từ thời các môn đồ đầu tiên của Đức Giêsu, Kitô giáo vẫn không được biết đến trên lục địa này cho tới khi Bồ Đào Nha chiếm Goa vào năm 1510. Sau khi Anh chiếm Ấn Độ (1858), công cuộc truyền giáo được đẩy mạnh, nhưng chưa bao giờ con số các tín đồ của tôn giáo này vượt quá 3% dân số Ấn Độ (1980).

Australia và Nouvelle-Zélande, vào thế kỷ XIX, là địa bàn phát triển của Anh giáo (1788), Công giáo (1838) và Tin lành (1840).

Hiện tại, Kitô giáo được kể là một tôn giáo có số tín đồ khá đông và có mặt tại gần như khắp nơi trên thế giới.



005

CÔNG GIÁO TRÊN THẾ GIỚI ĐƯỢC TỔ CHỨC RA SAO?

Giáo hội Công giáo là một tổ chức toàn cầu, tuy vẫn có tính cách địa phương. Một tổ chức chặt chẽ, tuy được chia thành từng giáo phận. Các giáo phận được tập họp theo quốc gia, nhưng vẫn tập trung dưới quyền của Giám mục giáo phận Roma, được gọi là giáo hoàng và guồng máy quản lý trung ương đặt tại Roma.

Chức vụ tôn giáo cao nhất trong giáo hội là Giám mục, người đứng đầu mỗi giáo phận. Giám mục là người kế vị mười hai tông đồ, những đồ đệ đầu tiên của Đức Giêsu, từng tháp tùng ông trong mọi chuyến đi giảng đạo của ông. Trong số 12 tông đồ của Đức Giêsu, có Phêrô là người đã được ông đặt làm người chịu trách nhiệm trên các tông đồ khác. Phêrô đã tới Roma và đã bị giết tại đây. Do đó, Giám mục Roma cũng là người kế nhiệm Phêrô và tiếp tục sứ vụ này đối với các Giám mục khác. Trong cương vị này, Giám mục Roma được gọi là Giáo hoàng. Giáo hoàng, như vậy, cũng là một Giám mục, nhưng là Giám mục của một giáo phận đặc biệt, giáo phận Roma.

Giáo hoàng do Mật tuyển viện (gồm các hồng y có quyền bầu cử) bầu ra. Giáo hoàng có ba nhiệm vụ: Giám mục giáo phận Roma, chủ chăn của giáo hội phổ quát, quốc trưởng nước Vatican. Giúp Giáo hoàng quản lý giáo hội

toàn cầu, có giáo triều Roma. Theo Giáo luật hiện hành, Giáo triều Roma gồm Phủ quốc Vụ khanh, Hội đồng Ngoại vụ của Giáo hội, các Bộ, Tòa án và những cơ quan khác giúp giáo hoàng giải quyết mọi việc của Giáo hội toàn cầu, thi hành nhiệm vụ nhân danh và với quyền hành của chính Giáo hoàng để nhằm thiện ích và phục vụ các Giáo hội địa phương. Trong những vấn đề quan trọng liên quan đến giáo lý, kỷ luật trong Giáo hội, Giáo hoàng sẽ bàn bạc với toàn thể các Giám mục được giáo hoàng triệu tập thành các Công đồng chung. Công đồng gần đây nhất là Công đồng chung họp tại Vatican. Đây là Công đồng họp lần thứ hai tại Vatican, nên được gọi là Công đồng chung Vatican 2.

Người trực tiếp chịu trách nhiệm trên Giáo hội ở các địa phương là các Giám mục. Vị Giám mục coi sóc các giáo phận lớn hay quan trọng có thể có một hay một số Giám mục phụ tá. Khi Giám mục địa phận chuẩn bị về hưu, ông thường được một Giám mục phụ tá với quyền kế vị phụ giúp. Để giúp Giám mục chu toàn trách nhiệm của mình trong giáo phận được giao cho ông, Giám mục có một số Linh mục. Các Linh mục này sẽ được Giám mục gửi tới các nơi trong lãnh thổ của giáo phận. Những nơi này được gọi là giáo xứ. Thường là trong mỗi giáo phận có một nơi dành riêng cho việc đào tạo các Linh mục được gọi là chủng viện và đại chủng viện. Để chăm lo cho các công việc của giáo phận, thường có những người Kitô hữu tình nguyện hiến mình để lo các công việc này theo những lề luật nhất định, được gọi là tu sĩ. Các tu sĩ có thể là nam, có người là Linh mục, hay nữ được gọi là nữ tu.

Hỗ trợ cho các Linh mục trong sinh hoạt tôn giáo của họ đạo, như dạy giáo lý cho trẻ em và người lớn, giúp các bệnh nhân, dạy học, ngoài các tu sĩ, nam và nữ, vốn là những người tự nguyện hiến dâng cuộc đời của mình để phục vụ giáo hội và xã hội, còn có giáo dân được gọi là

Giáo lý viên, người giúp các Linh mục hay tu sĩ dạy giáo lý cho người khác.

Các giáo xứ cũng có Ban Mục vụ giáo xứ, còn được gọi là Ban Hành giáo hay Hội đồng giáo xứ, gồm một số giáo hữu được giáo xứ bầu ra để lo việc trong xứ hay giúp các Linh mục tổ chức và điều hành sinh hoạt tôn giáo trong giáo xứ.



006

THIÊN CHÚA GIÁO ĐƯỢC TRUYỀN SANG VIỆT NAM KHI NÀO?

Theo lịch sử truyền giáo thì Thiên chúa giáo được truyền sang Việt Nam một cách liên tục và có hệ thống từ đầu thế kỷ XVII. Trước thời điểm này, đã có một số Linh mục tu sĩ lẻ tẻ tới Việt Nam. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* khi nói về lệnh cấm đạo Da tô năm 1663, có chú thích về đạo Da tô như sau "Theo Dã lục, thì vào khoảng tháng 3 năm Nguyên Hòa thứ nhất (1533), đời Lê Trang tôn, có người Tây phương tên I-nê-xu lên đến xã Ninh Cường, xã Quần Anh, huyện Nam Chân và xã Trà Lũ, huyện Giao Thủy, truyền bá đạo Da tô". Điều chắc chắn là đạo Thiên chúa đã bắt đầu hiện diện một cách liên tục tại Việt Nam và được chứng minh bằng các tư liệu đầu tay là từ năm 1615.

Ngày 18. 1. 1615, một số Linh mục và tu sĩ Dòng Tên thuộc các quốc tịch Ý, Bồ, và Nhật, thuộc tổ chức Dòng ở Bồ Đào Nha, tới Hội An chăm lo việc tôn giáo cho một số người Nhật Công giáo đang lánh nạn và làm ăn tại đây, đồng thời bắt đầu truyền đạo cho người Việt Nam. Lúc này, Việt Nam đã bị chia thành hai, Đàng Ngoài dưới quyền chúa Trịnh, Đàng Trong dưới quyền chúa Nguyễn, chiến tranh đã sắp sửa diễn ra giữa hai miền Nam Bắc. Mười năm sau, tức từ 1626, Thiên chúa giáo được truyền bá tại Đàng Ngoài.

Theo các bản tường trình của các thừa sai Dòng Tên để lại, thì họ đã bắt đầu công việc truyền đạo của mình bằng cách học tiếng Việt để có thể giảng đạo bằng tiếng Việt, tìm hiểu phong tục, tập quán và tín ngưỡng của người Việt Nam để "thích nghi" công cuộc truyền giáo của mình, thành lập đội ngũ các "Thày giảng" người Việt Nam để hợp tác với các thừa sai trong công cuộc truyền giáo, tổ chức những người đã nhập đạo sống theo họ đạo có người phụ trách.

Đối tượng được nhắm đến là quần chúng. Nhưng để tạo ảnh hưởng "dây chuyền," các thừa sai cũng quan tâm giảng đạo cho các nho sĩ, các quan trong triều đình, giới thân cận, họ hàng của vua, chúa, với hy vọng, một khi những người này gia nhập đạo, sẽ dùng ảnh hưởng của mình mà lôi cuốn người khác tin theo đạo. Linh mục Buzomi, khi tới truyền đạo tại Quy Nhơn, đã tổ chức các cuộc trao đổi, tranh luận về tôn giáo tại tư gia của một số nho sĩ hay quan lại hoặc tại đình làng. Các bản tường trình của một số thừa sai như Alexandre de Rhodes về công cuộc truyền giáo trong giai đoạn này có nhắc đến tên tuổi của một số "cụ nghè" hay một số nhân vật trong giới quan lại, hoặc họ hàng với chúa Nguyễn hay chúa Trịnh, đã gia nhập đạo Thiên chúa và đã trở thành những tín đồ sùng đạo có sức lôi cuốn người khác theo đạo, như cụ nghè Giuse ở Quảng Nam, cụ nghè Phêrô, cụ nghè Emmanuel, bà Minh Đức Vương thái phi, dì của chúa Sãi, hay bà Catarina, chị của chúa Trịnh... Tuy nhiên, vào giai đoạn này, Bồ Đào Nha đã không còn đủ tài chánh để cáng đáng công cuộc truyền giáo tại Việt Nam. Và Roma đã giao công việc truyền giáo tại Việt Nam cho các thừa sai thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris (M.E.P.) từ năm 1659.

Các thừa sai người Pháp tiếp tục và mở rộng công việc truyền giáo mà các Linh mục thừa sai Dòng Tên đã bắt đầu. Roma cũng đã chỉ định hai thừa sai người Pháp làm Giám

mục giám quản tông tòa là Francois Pallu, phụ trách khu truyền giáo Đàng Ngoài và Lambert de la Motte, Giám mục giám quản tông tòa Đàng Trong. Ngoài công việc truyền giáo, các Giám mục này còn có nhiệm vụ xây dựng giáo hội Công giáo tại Đàng Trong và Đàng Ngoài. Các thừa sai đã thiết lập hàng giáo sĩ người Việt bằng cách phong Linh mục cho người Việt Nam, thành lập Dòng Mến thánh giá, quy tụ các nữ tu người Việt. Các nữ tu này đã tích cực giúp công cuộc truyền giáo nhất là trong thời kỳ cấm đạo vốn bắt đầu từ khá sớm, tức từ những năm 60 của thế kỷ XVII.

Việc cấm đạo lúc đứt lúc nối này kéo dài tới khi Pháp xâm lược Việt Nam thì từng bước chấm dứt. Cùng với việc Việt Nam từng bước tiến vào xã hội hiện đại, Thiên chúa giáo đã có những điều kiện phát triển mới và khẳng định vị trí của mình trong lịch sử và văn hóa Việt Nam.



007

GIÁO PHẬN LÀ GÌ VÀ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY CÓ BAO NHIÊU GIÁO PHẬN?

Giáo phận là tên gọi đơn vị hành chánh chủ yếu và căn bản của Giáo hội Công giáo, có ranh giới rõ rệt, do một Giám mục cai quản với sự trợ giúp có thể của một hay một số Giám mục, của hàng giáo sĩ dưới quyền Giám mục. Một giáo phận thường được chia thành nhiều giáo xứ. Con số các giáo phận của Giáo hội Công giáo tại một quốc gia tùy thuộc vào sự phát triển của giáo hội này. Số các giáo phận của Giáo hội Công giáo Việt Nam tăng dần và hiện nay đã lên tới con số 26 giáo phận. Các giáo phận này được tập hợp lại thành ba Tổng giáo phận, cũng còn gọi là Giáo tỉnh: giáo tỉnh Hà Nội, giáo tỉnh Huế và giáo tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh. Các giáo phận mới được thiết lập do việc tách ra từ các giáo phận đang hiện hữu. Trong bản liệt kê dưới đây, con số trong ngoặc đơn chỉ năm giáo phận được thành lập.

Giáo tỉnh Hà Nội gồm 10 giáo phận tại các tỉnh phía Bắc, đó là giáo phận Hà Nội, được gọi là Tổng giáo phận Hà Nội (1659) nằm trên địa bàn của Thành phố Hà Nội (trừ một số huyện thuộc giáo phận Bắc Ninh), và của 4 tỉnh Hà Tây (trừ một số huyện thuộc Hưng Hoá), Nam Hà (trừ 4 huyện thuộc Bùi Chu), Hòa Bình và Hải Hưng. Giáo phận Hải Phòng (1679) gồm lãnh thổ của các tỉnh và thành

phố Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh và một phần Hưng Yên. Giáo phận Vinh (1846) nằm trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Giáo phận Bùi Chu (1848) gồm sáu huyên thuộc tỉnh Nam Định: Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu, Nam Trực, Trực Ninh, Nghĩa Hưng và một phần đất thuộc thành phố Nam Định (giáo xứ Khóai Đồng). Giáo phận Bắc Ninh (1883) nằm trên địa bàn của 5 tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc và một số huyện thuộc các tỉnh và thành phố khác. Giáo phận Hưng Hóa (1895) trải rộng trên 10 tỉnh của trọn vùng Tây Bắc, bao gồm Lai Châu, Sơn La, Lào Cai,Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc và một phần các tỉnh Hà Tây, Hà Giang, Tuyên Quang, Hòa Bình. Giáo phận Phát Diệm (1901) nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Giáo phận Thanh Hóa (1932) nằm gọn trên địa bàn của tỉnh Thanh Hóa. Giáo phận Thái Bình (1936) gồm hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên. Giáo phận Lạng Sơn (1939), nằm trên địa bàn các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, và phần tả ngạn sông Lô của tỉnh Hà Giang.

Giáo tỉnh Huế gồm 6 giáo phận tại các tỉnh miền Trung và Tây nguyên, đó là Giáo phận Huế, được gọi là Tổng giáo phận Huế (1850), nhưng khi ấy được gọi là giáo phận Bắc Đàng Trong. Tên gọi giáo phận Huế chỉ bắt đầu từ năm 1924. Từ năm 1960, Huế trở thành một Tổng giáo phận. Giáo phận Quy Nhơn (1850) hiện nay nằm trên địa bàn của ba tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Giáo phận Kontum (1932) bao gồm hai tỉnh Kontum và Gia Lai. Giáo phận Nha Trang (1957) nằm trên địa hạt của hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận. Giáo phận Đà Nẵng (1963), nằm gọn trong địa bàn tỉnh Quảng Nam hiện nay. Giáo phận Ban Mê Thuột (1967) hiện nay nằm trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk, Thành phố Buôn Ma Thuột và một phần tỉnh Bình Phước.

Giáo tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh gồm 10 giáo phận tại các tỉnh phía Nam: Giáo phận thành phố, được gọi là Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh nằm gọn trên địa bàn của thành phố (trừ huyện Củ Chi). Giáo phận Cần Thơ (1955) nằm trên địa bàn của ba tỉnh Cần Thơ (trừ huyện Thốt Nốt), Sóc Trăng và Minh Hải. Giáo phận Vĩnh Long (1938) hiện tại nằm trên địa bàn của các tỉnh Bến Tre (8 huyện thị), Đồng Tháp (4 huyện thị), Vĩnh Long (7 huyện thị) và Trà Vinh (8 huyện thị). Giáo phận Đà Lạt (1960) nằm gọn trong địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Giáo Phận Mỹ Tho (1960) hiện nay nằm trên địa bàn của các tỉnh Long An, Tiền Giang và các huyện Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười và thị xã Cao Lãnh của tỉnh Đồng Tháp. Giáo phận Long Xuyên (1960) hiện nay nằm trên địa bàn các tỉnh An Giang, Kiên Giang và huyện Thốt Nốt thuộc tỉnh Cần Thơ. Giáo phận Phú Cường (1965) gồm hai tỉnh Bình Dương và Tây Ninh, hai huyện Bình Long và Lộc Ninh của tỉnh Bình Phước và huyện Củ Chi của Thành phố Hồ Chí Minh. Giáo phận Xuân Lộc (1965) hiện nay nằm trên địa bàn của tỉnh Đồng Nai, đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo và một phần huyện Thuận An của tỉnh Bình Dương. Giáo phận Phan Thiết (1975) nằm trên địa bàn của hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy. Giáo phận được thành lập gần đây nhất là giáo phận Bà Rịa - Vũng Tàu (được thành lập cuối năm 2005).



008

XIN CHO BIẾT VỀ TỔ CHỨC CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM HIỆN NAY.

Giáo hội Công giáo Việt Nam hiện nay có tất cả 40 Giám mục, đứng đầu 26 giáo phận. Giám mục được phong gần đây nhất là Giám mục Phêrô Nguyễn Văn Đệ (18. 1. 2006), Giám mục phụ tá giáo phận Bùi Chu. Trong số các Giám mục hiện nay của Giáo hội Công giáo Việt Nam, có hai vị là Hồng y (Phạm Đình Tụng và Phạm Minh Mẫn), 9 Giám mục phó và 7 phụ tá, Giám mục được bổ nhiệm để trợ giúp Giám mục giáo phận trong công việc của Giám mục. Giám mục giáo phận, tùy theo công việc của giáo phận, có thể có một hoặc nhiều Giám mục phụ tá. Giám mục phụ tá không nhất thiết sẽ kế vị Giám mục giáo phận. Giám mục phó mới có quyền kế vị.

Các Giám mục đang thi hành phận sự tại các giáo phận ở Việt Nam làm thành Hội đồng Giám mục Việt Nam. "Tổ chức này có nhiệm vụ cổ vũ tình liên đới để phát huy các thiện ích mà giáo hội công hiến cho dân Chúa bằng các hình thức tông đồ và các phương pháp thích hợp với hoàn cảnh của thời đại". Hội đồng Giám mục sẽ họp mỗi năm ít nhất là một lần. Hội đồng Giám mục Việt Nam có Ban Thường vụ, Văn phòng Tổng thư ký và các Ủy ban Giám mục (9 ủy ban: về giáo lý, phụng tự, âm nhạc và nghệ thuật tôn giáo, giáo sĩ và chủng sinh, tu sĩ, giáo dân, Kinh thánh, Truyền giáo, văn hóa)

Trụ sở của Hội đồng Giám mục được đặt tại Tòa Giám mục Hà Nội, 40 phố Nhà Chung, Hà Nội và Trung tâm Công giáo, 72/12 Trần Quốc Toản, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để hỗ trợ các Giám mục làm tròn trách nhiệm có các Linh mục. Hiện tại giáo hội Công giáo Việt Nam có 2.125 (theo số thống kê năm 2003) Linh mục triều. Nơi đào tạo các thanh niên Việt Nam làm Linh mục là Đại chủng viện. Việt Nam hiện có sáu Đại Chủng viện là Đại chủng viện thánh Giuse Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Vinh Thanh, Cần Thơ.

Ngoài ra còn có các tu sĩ thuộc nhiều dòng tu nam nữ khác nhau. Các nam tu sĩ có thể là Linh mục. Trong trường hợp này, họ có thể được bổ nhiệm là cha xứ, phụ trách họ đạo, phụ tá cho các Linh mục chánh xứ hoặc cũng có thể được mời làm các công việc tôn giáo như giảng dạy, cử hành các nghi lễ tôn giáo... Các tu sĩ khác, đặc biệt là các nữ tu giúp dạy giáo lý cho trẻ em tại các giáo xứ. Con số các tu sĩ của giáo hội Công giáo Việt Nam rất cao: 1.920 nam tu sĩ và 10.377 nữ tu sĩ.

Cuối cùng là các giáo dân. Mỗi giáo xứ có một ban hành giáo thường gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thủ quỹ, thư ký và một số ủy viên để điều hành các công việc trong giáo xứ. Giáo dân cũng có thể được tập họp để làm thành các ca đoàn điều khiển và phụ trách việc hát xướng trong các nghi lễ. Việc tổ chức các hội đoàn, dành cho mọi lứa tuổi trong các giáo xứ, cũng rất thường được giao cho các giáo dân. Dân số Công giáo Việt Nam hiện nay là 5.252.279 (theo số liệu thống kê của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 2003).



009

XIN CHO BIẾT VỀ QUÁ TRÌNH THIÊN CHÚA GIÁO DU NHẬP VÀO SÀI GÒN.

Xét về nguồn gốc, Công giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh ra đời không do các cuộc truyền giáo của các thừa sai tại đây, mà chủ yếu là do giáo dân từ các nơi khác đến. Các đợt di dân chính người Công giáo tới vùng đất nay là Thành phố Hồ Chí Minh gồm:

- Rải rác trong giai đoạn trước khi Pháp tới Việt Nam: Theo các lớp người di dân người Việt từ các tỉnh phía bắc Đàng Trong, (các tỉnh miền trung hiện nay), tới lập nghiệp tại Sài Gòn và vùng Nam Bộ từ các thế kỷ XVII, XVIII. Người Công giáo có mặt tại Sài Gòn cùng với những cư dân đầu tiên người Việt, trước cả khi các thừa sai tới đây. Người giáo dân tự động tập hợp lại thành họ đạo, dựng nhà thờ và mời Linh mục ở nơi khác tới phục vụ họ về mặt tôn giáo. Sự hình thành của họ đạo Chợ Quán là một ví dụ điển hình. Theo Louvet thì vào áp ngày Pháp đánh chiếm Sài Gòn, tại đây đã có khoảng 27.000 người Công giáo.

- Đợt thứ hai, vào giữa thế kỷ XIX, khi quân Pháp rút khỏi Đà Nẵng và tới chiếm Sài Gòn năm 1859: Một số người Công giáo ở vùng Quảng Nam - Đà Nẵng đã theo quân Pháp vào Sài Gòn. Một phần của các người di cư này sống tập trung trong vùng phía bắc Sài Gòn, giữa thành và cầu Thị Nghè, làm thành cốt lõi của họ đạo Tân Định hiện

nay. Mặt khác, khi quân Pháp vừa tới Sài Gòn, Giám mục Lefèbvre cho tập trung các tín đồ lúc bấy giờ đang sống rải rác ở Sài Gòn, tại Xóm Chiếu, nằm giữa đồn phía nam và kinh Chợ Lớn, kế đó là Thủ Thiêm, ở bên kia sông, gồm các tín đồ từ nội thành chạy ra.

- Đợt thứ ba, lớn nhất, diễn ra vào các năm 1954 - 1955, sau hiệp định Genève kết thúc chiến tranh Việt Nam. Những người Công giáo tới sinh sống tại Sài Gòn vào dịp này chiếm một tỷ lệ đa số trong số giáo dân tại đây. Theo thống kê năm 1939, địa phận Sài Gòn, gồm cả những phần đất chưa được tách, có 82.375 giáo dân. Nhưng theo *Niên giám 1964* thì số giáo dân của giáo phận Sài Gòn (khi ấy bao gồm các vùng đất thuộc các giáo phận sau này được tách khỏi giáo phần Sài Gòn) đã lên tới 703.152. Như thế, số Công giáo di cư chiếm một tỷ lệ rất lớn. Sài Gòn, từ thời điểm này, đã là một nơi tập trung các tín đồ Công giáo có nguồn gốc từ hầu hết các tỉnh và miền của Việt Nam.

Hiện tại, theo *Niên giám thống kê* của giáo hội Công giáo (2003), số giáo dân ở thành phố có 593.697 người, khoảng 8% dân số thành phố. Thành phố cũng tập trung 10% số tín đồ Công giáo của cả nước, và chỉ đứng sau địa phận Xuân Lộc (762.065 tín đồ). Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh có tất cả 15 hạt và 195 giáo xứ.



010

GIÁO PHẬN SÀI GÒN ĐÃ TRẢI QUA NHỮNG GIAI ĐOẠN NÀO TRƯỚC KHI TRỞ THÀNH GIÁO PHẬN Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY?

Ta có thể chia ra làm hai giai đoạn chính:

Giai đoạn I: Giáo phận Sài Gòn là thành phần của giáo phận Tây Đàng Trong. Ngày 9. 9. 1659, Tòa thánh thành lập hai giáo phận ở Việt Nam là Đàng Trong và Đàng Ngoài. Giáo phận Đàng Trong trải dài từ sông Gianh tới Nha Trang, do Giám mục Lambert de la Motte, đại diện Tòa thánh coi sóc. Ngày 2. 3. 1844, Giáo hoàng Gregorius XVI chia giáo phận Đàng Trong thành hai giáo phận Đông Đàng Trong (Quy Nhơn) và Tây Đàng Trong (Sài Gòn). Năm 1994 giáo phận thành phố đã mừng kỷ niệm 150 năm thành lập (1844 - 1994). Tây đàng trong lúc đó gồm lục tỉnh Nam Kỳ và Cao Miên. Tòa Giám mục đặt ở Lái Thiêu. Đức Cha Dominique Lefèbvre coi sóc giáo phận.

Giai đoạn II: Giáo phận Sài Gòn: Ngày 30. 8. 1850, Tòa thánh cắt một phần đất của Tây Đàng Trong, thành lập giáo phận Nam Vang (Campuchia). Phần đất còn lại vẫn mang tên Tây Đàng Trong, do Đức cha Lefèbvre coi sóc. Ngày 3. 12. 1924, giáo phận Tây Đàng Trong được đổi tên là giáo phận Sài Gòn, do Giám mục Isidore Marie Dumortier Được (MEP) coi sóc. Ngày 8. 1. 1938, Tòa Thánh tách một phần đất thuộc giáo phận Sài Gòn để thành lập giáo

phận Vĩnh Long. Ngày 24. 11. 1960, Roma thiết lập hàng giáo phẩm Việt Nam với ba tổng giáo phận Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Giáo phận Sài Gòn được nâng lên hàng tổng giáo phận. Năm 1965, Tòa thánh tách từ giáo phận Sài Gòn thành lập hai giáo phận Phú Cường và Xuân Lộc. Đến năm 1975, từ giáo phận Sài Gòn thành lập thêm giáo phận Phan Thiết.

Ngày 2. 7. 1976, Quốc Hội khóa VI nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chính thức đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 23. 11. 1976, Tòa thánh đổi tên tổng giáo phận Sài Gòn theo tên hành chánh, theo yêu cầu của tổng giáo phận. Giáo phận thành phố hiện nay bao gồm 24 quận, huyện thuộc thành phố như các quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Gò Vấp, Tân Bình, Bình Tân, Tân Phú, Phú Nhuận, Thủ Đức và Bình Thạnh, các huyện Nhà Bè, Cần Giờ, Bình Chánh, Hóc Môn và Củ Chi.



011

XIN CHO BIẾT CỤ THỂ VỀ TÌNH HÌNH TÍN ĐỒ VÀ GIÁO XỨ THUỘC GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ HIỆN NAY.

Tín đồ công giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh sống rải rác trên 24 quận huyện, trong 15 giáo hạt: Sài Gòn có 17.198 giáo dân, Tân Định có 34.468 giáo dân, Xóm Chiếu có 39.912 giáo dân, Chợ Quán có 18.618 giáo dân, Bình An có 31.369 giáo dân, Phú Thọ có 44.567 giáo dân, Chí Hòa có 50.078 giáo dân, Tân Sơn Nhì: 88.113 giáo dân, Phú Nhuận có 23.774 giáo dân, Gia Định có 54.613 giáo dân, Gò Vấp có 25.904 giáo dân, Xóm Mới có 51.683 giáo dân, Thủ Đức có 38.630 giáo dân, Thủ Thêm có 30. 405 giáo dân, Hóc Môn có 57.552 giáo dân.

Tổng cộng số giáo dân trên toàn giáo phận là 607.064 người tín đồ.

Các tín đồ đó là giáo dân trực thuộc 195 giáo xứ trong 15 giáo hạt nói trên. Số tín đồ trong mỗi giáo xứ không đồng đều. Có giáo xứ nhỏ như giáo xứ Bình Minh (132/69B Nguyễn Duy, phường 14, quận 8) chỉ có 310 tín đồ, trong khi giáo xứ Xóm Chiếu lại có tới 18.792 tín đồ. Tính trung bình, mỗi giáo xứ quy tụ khoảng 3.000 tín hữu.

Ngoài số giáo dân nói trên, giáo phận thành phố còn có 540 Linh mục, trong đó 125 vị thuộc các dòng tu, và 2.450 tu sĩ nam nữ.

Về tình hình phân bố của các giáo xứ và giáo dân, thì vì nhiều lý do lịch sử, tín đồ Công giáo ở thành phố cư trú khá tập trung làm hình thành các cụm cư dân Công giáo. Có thể những cư dân Công giáo đầu tiên tới Sài Gòn một cách lẻ tẻ nhưng sau đó đã mau chóng tụ họp để tiện tiến hành những sinh hoạt tôn giáo mang tính cộng đồng.

Trong thời gian 1954 - 1956, phần nhiều di dân là người Công giáo phía Bắc vĩ tuyến 17 di cư vào Nam theo họ đạo, và cũng định cư theo họ đạo. Các họ đạo này được bố trí sát bên nhau tạo nên những vùng tập trung người Công giáo, được gọi là những trại di cư, những "vùng Công giáo", dĩ nhiên là nằm ven thành phố. Hiện nay, vẫn còn những giáo xứ có nhiều tín đồ ở cạnh nhau như giáo xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp (6.288 tín đồ), giáo xứ Vườn Xoài (6.362 tín đồ), Bùi Phát (6.969 tín đồ)... Các giáo xứ có nhiều tín đồ Công giáo tập trung ở các quận 3, Tân Bình, Gò Vấp, quận Thủ Đức... hiện nay. Theo thời gian, một số trại di cư được bố trí tại vùng ven trước đây hiện đã nằm ở khu vực gần như trung tâm của thành phố hiện nay.

Sự tập trung này trong cư trú đã góp phần không nhỏ trong việc duy trì những thực hành tôn giáo đã trở thành gia tài văn hóa của Công giáo Việt Nam. Người ta có thể nhận thấy nhiều giáo xứ tại thành phố còn giữ gần như nguyên vẹn một số nghi lễ quen thuộc tại các họ đạo miền Bắc, như Dâng hoa vào tháng Năm kính Đức Bà Maria, trong việc ngắm (một lối đọc kinh theo kiểu ngân nga) tại nhà thờ... Vào những dịp lễ lớn như Noel, dễ nhận ra các khu cư dân Công giáo nhờ những dây đèn và đèn ngôi sao giăng từ nhà này sang nhà nọ...



012

XIN CHO BIẾT VỀ GIÁO XỨ LÂU ĐỜI NHẤT TRONG TỔNG GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ HIỆN NAY.

Theo các tài liệu hiện có, thì giáo xứ lâu đời nhất của Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh là giáo xứ Chợ Quán, hiện thuộc phường 2, quận 5. Tài liệu ghi nhận là vào năm 1674, một số Kitô hữu thuộc các tỉnh phía Bắc Trung bộ tới Sài Gòn sinh sống và đã có mặt tại đây. Những người này đã dựng được một ngôi nhà nguyện nhỏ làm nơi tu tập cầu kinh. Giáo xứ gốc của phần lớn Kitô hữu này có thể là họ đạo Phường Đúc tại Huế. Họ tới đây lập nghiệp để tránh các cuộc bắt đạo đã bắt đầu diễn ra tại Huế. Trong các năm tháng đầu, các Kitô hữu này không có Linh mục chăm sóc, phải mời một Linh mục Dòng Tên đang hoạt động truyền giáo tại Đồng Nai, thỉnh thoảng tới cử hành các nghi lễ tôn giáo. Sang thế kỷ XVIII, họ được may mắn là có được một Linh mục thuộc dòng Phanxicô người Tây Ban Nha (tên Linh mục này là J. Garcia) tới ở giữa họ và tổ chức đời Sống đạo cho họ. Kế đó là các Linh mục người Việt Nam.

Giáo danh nghĩa Công giáo ở Chợ Quán không phải không gặp khó khăn. Việc cấm đoán đạo Thiên chúa của chính quyền phong kiến cũng theo họ tới tận đây, dù không gay gắt bằng. Cộng đoàn các Kitô hữu nhiều phen phải

phân tán, nhưng khi tình hình tạm ổn, họ lại lục đục kéo về, dựng lại nhà nguyện, nhà thờ làm nơi hội họp và sinh hoạt của cộng đoàn. Trong hơn hai trăm năm từ 1674 đến 1882, Chợ Quán đã xây dựng lại nhà thờ năm lần (vào các năm 1727, 1733, 1793, 1862, 1882). Nhà thờ hiện nay của giáo xứ được khởi công xây dựng từ 1882. Công trình này kéo dài 14 năm và được hoàn tất vào đầu năm 1896. Nhà thờ này còn tồn tại đến nay.



013

CÁC GIÁO XỨ ĐƯỢC TỔ CHỨC RA SAO?

Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay được chia thành hạt, mỗi hạt gồm một số giáo xứ, dưới giáo xứ còn có thể có họ lẻ, xóm đạo, hay chuẩn giáo xứ. Tuy nhiên, giáo xứ về mặt hành chánh, là đơn vị "chính thức" nhất sau giáo phận.

Theo định nghĩa trong giáo luật, giáo xứ là một cộng đoàn Kitô hữu, có tính cách pháp nhân theo giáo luật, do Giám mục giáo phận thiết lập một cách bền vững tại một địa phương với ranh giới hành chính rõ rệt và được đặt dưới sự coi sóc của một Linh mục chánh xứ được sự ủy thác của Giám mục giáo phận. Tên gọi giáo xứ trong tiếng latinh và Hy Lạp (parochia) khởi đầu chỉ vùng lãnh thổ giáo hội dưới quyền một Giám mục ("giáo phận" hiện nay), nhưng từ cuối thế kỷ IV, giáo phận được chia thành những đơn vị nhỏ hơn, Giám mục cử Linh mục tới phụ trách các đơn vị này và từ parochia được áp dụng cho các đơn vị nhỏ này.

Tất cả các giáo xứ tại thành phố đều có ít ra là một nhà thờ, được gọi là nhà thờ xứ, làm nơi giáo dân tập họp để cử hành các nghi lễ tôn giáo hàng ngày hàng tuần... Nhiều giáo xứ tại thành phố còn được chia thành các xóm đạo. Các xóm đạo thường cũng có nhà thờ hay nhà nguyện riêng để giáo dân trong xóm đạo có thể dự các nghi lễ tôn giáo

thông thường hàng ngày, khỏi phải đi xa. Mỗi giáo xứ do một Linh mục được Giám mục cử tới phụ trách việc tôn giáo cho giáo xứ. Linh mục này có thể có một hay nhiều Linh mục khác được Giám mục bổ nhiệm tới giúp. Giáo xứ còn có một Hội đồng mục vụ giáo xứ. Ban Thường vụ của Hội đồng giáo xứ thường gồm có một trưởng ban, một phó ban nội vụ, một phó ban ngoại vụ, một chánh thư ký, một phó thư ký, một ủy viên thủ quỹ, một ủy viên giáo lý, một ủy viên xã hội, một ủy viên phụng vụ, ba thành viên trong tiểu ban kiểm soát tài sản của giáo xứ. Mỗi khu giáo lại cũng có ban đại diện, nhưng số thành viên ít hơn. Hội đồng mục vụ giáo xứ do giáo dân trong giáo xứ bầu. Mỗi nhiệm kỳ kéo dài khoảng ba năm.

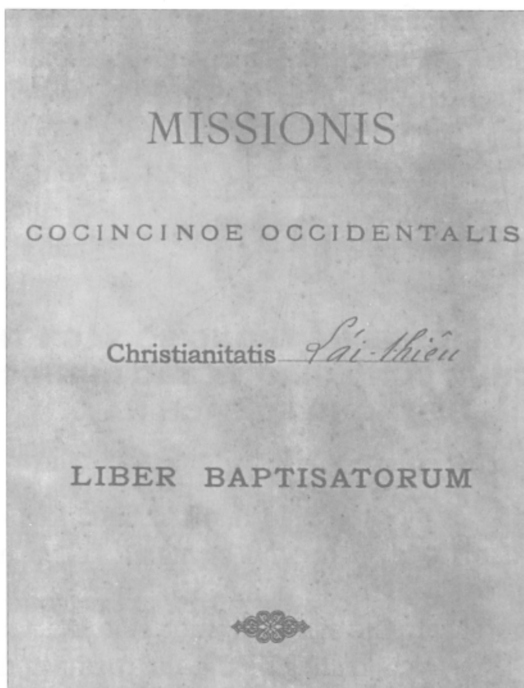


014

XIN CHO BIẾT VỀ HỆ THỐNG SỔ SÁCH TRONG TỔ CHỨC CÔNG GIÁO VÀ TÁC DỤNG CỦA HỆ THỐNG SỔ SÁCH NÀY.

Công giáo là một tôn giáo được tổ chức khá chặt chẽ. Gia nhập đạo Công giáo cũng có nghĩa là gia nhập một cộng đồng, ở đây là cộng đồng giáo xứ. Giáo xứ vốn là đơn vị hành chánh nhỏ nhất của một giáo hội tại một địa phương. Giáo xứ có ranh giới địa dư rõ ràng, được quy định khi giáo xứ được thành lập. Ranh giới này có thể thay đổi thường là khi con số tín đồ của giáo xứ gia tăng và việc thay đổi ranh giới giáo xứ ở đây thường có nghĩa là tách một phần của giáo xứ cũ để làm thành một giáo xứ mới để các giáo xứ có con số tín đồ vừa đủ để có thể tổ chức tốt.

Mỗi giáo xứ đều có một số sổ sách để tiện bề theo dõi và tổ chức các thành viên của giáo xứ. Các sổ Giáo luật buộc các giáo xứ phải có là sổ Rửa tội, sổ Hôn phối, sổ An táng và một số sổ khác Hội đồng Giám mục hoặc Giám mục giáo phận đã quy định. Linh mục chánh xứ là người có trách nhiệm lo ghi chép các sổ sách này và giữ gìn cẩn thận. Ngoài ra, mỗi giáo xứ còn phải có Công hàm hoặc Văn khố lưu giữ các sổ sách, văn thư của các Giám mục và các tài liệu khác. Các sổ sách và văn khố này sẽ được Giám mục giáo phận kiểm soát kỹ lưỡng trong lúc Giám mục tới giáo xứ kinh lý hoặc trong thời gian thuận tiện nào khác.



Sổ Rửa tội của họ đạo Lái Thiêu.

Trong số các sổ sách của giáo xứ, sổ Rửa tội được xem là quan trọng nhất. Sổ Rửa tội sẽ không chỉ ghi ngày tháng, tên tuổi người chịu phép rửa tội để gia nhập Giáo hội Công giáo và giáo xứ, tên tuổi Linh mục hay người rửa tội, tên tuổi cha hoặc mẹ đỡ đầu, mà còn phải ghi thêm tất cả những gì liên hệ tới tình trạng giáo luật của các Kitô hữu (hôn phối, chịu chức thánh, đi tu và khấn dòng, qua đời)...

Khi cả một giáo xứ hay một bộ phận chủ yếu của giáo xứ di chuyển, người ta thường cũng mang theo các sổ sách này, nhất là sổ Rửa tội. Trong cuộc di cư 1954, không ít giáo xứ ở miền Bắc, khi di cư vào Nam đã mang theo Sổ Rửa tội của giáo xứ.

Các sổ sách này của các giáo xứ có thể là những tư liệu quý giá để tìm hiểu lịch sử dân số hay phát triển của một

bộ phận của cộng đồng người Việt tại một nơi nào đó, đặc biệt tại Sài Gòn. Một số giáo xứ được coi là lâu đời ở đồng bằng sông Cửu Long như các giáo xứ Cù Lao Giêng, Năng Gù, Bò Ót, Mỹ Luông, Cái Đôi thuộc tỉnh An Giang và thuộc giáo phận Long Xuyên, hay giáo xứ Thành Triệu, tỉnh Bến Tre, thuộc giáo phận Vĩnh Long... còn lưu giữ một số trong các sổ sách này, đặc biệt là sổ Rửa tội. Riêng sổ Rửa tội thì các giáo xứ trên còn giữ được những cuốn sổ rất xưa ghi tên tuổi của những người được rửa tội từ khoảng 1875 trở về sau. Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn cũng còn lưu giữ một số sổ Rửa tội của một số giáo xứ thuộc Tổng giáo phận nhưng chủ yếu chỉ từ khoảng 1930 trở về sau. Nhìn chung loại sổ này, với những yếu tố nêu trên và nhất là quy trình nghiêm ngặt của việc vào sổ (mọi tín đồ đều buộc phải vào sổ, sổ sách được ghi ngay khi nghi lễ rửa tội kết thúc...) thực sự là các tư liệu quý giá để tìm hiểu nhiều vấn đề tôn giáo - xã hội tại Nam Bộ hơn một thế kỷ qua, có thể bổ sung cho hệ thống sổ sách về hộ tịch, giá thú, khai sinh, khai tử... chính thức của các chính quyền, tóm lại là những tư liệu quý để tìm hiểu nhiều vấn đề không chỉ trong phạm vi tôn giáo. Và đã nói là tư liệu quý thì phải đặt ra vấn đề bảo quản. Dĩ nhiên việc bảo quản trước hết vẫn là trách nhiệm của giáo hội, nhưng từ một cái nhìn rộng hơn và xa hơn mà nói, đây cũng là trách nhiệm của xã hội đối với một loại hình tư liệu lịch sử của quốc gia.



015

HIỆN NAY, CÓ BAO NHIÊU GIÁM MỤC PHỤ TRÁCH TỔNG GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH?

Trên toàn thế giới, mỗi giáo phận chỉ có một Giám mục chính thức phụ trách giáo phận. Vị Giám mục này có thể có vị trí Tổng Giám mục, hay Giám mục mang tước hiệu Hồng y. Tuy nhiên, Giám mục chính thức phụ trách giáo phận hay Giám mục giáo phận có thể có một hay nhiều Giám mục trợ giúp. Do trách nhiệm riêng biệt Giám mục đảm nhận, Giám mục được định rõ bằng một số tước hiệu khác nhau: Giám mục giáo phận là Giám mục đứng đầu và phụ trách giáo phận được giao cho Giám mục. Giám mục sẽ thường xuyên ở tại giáo phận của mình. Giám mục giáo phận có thể có một hay nhiều Giám mục trợ giúp. Các Giám mục này được gọi là Giám mục phụ tá. Các Giám mục phụ tá là những Giám mục hiệu tòa, nghĩa là Giám mục nhưng không thực sự phụ trách một giáo phận mà chỉ có tước hiệu Giám mục trên một giáo phận đã tồn tại trong quá khứ nhưng nay không còn nữa. Các giáo phận này thường nằm trong những vùng đã trở thành vùng ngoài Kitô giáo, do đó, các Giám mục hiệu tòa còn có tên gọi khác bằng tiếng latinh là "in partibus infidelium hay vắn tắt hơn, in partibus" trong vùng người ngoại. Các Giám mục phụ tá không đương nhiên có quyền kế vị Giám mục địa phận. Giám mục phụ tá có quyền kế vị Giám mục giáo

phận khi Giám mục giáo phận về hưu hay qua đời được gọi là Giám mục phó với quyền kế vị.

Tại Tổng giáo phận thành phố hiện nay có hai Giám mục: Giám mục giáo phận, tức Tổng Giám mục Hồng y Phạm Minh Mẫn. Ngày 14. 7. 2001, Giáo hoàng Gioan-Phaolô II đã bổ nhiệm Linh mục Giuse Vũ Duy Thống làm Giám mục phụ tá giáo phận thành phố.



016

GIÁM MỤC NGƯỜI PHÁP CUỐI CÙNG CỦA GIÁO PHẬN SÀI GÒN LÀ AI?

Giám mục người Pháp cuối cùng của giáo phận Sài Gòn là Giám mục Jean Cassaigne thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris (Société des missions Étrangères de Paris, viết tắt là M.E.P. Tên bằng tiếng Việt của Giám mục là Sanh. Giám mục sinh ngày 30. 1. 1895, thụ phong Linh mục ngày 19. 12. 1925, đến Đông Dương ngày 6. 4. 1926, thụ phong Giám mục ngày 24. 6. 1941, phụ trách giáo phận Sài Gòn. Năm 1955, Giám mục xin từ nhiệm để về phục vụ tại trại phong Di Linh, Lâm Đồng và qua đời ngày 31. 10. 1973 tại Kala, Di Linh. Giám mục kế vị Giám mục J. Cassaigne phụ trách giáo phận Sài Gòn là Giám mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền, Giám mục người Việt Nam đầu tiên phụ trách giáo phận Sài Gòn.



017

GIÁM MỤC NGƯỜI VIỆT ĐẦU TIÊN PHỤ TRÁCH GIÁO PHẬN SÀI GÒN LÀ AI?

Đó là Giám mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền. Ông sinh ngày 24. 3. 1906, tại Nhu Lý, Quảng Trị, theo học trường Pellerin (Huế), được Linh mục Cadière bảo trợ cho đi học tiểu chủng viện An Ninh năm 1919. Sau đó, ông lên học Đại chủng viện Phú Xuân năm 1927. Năm 1932, ông được Giám mục giáo phận Huế gửi đi học tại trường Truyền giáo Urbanô tại Roma (Italia), thụ phong Linh mục tại Roma năm 1935, Tiến sĩ Thần học năm 1937. Sau đó, ông sang Pháp học và đậu bằng Cử nhân Văn chương Pháp năm 1939.

Năm 1940, ông về Việt Nam và nhận nhiệm vụ dạy học tại trường Thiên Hựu (Providence) nổi tiếng tại Huế, giúp họ đạo Kim Long năm 1943 cùng với Linh mục Nguyễn Văn Hân là anh ruột của ông và năm 1944, cả hai cùng về phụ trách họ đạo Phủ Cam. Sau đó, ông liên tiếp giữ các chức vụ chánh xứ giáo xứ Phương Tây (1946), giám đốc Đại chủng viện Phú Xuân, Huế (1947), Linh mục Tổng đại diện giáo phận (1948), Linh mục người Việt đầu tiên được giao giữ chức vụ này tại Huế, Giám đốc tiểu chủng viện Huế (1953), Giám đốc trường Thiên Hựu thay một Linh mục người Pháp về nước.

Năm 1955, Roma chấp nhận cho Giám mục Cassaigne, người Pháp, thôi giữ chức Giám mục giáo phận Sài Gòn.

Ngày 11. 10. 1955, Linh mục Nguyễn Văn Hiền được Roma chỉ định làm Giám mục hiệu tòa Sagalasso, phụ trách giáo phận Sài Gòn. Như vậy, Giám mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền (thụ phong Giám mục ngày 30. 11. 1955), là Giám mục người Việt đầu tiên của giáo phận Sài Gòn. Một trong những công việc đầu tiên của vị Giám mục này tại Sài Gòn là tiếp nhận các tín hữu Công giáo và Linh mục, tu sĩ từ miền Bắc di cư vào sau Hiệp định Genève, "địa phương hóa" về mặt giáo quyền các giáo xứ di cư. Được biết, vào thời Giám mục Nguyễn Văn Hiền tại Sài Gòn, nhiều cơ sở hoạt động tôn giáo được xây dựng trong giáo phận khi ấy còn bao gồm cả Đà Lạt: Biệt thự Thánh Tâm, Viện Đại học Đà Lạt, Giáo hoàng Học viện Piô X, Trung tâm Công giáo Việt Nam.

Năm 1959, Giám mục Hiền có sáng kiến tổ chức Đại hội Thánh Mẫu toàn quốc (miền Nam Việt Nam) nhân dịp kỷ niệm 300 năm Roma chỉ định hai vị Giám mục đầu tiên cho Việt Nam, đó là hai Giám mục Lambert de la Motte và Francois Pallu. Giáo hoàng Gioan XXIII đã gửi đặc sứ Tòa thánh là Hồng y Agagianian, quyền Tổng trưởng bộ Truyền bá đức tin đến chủ tọa đại hội. Nhân dịp này, nhà thờ Đức Bà Sài Gòn được nâng lên hàng Vương cung thánh đường.

Ngày 27. 11. 1960, Roma ký sắc lệnh thành lập hai giáo phận mới tách từ giáo phận Sài Gòn: giáo phận Đà Lạt và giáo phận Mỹ Tho. Giám mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền được bổ nhiệm làm Giám mục giáo phận Đà Lạt. Tháng 1. 1961, Giám mục từ giã Sài Gòn đi nhận nhiệm sở mới. Việc xây dựng một giáo phận mới, về mặt vật chất và tinh thần, không phải là một công việc dễ dàng. Nhưng Giám mục đã chu toàn các nhiệm vụ mới, cũng như các trách nhiệm đã được giao, với tinh thần khiêm tốn, yêu những gì đơn giản và nhất là yêu thương người nghèo khổ.

Việc Giám mục, khi còn là Linh mục tại Phủ Cam đã cùng với người anh, cũng là Linh mục, lăn xả trong việc cứu tế người nghèo đói trong nạn đói 1944 - 1945 là một biểu hiện của tinh thần này.

Giám mục qua đời ngày 5. 9. 1973, thọ 67 tuổi. Hai tháng sau đó, Giám mục Jean Cassaigne, Giám mục người Pháp cuối cùng phụ trách giáo phận Sài Gòn và được Giám mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền thay thế, cũng đã qua đời tại làng những người cùi Kala (Đà Lạt), nơi Giám mục tình nguyện xin tới phục vụ những người không may này trong những năm tháng cuối đời.



018

TỔNG GIÁM MỤC ĐẦU TIÊN CỦA TỔNG GIÁO PHẬN SÀI GÒN LÀ AI?

Năm 1960, Roma thành lập hàng giáo phẩm giáo hội Công giáo Việt Nam. Cùng với việc thành lập hàng giáo phẩm này, giáo hội Công giáo tại Việt Nam cũng đã được chia thành ba Tổng giáo phận hay ba giáo tỉnh: Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Hồng y Giuse Maria Trịnh Như Khuê làm Tổng Giám mục tổng giáo phận Hà Nội. Giám mục Ngô Đình Thục làm Tổng Giám mục tổng giáo phận Huế. Tổng giáo phận Sài Gòn do Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình phụ trách. Như vậy Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình là Tổng Giám mục đầu tiên của tổng giáo phận Sài Gòn và tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh khi Sài Gòn được đổi thành Thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975.

Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình sinh năm 1910 tại Sài Gòn, nhưng cha mẹ ông là người gốc Lương Hòa Hạ (tỉnh Long An hiện nay), lên Sài Gòn sinh sống tại Tân Định. Ông học tại Lasan Taberd Sài Gòn, năm 1922, sau khi học hết bậc tiểu học, được Linh mục Urbanô Delignon, cha xứ thứ 11 của họ đạo Tân Định, giới thiệu vào Tiểu chủng viện Sài Gòn và năm 1932, được cử du học trường Truyền giáo tại Roma (Italia) và thụ phong Linh mục ngày 27. 3. 1937 tại nhà thờ thánh Gioan Latêranô (Italia). Sau khi thụ phong Linh mục, ông tiếp tục ở lại Roma một năm

phục vụ tại các họ đạo nhỏ và nghèo vùng lân cận Roma. Chính trong thời gian này, Linh mục nhiễm bệnh lao phổi. Ông về Việt Nam năm 1938 với căn bệnh lao phổi này. Thời này, phương pháp chữa trị căn bệnh này tại Việt Nam là tiêm thuốc cho lá phổi bị bệnh teo lại, nên khi hết bệnh, ông chỉ còn một lá phổi, mặc dù vậy ông vẫn tiếp tục sống cho tới năm 1995 mới qua đời, thọ 85 tuổi.

Về Việt Nam, Linh mục được Giám mục giáo phận Sài Gòn chỉ định giúp họ đạo Đức Hòa (Long An), một họ đạo nhỏ gồm mấy chục gia đình Công giáo, đa số là lưu dân từ miền Trung vào lập nghiệp. Năm 1942, Linh mục được Giám mục Cassaigne mời về dạy tại Tiểu chủng viện Sài Gòn. Năm 1948, Giám mục giáo phận cử Linh mục Bình lên phụ trách họ đạo Cầu Đất, Đơn Dương (Đà Lạt), một họ đạo nghèo, gồm các gia đình Công giáo từ miền Trung và miền Bắc vào làm công nhân Sở Trà cho một chủ đồn điền người Pháp từ năm 1927. Có truyền thống nói rằng Linh mục đã "bị đày" lên Cầu Đất, vì đã "bộc lộ lòng yêu nước" trong thời kỳ 1940 - 1945, khi quân đội Nhật xâm chiếm Đông Dương và nhiều phong trào vận động đấu tranh giành độc lập cho tổ quốc Việt Nam, cùng với một số Linh mục khác, trong đó có Linh mục Nguyễn Văn Mầu, tiền nhiệm của ông tại Cầu Đất (cả hai vị sau đã được chỉ định làm Giám mục).

Sau bảy năm phục vụ tại Cầu Đất, vào năm 1955, Linh mục Bình được điều về dạy Đại chủng viện Sài Gòn. Cũng vào năm này, Linh mục được Roma chỉ định làm Giám mục hiệu tòa Agnoensi, phụ trách giáo phận Cần Thơ mới được thành lập. Ngày 24. 11. 1960, Roma chia giáo hội Công giáo Việt Nam thành ba giáo tỉnh: Hà Nội, Huế và Sài Gòn, bổ nhiệm Giám mục Nguyễn Văn Bình từ Cần Thơ về làm Tổng Giám mục giáo tỉnh Sài Gòn.

Ngày 2. 4. 1961, Giám mục Bình về Sài Gòn nhận chức Tổng Giám mục đầu tiên của giáo phận lớn nhất về số tín hữu của giáo hội Công giáo Việt Nam.

Nhiệm kỳ Tổng Giám mục tổng giáo phận Sài Gòn của Giám mục Nguyễn Văn Bình đã trải qua những giai đoạn lớn của lịch sử Sài Gòn và của đất nước nói chung. Sài Gòn và miền Nam Việt Nam đang trải qua những năm đầy xáo trộn về mặt chính trị và chiến sự, cũng như xã hội. Thời kỳ chấm dứt chiến tranh trên đất nước Việt Nam và thời kỳ Việt Nam bước vào chế độ xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Việt Nam. Thời kỳ của đổi mới. Đây cũng là thời kỳ diễn ra Công đồng chung Vatican 2, một trong những biến cố lớn nhất của Giáo hội Công giáo toàn cầu và có ảnh hưởng rất lớn trên giáo hội ở từng địa phương. Những sự kiện lịch sử và tôn giáo không thể không dẫn đến những chọn lựa khác nhau của tín đồ trong giáo phận. Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã được đánh giá là một vị lãnh đạo giáo hội với tinh thần cởi mở, chấp nhận để các tín đồ làm theo lương tâm của mình. Thành phố để ghi nhận tinh thần cởi mở này của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, đã lấy tên của Tổng Giám mục đặt cho một con đường tại quận I, nằm bên hông nhà thờ chánh tòa.



019

HỒNG Y LÀ GÌ?

Hồng y là một tước hiệu trong giáo hội Công giáo Roma, ra đời từ việc tổ chức bầu Giám mục giáo phận Roma. Vào buổi đầu của Giáo hội Công giáo, Giám mục do hàng giáo sĩ và giáo dân trong giáo phận bầu. Tại Roma, việc tổ chức bầu cử Giám mục được giao cho các Linh mục xứ của các họ đạo chính và các phó tế phụ giúp Giám mục Roma hay có nhiệm vụ chăm sóc người nghèo trong bảy quận thành Roma. Các giáo sĩ này có tên gọi là Hồng y, Hồng y Linh mục và Hồng y phó tế. Sau này, các Giám mục các giáo phận phụ thuộc Roma gia nhập đoàn Hồng y và được gọi là Hồng y Giám mục.

Vào năm 1059, Giáo hoàng Nicolas II quyết định Giám mục Roma, cũng là giáo hoàng, sẽ do các Hồng y bầu mà thôi. Dân không tham gia việc bầu cử này. Năm 1150, dưới triều Giáo hoàng Eugène III, các Hồng y làm thành Hồng y đoàn, vị niên trưởng làm chủ tịch và Hồng y hầu cận (camerlengo) làm quản lý tài sản. Hồng y sẽ do giáo hoàng chỉ định cùng với Hồng y đoàn. Hiện nay, các Hồng y không còn phải là người trong hàng giáo sĩ ở Roma, nhưng Hồng y luôn mang một hiệu tòa trong số các giáo phận phụ cận Roma (Hồng y Giám mục), của một giáo xứ xưa (Hồng y Linh mục) hay của một lãnh thổ do phó tế phụ trách (Hồng y phó tế). Từ thời Gioan XXIII (1958 - 1963), Hồng y nào cũng phải có chức Giám mục.

Cho tới giữa thế kỷ XX, đa số Hồng y là người Italia. Nhưng từ năm 1946, dưới triều giáo hoàng Piô XII, đa số không còn phải là người Italia. Từ 1586, số Hồng y được ấn định là 70 (gồm 6 Giám mục, 50 Linh mục và 14 phó tế). Nhưng từ thời giáo hoàng Gioan XXIII số Hồng y vượt khỏi con số 70, và hiện nay là 120. Thời Trung cổ, Hồng y được xếp ngang hàng với các hoàng thân của triều đình. Hồng y trong giáo hội hiện nay cũng là tước hiệu cao sang xếp ngay sau giáo hoàng. Hồng y đoàn khi nhóm họp hội nghị trở thành cố vấn trực tiếp của giáo hoàng. Khi Tòa thánh trống ngôi (không có giáo hoàng) Hồng y đoàn giữ quyền quản trị Giáo hội và quyền bầu cử giáo hoàng trong một hội nghị gọi là mật tuyển viện.

Nhiệm vụ của các Hồng y là quản trị các giáo phận hay đứng đầu các bộ hoặc các ủy ban tại giáo triều Roma. Ngoài những đặc quyền của một Giám mục, Hồng y còn có một số đặc quyền riêng, thí dụ quyền có một bàn thờ di động. Hồng y mang phẩm phục màu đỏ (Hồng y), mang thánh giá trước ngực. Các Hồng y ở Roma được quyền hưởng phụ cấp (piatto cardinalizio) khi lương chức vụ không đủ tiêu dùng. Trong giáo hội Anh giáo, Hồng y chỉ được dùng để gọi hai vị Linh mục trông coi giáo đường thánh Phaolô ở Luân đôn (St Paul's Cathedral).



020

XIN CHO BIẾT VỀ HỒNG Y PHẠM MINH MẪN.

Tổng Giám mục Phạm Minh Mẫn là người Việt Nam thứ năm được phong Hồng y trong Giáo hội Công giáo và là Giám mục đầu tiên của Tổng giáo phận Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh được phong Hồng y.

Vị Hồng y người Việt thứ nhất là Tổng Giám mục Trịnh Như Khuê, Tổng Giám mục giáo phận Hà Nội. Hồng y là người làng Tràng Duệ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, thụ phong Linh mục năm 1933, được Roma bổ nhiệm Giám mục năm 1950, là Giám mục người Việt đầu tiên phụ trách giáo phận Hà Nội, là tổng Giám mục tổng giáo phận Hà Nội vào năm 1960. Năm 1975, Việt Nam thống nhất, Hà Nội trở thành thủ đô của cả nước, Tổng Giám mục Trịnh Như Khuê được Giáo hoàng Phaolô VI phong Hồng y. Trong cương vị Hồng y, tổng Giám mục Trịnh Như Khuê đã tới Roma tham gia bầu cử vị tân giáo hoàng kế vị giáo hoàng Phaolô VI là Giáo hoàng Gioan Phaolô I và Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Hồng y qua đời năm 1978.

Hồng y thứ hai là Tổng Giám mục Giuse Maria Trịnh Văn Căn, sinh năm 1921, tại Bút Đông, Trát Bút, huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam Ninh, thụ phong Linh mục năm 1949, được phong Giám mục năm 1963 tại nhà thờ Chánh tòa Hà Nội. Giám mục thay mặt Tổng Giám mục Hà Nội đi dự Thượng Hội đồng Giám mục thế giới năm 1974, trở

thành Tổng Giám mục tổng giáo phận Hà Nội sau khi Hồng y Trịnh Như Khuê qua đời năm 1978 và năm sau, tức 1979, được phong Hồng y.

Hồng y Trịnh Văn Căn qua đời năm 1990. Giám mục Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng về nhận tòa Tổng Giám mục Hà Nội năm 1994, sau khi, là Giám mục giáo phận Bắc Ninh, ông kiêm nhiệm giám quản tông tòa Hà Nội từ năm 1990. Ông sinh năm 1919, thụ phong Linh mục năm 1949, làm Giám mục giáo phận Bắc Ninh năm 1963. Ông là Hồng ý thứ ba người Việt của Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Giám mục người Việt Nam thứ tư được phong Hồng y là Tổng Giám mục phó Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Tổng Giám mục đã được thuyên chuyển đến Roma năm 1994 và được phong Hồng y tại đây. Hồng y qua đời 16. 9. 2002 tại Roma.

Tổng Giám mục Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn là người Việt Nam thứ năm được phong Hồng y. Tổng Giám mục vốn là Giám mục phó giáo phận Mỹ Tho được cử về làm Tổng Giám mục giáo phận Sài Gòn năm 1998 và được Giáo hoàng Gioan-Phaolô II đặt làm Hồng y ngày 28. 9. 2003.



021

XIN CHO BIẾT VỀ NGƯỜI VIỆT NAM ĐẦU TIÊN ĐƯỢC PHONG GIÁM MỤC.

Linh mục người Việt Nam đầu tiên được phong Giám mục là Linh mục Gioan-Baotixita Nguyễn Bá Tòng (1868 - 1949). Linh mục quê Tân Hòa, tỉnh Gò Công, học tiểu học La San Mỹ Tho, rồi tại trường Adran ở Sài Gòn, vào chủng viện năm 1883, đại chủng viện Sài Gòn năm 1887 và chịu chức Linh mục năm 1896, được đề cử làm bí thư tòa Giám mục trong suốt 21 năm. Năm 1917, Linh mục được cử về làm cha sở họ Bà Rịa, năm 1926, làm cha sở họ đạo Tân Định, Sài Gòn, Giám đốc Tân Định ấn quán (thành lập từ 1864). Năm 1933, Linh mục được bổ nhiệm làm Giám mục phó với quyền kế vị giáo phận Phát Diệm và Giám mục giáo phận năm 1935 khi Giám mục A. Marcou nghỉ hưu. Giám mục Nguyễn Bá Tòng là Giám mục người Việt Nam đầu tiên của Giáo hội Công giáo tại Việt Nam. Trong 16 năm làm Giám mục Phát Diệm, Giám mục Nguyễn Bá Tòng đã có những đóng góp lớn trong việc mở mang giáo phận, thành lập nhiều dòng tu trong giáo phận, trong đó có dòng Phước Sơn nổi tiếng, nâng cao trình độ đào tạo Đại chủng viện, tổ chức sinh hoạt văn hóa cho thanh niên, tổ chức khai khẩn vùng Cồn Thoi, vùng đất bồi ven biển, phía Nam Phát Diệm...

Giám mục Nguyễn Bá Tòng được xem là người có tài thuyết giảng. Khi còn là Linh mục, ông đã được nhiều nơi

cả ở Việt Nam lẫn Pháp mời giảng. Hai tác phẩm đáng lưu ý của Giám mục là *Bài giảng giáo lý* (Sermons catéchistiques) (1939), gần một ngàn trang, tập hợp các bài giảng giáo lý quan trọng của Giám mục. *Tuồng Thương khó* (1922), một kịch bản văn học về cuộc Thương khó của Chúa Giêsu, do chính Linh mục dàn dựng và được trình diễn nhiều lần tại Sài Gòn, Bà Rịa và tại nhà hát Hà Nội (1931).



022

LINH MỤC PHỤ TRÁCH GIÁO XỨ ĐƯỢC GỌI LÀ GÌ? CÓ NHIỆM VỤ GÌ?

Linh mục phụ trách giáo xứ được gọi với nhiều tên gọi khác nhau, tùy theo địa phương: Linh mục chánh xứ, cha xứ, cha sở. Vì Tổng giáo phận thành phố là nơi tập hợp người Công giáo từ nhiều địa phương khác nhau trên cả nước, nên các tên gọi này được sử dụng thường xuyên và trở nên quen thuộc. Như mỗi giáo phận chỉ có một Giám mục giáo phận, mỗi giáo xứ cũng chỉ có một Linh mục chánh xứ hay cha sở. Tổng giáo phận thành phố hiện có 195 giáo xứ, như vậy, số Linh mục chánh xứ không vượt quá con số này.

Theo định nghĩa của Bộ giáo luật, Linh mục chánh xứ là Linh mục được thông phần với Giám mục giáo phận vào tác vụ của Đức Kitô lo việc mục vụ (tôn giáo) cho cộng đoàn giáo xứ được ủy thác gồm việc giảng dạy, cử hành các nghi lễ và quản trị với sự cộng tác của các Linh mục khác, của phó tế và của giáo dân theo quy tắc luật định (Bộ Giáo luật 519). Linh mục còn có trách nhiệm loan báo Tin mừng cho mọi người trong lãnh thổ là giáo xứ được giao phó. Linh mục chánh xứ luôn giữ một vai trò quan trọng trong Giáo hội Công giáo vì là người đại diện Giám mục trực tiếp cùng với giáo dân tổ chức cuộc sống lòng tin Công giáo tại nơi đã được giao phó. Bộ Giáo luật Giáo

hội Công giáo ban hành năm 1983 dành cả một chương, chương VI của quyển II gồm 37 điều để nói về "giáo xứ, các cha sở và các cha phó". Để trở thành Linh mục chánh xứ hay cha sở, Linh mục phải được sự ủy thác của Giám mục giáo phận. Mỗi giáo xứ có một Linh mục chánh xứ và một hay nhiều Linh mục phó xứ. Trong trường hợp thiếu Linh mục, một Linh mục chánh xứ có thể được ủy thác phụ trách nhiều giáo xứ gần nhau. Một giáo xứ có thể được giao cho một tập thể Linh mục hay một dòng tu phụ trách, nhưng tập thể Linh mục hay dòng tu này phải cử một người làm trưởng ban điều hành và chịu trách nhiệm trước Giám mục. Linh mục chánh xứ cần được hưởng tính cách lâu bền, nghĩa là cần được bổ nhiệm với thời gian vô hạn định. Vì vai trò đặc biệt quan trọng của Linh mục chánh xứ đối với giáo xứ, Linh mục chánh xứ mỗi năm chỉ được phép vắng mặt ở giáo xứ để đi nghỉ tổng cộng tối đa là một tháng.



023

LINH MỤC ĐƯỢC ĐÀO TẠO Ở ĐÂU VÀ NHƯ THẾ NÀO?

Trường đào tạo chính thức thanh thiếu niên làm Linh mục là Chủng viện. Chủng viện được dịch từ tiếng latinh là seminarium, có nghĩa "nơi ươm hạt giống. Công đồng Trentô (kỳ 3, 1562 - 1563) quy định các Giám mục có bổn phận thành lập trong giáo phận của mình một chủng viện làm nơi đào tạo một hàng giáo sĩ đủ về mặt số lượng và có giá trị. Quy định này đã trở thành luật trong Giáo hội Công giáo Roma. Các luật lệ liên quan đến chủng viện được ghi trong Bộ Giáo luật (các số 232-264).

Chủng viện có thể là chủng viện địa phận, chủng viện liên địa phận, chủng việc giáo hoàng hay giáo hoàng học viện tùy theo các chủng viện này do cấp nào thiết lập và đặt dưới quyền của cấp bậc nào.

Giáo luật quy định Giám mục phụ trách giáo phận chỉ nên thâu nhận vào Đại chủng viện những người nào, xét theo các đức tính nhân bản và luân lý, đạo hạnh và trí tuệ, sức khoẻ thể lý và tâm lý cùng ý muốn ngay thẳng của họ, được coi là có đủ khả năng hiến thân trọn đời cho các tác vụ thánh. Trước khi được thu nhận, họ phải xuất trình chứng từ Rửa tội và Thêm sức, cũng như các văn kiện khác theo sự đòi hỏi của chương trình đào tạo Linh mục. Khi muốn thâu nhận các chủng sinh đã bị sa thải bởi một chủng viện

khác hoặc bởi một dòng tu, thì còn cần chứng thư của bề trên liên hệ, nhất là về lý do của sự sa thải hoặc sự rời bỏ.

Trong mỗi quốc gia, cần có chương trình đào tạo linh mục do Hội đồng Giám mục soạn, căn cứ trên các quy tắc do thẩm quyền tối cao của Giáo hội ấn định, và được Tòa thánh phê chuẩn. Chương trình ấy cần được thích nghi cho hợp với hoàn cảnh mới, với sự phê chuẩn của Tòa thánh. Trong chương trình đào tạo, cần phải xác định những nguyên tắc chủ yếu về việc đào tạo trong chủng viện, và những nguyên tắc tổng quát được thích nghi với những nhu cầu tôn giáo của từng miền hoặc từng tỉnh. Các nguyên tắc về chương trình nói trên đây cần được áp dụng cho tất cả các chủng viện, dù là giáo phận hay liên giáo phận.

Tuy nhiên, mỗi chủng viện cũng còn có những điều lệ riêng được Giám mục giáo phận hay các Giám mục liên hệ nếu là chủng viện liên giáo phận chuẩn y. Điều lệ nhằm thích nghi chương trình đào tạo Linh mục hợp với những hoàn cảnh đặc biệt, và nhất là hoạch định rõ ràng hơn những khía cạnh kỷ luật chi phối nếp sống hằng ngày của chủng sinh và trật tự của cả chủng viện.

Việc đào luyện về đạo đức và đạo lý cho các chủng sinh cần được hòa hợp và ăn khớp với nhau, nhằm cho mỗi người tùy theo cá tính riêng, đạt được sự trưởng thành về nhân bản, cùng với tinh thần Tin mừng và sự kết hợp chặt chẽ với Đức Kitô.

Chương trình đào tạo Linh mục phải dự liệu cho các chủng sinh không những được học hỏi kỹ lưỡng tiếng quốc ngữ, mà còn sành sỏi La ngữ và hiểu biết những ngoại ngữ khác cần thiết và hữu ích cho chính việc huấn luyện chủng sinh hoặc cho sứ mệnh tôn giáo của mình. Các môn học tại Đại chủng viện gồm có Triết học, Thần học. Hai môn này phải bao trùm một thời gian ít nhất là sáu năm trọn: hai năm dành cho Triết học và bốn năm dành cho Thần

học. Ngoài ra, chủng sinh còn được học hỏi về Kinh thánh, về Thần học Tín lý, Thánh Truyền, Giáo luật, Phụng vụ, Giáo sử...

Các Giám mục giáo phận, hoặc các Giám mục liên hệ nếu là chủng viện liên giáo phận, phải đóng góp theo một giá biểu đã thỏa thuận, vào việc xây cất và bảo trì chủng viện, việc chu cấp cho chủng sinh, thù lao cho các giáo sư và các nhu cầu khác của chủng viện.

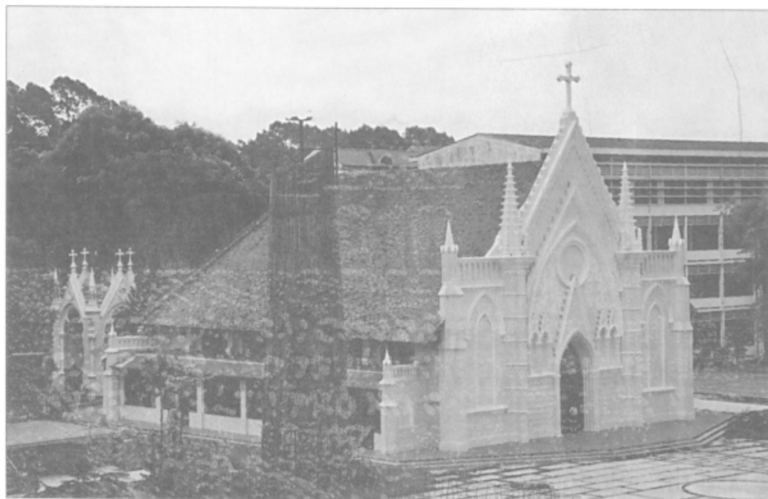


024

TỔNG GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY CÓ BAO NHIÊU CHỦNG VIỆN?

Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có một đại chủng viện, có tên là Đại chủng viện thánh Giuse thành phố, tọa lạc tại số 6 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1. Đây là một trong sáu chủng viện Giáo hội Công giáo được phép mở trên toàn quốc. Các Đại chủng viện khác là Đại chủng viện thánh Giuse Hà Nội (cho các giáo phận Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Hóa, Phát Diệm, Bùi Chu, Bắc Ninh, Thái Bình, Lạng Sơn, Châu Sơn), Đại chủng viện Huế, Đại chủng viện Sao Biển Nha Trang (cho các giáo phận Nha Trang, Quy Nhơn, Ban Mê Thuột), Đại chủng viện Vinh Thanh (cho hai giáo phận Vinh và Thanh Hóa), Đại chủng viện thánh Quý (cho các giáo phận Cần Thơ, Vĩnh Long, Long Xuyên).

Chủng viện thánh Giuse tại thành phố đã có một lịch sử dài. Năm 1860, Linh mục Theodore Louis Wibaux, thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris đến Sài Gòn và được Giám mục Lefèbvre đặt làm bề trên Chủng viện. Năm 1862, chủng viện tạm trú tại Thị Nghè. Năm 1863, Linh mục Wibaux đảm nhận công việc xây cất chủng viện. Chủng viện được khánh thành và khai giảng chính thức vào năm 1866, mang tên chủng viện thánh Giuse, đặt tại địa chỉ hiện nay.



Từ năm 1986, Đại chủng viện thánh Giuse thành phố đón nhận chủng sinh của sáu giáo phận như thành phố, Phú Cường, Mỹ Tho, Xuân Lộc, Phan Thiết và Đà Lạt. Việc tuyển chọn các ứng sinh đi học tại Đại chủng viện thuộc quyền thẩm định của Giám mục giáo phận. Từ 1993, theo quy định của Nhà nước, Đại chủng viện chiêu sinh mỗi hai năm một khóa.

Các môn học gồm có Kinh thánh (Cựu ước và Tân ước), Thần học, Phụng vụ, Giáo luật, Lịch sử Giáo hội Công giáo, Giáo dục nhân bản, Triết học, Triết sử, Giáo dục công dân và Lịch sử Việt Nam.



025

TÍN ĐỒ THIÊN CHÚA GIÁO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GẮN VỚI GIÁO XỨ NHƯ THẾ NÀO?

Cụ thể mà nói, trở thành người Công giáo cũng có nghĩa là gia nhập một cộng đồng tín đồ tại một địa phương nhất định là họ đạo, cũng còn được gọi là giáo xứ, có ranh giới địa dư rõ rệt, có tính cách pháp nhân theo luật và được tổ chức một cách chặt chẽ. Mọi tín đồ đều được ghi tên tuổi, ngày nhập đạo, ngày được khai tâm, ngày lập gia đình, ngày qua đời... trong sổ sách của giáo xứ. Một cách nào đó có thể nói được rằng bản thân tín đồ Công giáo có thể không biết rõ mình thuộc giáo xứ nào, nhưng trên nguyên tắc, không thể có một tín đồ Công giáo mà lại không phải là người của một họ đạo hay giáo xứ nào đó.

Giáo xứ là địa bàn sinh hoạt tôn giáo của một tín đồ. Nhà thờ của giáo xứ là trung tâm của các sinh hoạt này. Tại các nhà thờ, hàng ngày có nghi lễ tôn giáo để quy tụ các tín đồ sùng đạo. Tín đồ nào không thể hay không muốn tới nhà thờ hàng ngày thì cũng buộc phải tới nhà thờ tham dự nghi lễ tôn giáo một tuần một lần vào chủ nhật hay chiều thứ bảy và các ngày lễ trọng. Do đó, nhà thờ vào chủ nhật và lễ trọng luôn luôn đông nghẹt tín đồ. Nhiều nhà thờ tại thành phố cử hành nhiều lễ vào các ngày chủ nhật và lễ trọng, như nhà thờ Chánh Tòa (nhà thờ Đức Bà, quận 1), bốn lễ buổi sáng và ba lễ buổi chiều, nhà thờ

dòng Chúa Cứu Thế (đường Kỳ Đồng, quận 3) cũng bốn lễ buổi sáng và ba lễ buổi chiều...

Ngôi nhà thờ được sử dụng làm nơi tế tự, sinh hoạt, hội họp, có thể được coi như là một trung tâm văn hóa được lui tới thường xuyên và đông đảo của họ đạo. Các buổi tập hợp này thường là dịp để các tín đồ nghe thuyết giảng về giáo lý và những bài học rút ra từ giáo lý cho cuộc sống thường ngày trong xã hội của các tín đồ. Ngoài ra, các tín đồ còn được quy tụ để sinh hoạt theo giới tính, theo tuổi, theo nghề nghiệp.

Ngoài ra, giáo xứ không chỉ là nơi tập trung các sinh hoạt tôn giáo mà còn là nơi sinh hoạt văn hóa. Vào trước 1975, các giáo xứ thường có trường tiểu học, chủ yếu cho các con em trong giáo xứ. Trường tiểu học này thuộc giáo xứ, coi như là tư thục, do các nữ tu dạy học, rất tiện lợi cho giáo dân trong giáo xứ. Một số giáo xứ có mở thêm trường nay gọi là cấp một hoặc cấp hai, cấp ba. Sự hiện diện của trường học ngay trong giáo xứ là một khuyến khích lớn cho việc ham học nơi các thanh thiếu niên trong các họ đạo tại thành phố.



026

XIN CHO BIẾT VỀ CÁC HỘI ĐOÀN CỦA CÁC GIÁO PHẬN Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Hoạt động hội đoàn là một trong những hoạt động thiết yếu của các giáo xứ tại giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh cũng như trong Giáo hội Công giáo trên toàn thế giới. Do đó, nhiều hội đoàn Công giáo của giáo phận thành phố có nguồn gốc quốc tế. Các hội đoàn này có thể nói được là rất nhiều và đa dạng. Tuy nhiên, có thể gộp chung lại thành hai loại chính như hội đoàn chuyên biệt và hội đoàn không chuyên biệt. Hội đoàn chuyên biệt là những hội đoàn dành riêng cho một giới, một độ tuổi, một nghề nghiệp. Các hội đoàn không chuyên biệt là các hội đoàn không quy tụ đoàn viên theo giới, độ tuổi hay nghề nghiệp, mọi giáo dân đều có thể tham gia nếu thấy thích hợp.

Có thể chia các hội đoàn phổ biến nhất trong các giáo xứ thuộc giáo phận thành phố thành hai nhóm là Hội đoàn chuyên biệt và Hội đoàn không chuyên biệt.

Hội đoàn chuyên biệt: các tổ chức dành cho giới trí thức như Sinh viên Công giáo, Thanh Sinh Công, Thanh Lao Công, Thanh niên Thánh nghiệp, Hiệp hội giáo chức Công giáo, Pax Romana. Dành cho thiếu nhi và giới trẻ: Phong trào Thiếu nhi Thánh Thể, Hùng Tâm Dũng Chí, Hướng đạo sinh Công giáo, Hiệp Hội Thánh Mẫu, Nghĩa Sinh. Dành cho nữ giới: Hội con Đức Mẹ, Các bà mẹ Công giáo.

Dành cho nam giới: Hội Liên minh Thánh Tâm, Bác ái Vinh Sơn.

Hội đoàn không chuyên biệt: Legio Mariae, Gia đình Phạt Tạ, dòng Ba Đa Minh, dòng Ba Phan Sinh, dòng Ba Cát Minh, Cộng đoàn Bác ái.



027

XIN CHO BIẾT THÊM VỀ MỘT SỐ HỘI ĐOÀN CÔNG GIÁO PHỔ BIẾN Ở THÀNH PHỐ.

Trước tháng 4. 1975, cộng đoàn Công giáo ở thành phố có khá nhiều tổ chức hội đoàn quy tụ thiếu nhi, thanh niên, học sinh sinh viên Công giáo để tiến hành các sinh hoạt tôn giáo. Dưới đây chỉ giới thiệu vắn tắt về một số hội đoàn tiêu biểu nhất.

Thiếu nhi Thánh thể. Trước đây còn gọi là Nghĩa binh Thánh thể do các Linh mục Léonard Cros và Ramadière sáng lập vào giữa thế kỷ XIX tại Pháp, dành cho các thiếu nhi. Tổ chức này được thành lập tại Sài Gòn năm 1931. Sau Công đồng chung Vatican 2, phong trào được đổi tên thành Phong trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam, với mục đích giáo dục các thiếu nhi về phương diện tự nhiên và siêu nhiên (tôn giáo), tức qua các phương pháp thích hợp, giúp các em trở thành những công dân tốt của xã hội và những Kitô hữu hoàn hảo. Phong trào dựa theo lứa tuổi tập hợp các em thành ba ngành: Ấu nhi quy tụ các em từ 7 đến 9 tuổi, Thiếu nhi, từ 10 đến 13 tuổi và Nghĩa sĩ, từ 14 đến 17 tuổi.

Hùng tâm Dũng chí do Linh mục Gaston Courtois thành lập vào năm 1936 (Hùng tâm cho thiếu nhi nam) và 1937 (Dũng chí cho thiếu nhi nữ). Tại đại hội Quốc tế ở Roma nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, 1966,

Phong trào được đổi tên thành Phong trào Quốc tế Tông đồ Thiếu nhi. Phong trào có tờ báo riêng. Phong trào được thành lập tại Hà Nội từ năm 1942 và vào năm 1975, phong trào đã có mặt tại 9 giáo phận thuộc các giáo tỉnh Huế và Sài Gòn. Phong trào tại Việt Nam có hai tờ báo là *Tre xanh*, của Hùng tâm Dũng chí Sài Gòn và tờ *Huynh trưởng hùng dũng* ở Đà Nẵng. Phong trào hoạt động theo các châm ngôn: đến với mọi thiếu nhi, quan tâm và tôn trọng tất cả những gì làm nên đời sống của thiếu nhi, tìm và phát triển khả năng tổ chức và hoạt động của thiếu nhi, tin tưởng vào khả năng làm việc tông đồ "của thiếu nhi cho thiếu nhi".

Phong trào Thanh Sinh Công quy tụ Thanh niên học sinh, sinh viên Công giáo, được thành lập tại Pháp, dành cho giới sinh viên, học sinh, song song với Phong trào Thanh Lao Công, dành cho giới thanh niên lao động, do Hồng y Cardjin thành lập tại Bỉ năm 1920. Qua phương pháp "xem / xét / hành động", Phong trào muốn giúp sinh viên, học sinh Công giáo nêu cao và thực hiện các giá trị của đạo trong giới học đường, góp phần xây dựng một thế hệ trẻ biết yêu chân, thiện, mỹ như Thiên chúa đòi hỏi.

Sau tháng 4. 1975, hoạt động của các hội đoàn nói trên đều ít nhiều thu hẹp lại trong bối cảnh xã hội mới.



028

THANH LAO CÔNG LÀ GÌ?

Thanh Lao Công là tên gọi vắn tắt của phong trào có tên đầy đủ là Thanh niên lao động Công giáo.

Đây là một tổ chức Công giáo tiến hành chuyên biệt quy tụ giới thợ thuyền trong Giáo hội Công giáo Roma, nhằm đưa các nguyên tắc luân lý Kitô giáo vào xã hội của thời công nghiệp hiện đại và giúp giới lao động sinh hoạt trong Giáo hội. Thanh Lao Công ra đời tại Brussels (Bỉ), sau thế chiến lần thứ II và dưới sự hướng dẫn của Linh mục Cardijn với tinh thần của thông điệp Rerum Novarum (Những vấn đề mới) của Giáo hoàng Lêô XIII, về những vấn đề liên quan tới giới công nhân, thợ thuyền.

Tổ chức Thanh Lao Công đã được thiết lập tại Việt Nam từ năm 1937. Thanh Lao Công Việt Nam gồm hai ngành, Thanh Lao Công nam dành cho nam công nhân và Thanh Lao Công nữ dành cho nữ công nhân. Hoạt động của Thanh Lao Công Việt Nam, vào những năm trước năm 1975 hầu như gói gọn tại Sài Gòn. Nhiều thành viên của Phong trào này đã tích cực tham gia vào các cuộc đình công của công nhân tại các xí nghiệp để đòi tăng lương, đòi cải thiện chế độ và môi trường làm việc, đòi tôn trọng quyền lợi của người lao động... Điển hình là việc Thanh Lao Công, cùng với các Linh mục phụ trách Phong trào là Trương Bá Cần, Phan Khắc Từ, Trần Thế Luân, tham gia cuộc đấu tranh

của công nhân hãng Pin Con Ó tại Chợ Lớn năm 1974. Cũng với tinh thần này, nhiều thành viên của phong trào Thanh Lao Công cũng đã tham gia các cuộc đấu tranh của nhân dân thành phố chống các chính sách đàn áp, leo thang chiến tranh, đòi hòa bình và công bằng xã hội. Nhiều thành viên của phong trào đã bị bắt, có người đã bị đày ra Côn Đảo.



029

PHONG TRÀO PAX ROMANA LÀ GÌ?

Pax Romana là tên gọi bằng tiếng latinh (Pax: hòa bình, Romana: thuộc Roma, kinh đô của đế quốc Roma xưa, thủ đô của Italia và trung tâm của Giáo hội Công giáo thế giới) của Phong trào Trí thức Công giáo Việt Nam.

Năm 1888, Liên hiệp Quốc tế Sinh viên Công giáo được thành lập tại Thụy Sĩ. Tuy nhiên, cho tới sau Thế chiến thứ nhất, tổ chức này vẫn đóng khung trong lục địa châu Âu. Năm 1921, đại hội đại biểu của 23 quốc gia chấp thuận dùng tên Pax Romana để gọi tổ chức Sinh viên Công giáo Thế giới. Từ đây, Pax Romana phát triển mạnh mẽ và ra khỏi châu Âu. Tháng 4. 1947, tại Roma, Pax Romana chính thức ấn định cơ cấu tổ chức gồm hai bộ phận cùng hoạt động trong phong trào: Phong trào Quốc tế Sinh viên Công giáo và Phong trào Quốc tế Trí thức Công giáo.

Tại Sài Gòn, năm 1960, một số nhà trí thức Công giáo xuất thân từ Đại học Sài Gòn cùng với một số người tốt nghiệp từ các Đại học ở nước ngoài về (như các ông Lý Chánh Trung, Nguyễn Văn Trung, Võ Long Triều, Nguyễn Văn Ái, Trần Quí Thái, Nguyễn Văn Huyền và các Linh mục Nguyễn Bình An, Nguyễn Huy Lịch...), đã thành lập nhóm Cựu sinh viên Công giáo. Sau một thời gian hoạt động, nhóm Cựu sinh viên Công giáo đã hoàn thành một bản điều lệ được Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình phê

chuẩn ngày 15. 5. 1963. Đúng hai tháng sau, tức ngày 15. 7. 1963, Nhóm Cựu sinh viên Công giáo Việt Nam chính thức gia nhập Phong trào Trí thức Công giáo Quốc tế và tới năm 1966 đổi tên thành Phong trào Trí thức Công giáo Việt Nam. Trụ sở của Phong trào nằm trong khuôn viên nhà thờ Tân Định, đường Hai Bà Trưng.

Phong trào có những mục đích như trau dồi đời sống Công giáo của đoàn viên, tìm hiểu theo ánh sáng đức tin những vấn đề hiện thế trong mọi lãnh vực, quang tỏa tư tưởng Công giáo bằng cố gắng suy tưởng và minh chứng tập thể. Phối hợp các hoạt động trí thức Công giáo để thực hiện mục đích trên. Hai hoạt động chính của phong trào là sinh hoạt phụng vụ (lễ nghi) và tổ chức hội học, thuyết trình và ấn loát.

Thực hiện mục đích trên đây, phong trào đã có những buổi hội thảo và những bài viết về các chủ đề như người Công giáo đứng trước thời đại, Người Công giáo và dân tộc, Người Công giáo và công bằng xã hội...



030

GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÓ BAO NHIÊU DÒNG TU DÀNH CHO NAM TU SĨ?

Theo số thống kê của Giáo hội Công giáo Việt Nam phát hành năm 2006, giáo phận thành phố có 889 nam tu sĩ thuộc 16 dòng tu khác nhau và 8 tu hội dòng tu dành cho nam tu sĩ. Trong số các dòng này, có các dòng có gốc từ nước ngoài, và có dòng được thành lập trong nước.

Dòng có gốc từ nước ngoài là Dòng Biển Đức, được thành lập vào năm 520, tại Italia, vào Việt Nam năm 1936, được thành lập tại Sài Gòn năm 1972. Dòng Chúa Cứu Thế, được thành lập năm 1732 tại Italia. Dòng Đa Minh, được thành lập năm 1216 tại Pháp, có mặt tại Việt Nam từ giữa thế kỷ XVI. Dòng La San, được thành lập vào năm 1680, tại Pháp, có mặt tại Sài Gòn từ năm 1866. Dòng Phanxicô, được thành lập khoảng năm 1209 tại Italia, được thành lập tại Việt Nam năm 1929. Dòng Salesien Don Bosco, được thành lập năm 1859 tại Italia. Dòng Tên, tức dòng Chúa Giêsu, được thành lập vào năm 1540, do thánh Inhatio Loyola, người Tây Ban Nha, tới Việt Nam từ năm 1615. Dòng Thánh Thể, được thành lập tại Pháp, năm 1856, đến Việt Nam năm 1973. Dòng Tiểu Đệ Chúa Giêsu, được thành lập vào năm 1933, có mặt ở Việt Nam vào năm 1954. Các dòng Xitô và Phước Sơn, thành lập tại Việt Nam năm 1918, có mặt tại Sài Gòn từ năm 1953. Dòng Anh Em Đức

Mẹ Người Nghèo, thành lập năm 1956 tại Pháp, vào Việt Nam từ năm 1970. Tu đoàn Truyền Giáo Thánh Vinh Sơn, thành lập năm 1625 tại Pháp. Tu đoàn Linh mục Xuân Bích, thành lập tại Pháp đầu thế kỷ XVII, tới Việt Nam vào đầu thập niên 30.

Dòng gốc Việt Nam: Dòng Đồng Công, thành lập năm 1953 tại Bùi Chu. Dòng Thánh Tâm - Huế, thành lập tại Huế năm 1925. Tu hội Chúa Giêsu, khởi đầu tại Phát Diệm năm 1950, tại Sài Gòn năm 1973. Tu hội Đắc Lộ, thành lập năm 1957 tại Sài Gòn. Tu hội Gia Đình Na Gia, thành lập năm 1964 tại Cần Thơ. Tu hội Nhà Chúa Thánh Gioan Tiền Sứ, được thành lập năm 1974, tại Sài Gòn. Tu đoàn Tông đồ Giáo sĩ Nhà Chúa, thành lập năm 1630 tại Việt Nam. Tu đoàn Tông Đồ Nhập Thế - Tận Hiến - Truyền Giáo, thành lập tại Thái Bình năm 1949. Tu đoàn Thừa Sai Thánh Mẫu Chúa Cứu Thế, thành lập năm 1991. Hội Thừa Sai Việt Nam, thành lập năm 1971.



031

GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÓ BAO NHIÊU DÒNG TU DÀNH CHO NỮ TU SĨ?

Theo số thống kê của Giáo hội Công giáo Việt Nam xuất bản năm 2006, giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh có 3 dòng nữ tu sĩ thuộc dòng tu khác nhau và 8 tu hội dòng tu dành cho nữ tu sĩ. Trong số các dòng này, có dòng có gốc từ nước ngoài, và có dòng được thành lập trong nước.

Các dòng tu có gốc nước ngoài: Nữ Đan viện Biển Đức, được thành lập tại Pháp, tới Sài Gòn năm 1967. Đan Viện Cát Minh Sài Gòn, Bình Triệu, gốc từ Dòng Carmel, dòng nữ được thành lập vào thế kỷ XV tại châu Âu và tại Việt Nam năm 1861. Dòng Kín Clara, được thành lập vào thế kỷ XIII tại Italia, tại Việt Nam năm 1935. Dòng Chúa Giêsu Hài Đồng, được thành lập năm 1667 tại Pháp, tại Sài Gòn năm 1973. Dòng Chúa Quan Phòng, được thành lập năm 1762 tại Pháp, tới Cù Lao Giêng năm 1876. Dòng Con Đức Mẹ Phù Hộ, thành lập năm 1872, tại Italia, tại Chợ Lớn năm 1961. Dòng Đức Bà, thành lập năm 1597 tại Pháp. Dòng Đức Bà Truyền giáo, được thành lập năm 1861 tại Pháp, tại Sài Gòn năm 1957. Dòng Nữ Trợ Thế Nữ Chúa Giêsu, được thành lập tại Tây Ban Nha năm 1881, tại Việt Nam năm 1987. Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ, thành lập năm 1877 tại Ấn Độ. Dòng Thánh Phaolô de Chartres, được thành lập năm 1696 tại Pháp, tới Sài Gòn năm 1866.

Dòng Thánh Phaolô Thiện Bản, được thành lập năm 1873, tại Thụy Sĩ, tại Việt Nam năm 1974. Dòng Tiểu Muội Chúa Giêsu, được thành lập năm 1939, tại sa mạc Sahara (Angiêri).

Dòng gốc Việt Nam. Các Dòng Mến thánh giá được thành lập tại Việt Nam từ năm 1670. Dòng Chị Em Đa Minh, khởi đầu năm 1715. Dòng Chị Em Đức Mẹ người nghèo, được thành lập năm 1992 tại Sài Gòn.



032

HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÁC DÒNG TU NÀY LÀ GÌ?

Theo truyền thống ngàn đời của Giáo hội, một dòng tu thường có hai hoạt động chính mà các dòng tu cổ xưa như dòng Biển Đức đã tóm lại thành khẩu hiệu Ora et labora (cầu nguyện và lao động). Cầu nguyện là hướng lên Đấng tối cao, còn lao động là hướng tới anh em đồng loại để phục vụ. Do đó, bất cứ dòng tu nào cũng có hai mặt hoạt động:

Một là hoạt động tôn giáo: thờ phụng Đấng tối cao, không những bằng lời kinh và nghi lễ, mà còn bằng cả đời sống, có phần khác biệt với đời sống đa số đồng bào giáo dân. Các tu sĩ sống theo các lời khấn hứa: sống độc thân, khiết tịnh, khó nghèo, tùng phục Bề trên, chuyên cần cầu nguyện và liên đới với nhau trong tình huynh đệ.

Hai là hoạt động nhân đạo: phục vụ mọi người qua những công việc có nội dung thăng tiến con người như giáo dục, chăm lo sức khỏe, cứu tế xã hội...

Mỗi dòng tu lại có một thiên hướng riêng trong việc phục vụ con người. Như dòng Chúa Cứu Thế chuyên việc rao giảng đạo và giáo lý cho người nghèo, tâm đắc lời dạy của Chúa trong Phúc âm "Người sai tôi đi loan báo Tin mừng cho người nghèo khó" (Lc 4. 8). Hoạt động của dòng Đa Minh lại là: giảng dạy tại các chủng viện, giảng thuyết

lưu động, điều hành giáo xứ. Hoạt động của dòng Phanxicô là tham gia phục vụ trong các lĩnh vực giáo dục, chăm lo người phung, các bệnh nhân, đồng bào dân tộc và ưu tiên chọn lựa người nghèo. Dòng Đon Bosco lại có nhiều dạng thức sinh hoạt phục vụ thanh thiếu niên tại các Đại học, trường học các cấp, các trung tâm dạy nghề, các trường kỹ thuật, các trường nội trú và các nhà mở cho các trẻ em đường phố... Anh em Dòng Tiểu Đệ chủ trương sống hòa mình với quần chúng nghèo như Chúa Giêsu ở Nagiaret xưa, với lối sống giản dị như những người anh em dịu hiền, chia sẻ thân phận hẩm hiu với người nghèo bằng cuộc sống lao động để kiếm kế sinh nhai như mọi người.

Lịch sử đời tu và các hình thức tu trì khác nhau chính là bằng chứng cho thấy sự bền bỉ cũng như sức sống của giáo hội trong việc phụng thờ Thiên chúa và phục vụ con người tại các địa phương qua các thời đại.



033

XIN CHO BIẾT VỀ DÒNG KÍN.

Tên chính thức của dòng được gọi là Dòng Kín là Dòng Đức Bà núi Carmel (Cát Minh) do thánh Berthold (mất năm 1195) thành lập tại Palestin năm 1154, tiếp nối truyền thống tu hành của các ẩn sĩ trên núi Carmel thuở xưa, thậm chí muốn là miêu duệ tinh thần của tiên tri Elia (thế kỷ IX trước công nguyên). Luật dòng nguyên thủy, do thánh Albert Vercelli, thượng phụ Giêrusalem thuộc nghi lễ latinh, khởi thảo, là một bộ luật dòng rất nghiêm ngặt, buộc phải kiêng thịt hoàn toàn và chủ trương một nếp sống nghèo tuyệt đối trong cô tịch thinh lặng. Sau thất bại của các cuộc Thập tự chinh, nhiều tu sĩ của dòng tản cư sang châu Âu và được thánh Simon Stock quy tụ để tái lập dòng theo luật Dòng các tu huynh khất thực.

Dòng nữ Cát Minh được thành lập năm 1452 và phát triển rất nhanh tại Pháp, Italia, Tây Ban Nha. Nhưng sang thế kỷ XVI, kỷ luật dòng trở nên lỏng lẻo, tinh thần tu trì sa sút trầm trọng. Trước tình trạng này, thánh Têrêsa Avila (1515 - 1582) đã quy tụ một số chị em để trở về với luật dòng nghiêm minh thuở ban đầu, củng cố cuộc sống chiêm niệm. Cộng đoàn đầu tiên của các nữ tu này được thành lập tại Avila. Các nữ tu sống nghèo, đi dép (nên có tên là các nữ tu Cát Minh đi dép) xa lánh hẳn cuộc sống trần tục (nên có tên là Dòng Kín), chuyên việc chiêm niệm và làm

việc chân tay để tự nuôi sống. Thánh Gioan Thánh giá (1542 - 1591), một đệ tử của thánh Têrêsa Avila, cũng cải tổ dòng Cát Minh nam vào năm 1586. Dòng Cát Minh, nam và nữ, đã đóng góp cho Giáo hội nhiều nhà thần bí rất nổi tiếng như thánh Têrêsa Avila, thánh Gioan Thánh giá, thánh Maria Madalena Pazzi (1566 - 1607), và gần đây, thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu (1873 - 1897).

Tại Việt Nam, Dòng nữ Cát Minh gồm có Cát Minh Sài Gòn (thành lập năm 1861), Cát Minh Bình Triệu (1974), Cát Minh Nha Trang (1929), Cát Minh Huế (1909), còn dòng nam đã bắt đầu nhen nhúm từ những năm 90 thế kỷ XX với tu sĩ tiên khởi là Linh mục Võ Tá Khánh (bút hiệu Trăng Thập Tự, tác giả tập thơ Có ai về Cát Minh).



034

XIN CHO BIẾT MỘT SỐ CƠ SỞ PHỤC VỤ XÃ HỘI CỦA CÁC DÒNG TU TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Ngoài các công việc tu trì và tôn giáo thực hiện tại các cộng đoàn Kitô hữu, như cử hành các nghi lễ nếu là các tu sĩ Linh mục, dạy giáo lý cho trẻ em, giáo lý hôn nhân, các tu sĩ còn tham gia rất nhiều các công việc phục vụ xã hội, đặc biệt là các nữ tu. Trước năm 1975, dòng Thánh Phaolô phụ trách bệnh viện Saint-Paul (nay là bệnh viện Mắt Sài Gòn trên đường Điện Biên Phủ, quận 3). Ngoài ra một số dòng tu được giao phụ trách một số cơ sở xã hội tại Sài Gòn như các nhà phát thuốc, nhà Hộ sinh, trại người phong, trại người khiếm thị, trại người điếc và câm, Trung tâm chỉnh hình thiếu nhi, Cô nhi viện bảo dưỡng, Ký nhi viện bảo dưỡng, quán cơm bình dân, viện Dưỡng lão...

Các công việc xã hội này hiện nay vẫn được các tu sĩ tiếp tục. Một số dòng tu, như dòng Vinh Sơn phụ trách trung tâm nuôi dưỡng và chữa trị bệnh AIDS, tổ chức các "nồi cháo" tại một số bệnh viện tại thành phố như Hồng Bàng, bệnh viện Ung Bướu. Dòng Clara tổ chức quán ăn dành cho sinh viên tại Chợ Quán...

Ngoài ra, nhiều dòng tu còn tổ chức nhà trẻ, mẫu giáo.



035

TRƯỚC 1975 CÁC TU SĨ VÀ LINH MỤC Ở THÀNH PHỐ THAM GIA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VĂN HÓA NHƯ THẾ NÀO?

Tại Sài Gòn trước năm 1975, có khá nhiều trường học do các tu sĩ và Linh mục Công giáo thành lập và điều khiển. Trường Taberd (Nguyễn Du, nay là Lý Tự Trọng), được thành lập từ cuối thế kỷ XIX và hoạt động tới năm 1975, do các sư huynh Học đường Kitô giáo phụ trách, trường Trung học Nguyễn Bá Tòng tọa lạc tại 73-75 Bùi Thị Xuân, được thành lập từ năm 1956, đào tạo các học sinh từ sau tiểu học tới các lớp Tú tài II (tức từ đệ VII tới đệ I, theo cách tính trước năm 1975). Trường có khu học riêng biệt cho nam và cho nữ sinh. Các lớp học từ đệ VII đến đệ Nhất cũng tổ chức riêng biệt. Trường Trung học Lê Bảo Tịnh, tọa lạc tại ngã ba Lê Văn Sĩ và Trần Huy Liệu hiện nay, do Linh mục Trịnh Việt Yên thành lập năm 1956, được đổi mới hoàn toàn từ năm 1963 với ban Giám đốc gồm ba Linh mục, trong đó Linh mục Thanh Lãng giữ chức vụ Giám đốc, Linh mục Phan Du Vịnh làm hiệu trưởng và Linh mục Bùi Bằng Hiến làm tổng giám thị. Trường Đồng Tiến, sau chợ cá Trần Quốc Toản cũ, Sài Gòn, do Nha Tuyên úy quân đội cũ thành lập, trường Đức Minh, Thủ Đức, Gia Định cũ, do các Linh mục gốc giáo phận Bắc Ninh phụ trách, trường Đắc Lộ, xã Tân Sơn Nhì, Sài Gòn, do Linh mục Vũ Khánh Tường phụ trách, trường Nguyễn

Duy Khang, Thị Nghè, trường Thánh Tôma, Lê Văn Sĩ, do các Linh mục dòng Đa Minh, chi Philippin điều khiển, Cứu thế Học Đường, Kỳ Đồng, do các Linh mục dòng Chúa Cứu Thế phụ trách...

Các trường dành cho Nữ sinh: Trường Saint-Paul, đường Tôn Đức Thắng hiện nay, do các nữ tu Thánh Phaolô de Chartres, mang tu phục màu trắng, phụ trách, do đó cũng còn được gọi là trường Nhà trắng. Trường đã được thiết lập từ giữa thế kỷ XIX, trường Regina Mundi, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa hiện nay của các Nữ Kinh sĩ Thánh Augustinô, trường Regina Pacis, Tú Xương, do các nữ tu Bác ái thánh Vinh Sơn phụ trách, trường Thánh Linh, Phan Văn Trị, Chợ Quán, do các nữ tu dòng Mến thánh giá Chợ Quán điều khiển, trường Thiên Phước, nhà thờ Tân Định, Sài Gòn, do các nữ tu Thánh Phaolô de Chartres phụ trách. Ngoài ra, tại hầu hết các giáo xứ, thường là bên cạnh nhà thờ, các Linh mục đều có xây trường tiểu học, chủ yếu dành cho các con em trong giáo xứ.

Cũng tại Sài Gòn, vào những năm đầu thập niên 70, một trường đại học lấy tên là Minh Đức do các Linh mục Bạch Văn Lộc và Bùi Quang Diệm, thuộc dòng Chúa Cứu Thế, cùng với một số người khác thành lập và điều khiển.

Tất cả các trường này đều không phân biệt học sinh Công giáo hay không và đều đã hoạt động tích cực cho tới năm 1975. Một số trong các trường này đã là những trường nổi tiếng của Sài Gòn.



036

XIN CHO BIẾT MỘT SỐ TRUNG TÂM, CÂU LẠC BỘ DO CÁC DÒNG TU VÀ TU SĨ THÀNH LẬP Ở SÀI GÒN TRƯỚC THÁNG 4. 1975.

Ngoài việc trực tiếp mở và điều khiển các trường học, tại Sài Gòn, còn có một số trung tâm, câu lạc bộ dành cho sinh viên do các dòng và tu sĩ thành lập và điều khiển. Các trung tâm này là:

Trung tâm Sinh viên Đắc Lộ tại đường Yên Đổ (Lý Chính Thắng bây giờ) do các Linh mục Dòng Tên thành lập và phụ trách. Trung tâm tiếp nhận được khoảng 55 Sinh viên và có một thư viện tương đối phong phú để phục vụ sinh viên và các đọc giả khác.

Lưu xá Thanh Quan tại số 232 bis/c đường Hiền Vương (nay là Võ Thị Sáu, quận 3), do Hội Nữ tá Quốc tế Công giáo (AFIC) điều khiển. Lưu xá có thể tiếp nhận khoảng 60 nữ Sinh viên.

Câu lạc bộ Phục Hưng, số 43 Nguyễn Thông, Sài Gòn, do các Linh mục dòng Đa Minh chi Lyon phụ trách, tiếp nhận khoảng 70 nam sinh viên. Từ những năm đầu của thập niên 40, các Linh mục dòng Đa Minh đã mở một câu lạc bộ lấy tên là Phục Hưng tại ngoại ô Hà Nội với một lưu xá có chỗ ăn ở cho khoảng 30 sinh viên. Đầu năm 1954, một chi nhánh của câu lạc bộ Phục Hưng này đã được thiết lập sát bên nhà dòng Đa Minh Mai Khôi, tại số

43 đường Nguyễn Thông, Sài Gòn. Câu lạc bộ này cũng do Linh mục Đỗ Minh Vọng, dòng Đa Minh, thành lập. Câu lạc bộ có phòng hội, phòng ăn, thư viện và chỗ ở cho sinh viên, tổ chức các buổi diễn thuyết, trao đổi, trại học, sinh hoạt xã hội.



037

DÒNG THÁNH PHAOLÔ DE CHARTRES ĐẾN VIỆT NAM KHI NÀO VÀ HOẠT ĐỘNG RA SAO?

Dòng do Linh mục Louis Chauvet, phụ trách họ đạo Levesville la Chenard, cách Chartres (Pháp) 40 km, thành lập năm 1696, với sự cộng tác của cô Marie Anne de Tilly, để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương. Dòng được Giám mục Paul Godet des Marais công nhận vào năm 1708, được chuyển về Chartres và lấy thánh hiệu của Giám mục làm tên mới của dòng.

Năm 1727, dòng được mời đi truyền giáo tại Nam Mỹ, và như vậy, dòng đã nhận thêm sứ mạng thừa sai, bên cạnh sứ mạng tiên khởi là giáo dục tôn giáo và văn hóa. Năm 1848, dòng có mặt tại Hồng Kông. Năm 1860, theo yêu cầu của Giám mục D. Lefebvre lúc ấy đang phụ trách giáo phận Tây Đàng Trong, dòng có mặt tại Sài Gòn với nhiệm vụ ban đầu là chăm sóc trẻ em mồ côi. Những năm sau đó, dòng đã đến phục vụ tại bệnh viện Biên Hòa và Mỹ Tho (1861), tới Bà Rịa (1862), miền Bắc (1883), miền Trung ((1889). Hiện nay, tại Việt Nam, dòng có ba tỉnh dòng: Sài Gòn, Đà Nẵng và Mỹ Tho. Các hoạt động chính của dòng tại Việt Nam hiện nay là giáo dục trẻ em, chăm sóc bệnh nhân, giúp đỡ những người bất hạnh, đặc biệt những người bị lãng quên hơn hết. Qua các hoạt động này, dòng tham gia vào sứ mạng loan báo

Tin mừng giải thoát của Chúa Giêsu, với xác tín vào lời của Ông "Những gì các con đã làm cho một trong những anh em hèn mọn nhất của Thày, là các con làm cho chính Thày" (Mt. 25, 40).



038

CÁC DÒNG MẾN THÁNH GIÁ HIỆN CÓ MẶT TẠI GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH LÀ NHỮNG DÒNG NÀO?

Giáo phận Sài Gòn - thành phố là nơi tập trung người Công giáo từ nhiều giáo phận khác nhau trên khắp đất nước. Sài Gòn - thành phố cũng còn là một trong những trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị lớn của cả nước. Do đó, nhiều nhà dòng, tuy thuộc các giáo phận khác, nhưng vẫn có chi nhánh tại Sài Gòn. Đặc biệt là các dòng Mến Thánh Giá.

Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam do Giám mục thừa sai Pierre Lambert de la Motte, đại diện Tông tòa Đàng Trong, người Pháp, sáng lập tại Việt Nam (Đàng Trong, năm 1670, Đàng Ngoài, năm 1671). Tên gọi MếnThánh Giá được lấy từ đầu đề của chương 11, quyển 2 của sách *Gương phúc Giám mục ưa thích* và dùng làm sách suy niệm hàng ngày. Một dòng chiêm niệm và hoạt động, có lời khấn, sống thành cộng đoàn theo một bản luật, trực thuộc đấng Bản quyền sở tại và hướng về việc truyền giáo. Khởi đầu, chị em trong dòng lấy việc làm ruộng, chăn tằm, ươm tơ, dệt vải, làm thuốc nam bán hay cho, những công việc bình thường của người phụ nữ nông thôn Việt Nam... làm phương tiện sinh sống chính. Cho tới thế kỷ thứ XVIII, trong thời kỳ cấm đạo, dòng không có có tu phục riêng. Các nữ tu ăn vận như người thường để phục vụ giáo hội

một cách hữu hiệu. Hoạt động của dòng rất đa dạng tùy theo đòi hỏi của thời đại. Từ thế kỷ XIX, các tu sĩ tham gia hoạt động tông đồ trong các môi trường văn hóa, xã hội, y tế, luân lý, giáo dục, in ấn, dạy giáo lý, cộng tác với Linh mục phụ trách các sinh hoạt của giáo xứ và phụng vụ.

Dòng phát triển một cách vững vàng, không chỉ tại Việt Nam mà còn tại nhiều nước châu Á: Đàng Trong (1670), Đàng Ngoài (1671), Thái Lan (1672), Cambodia (1772), Nhật Bản (1878), Lào (1887). Riêng tại Việt Nam, dòng đã được Công đồng Đông Dương xác nhận năm 1934 và các Giám mục giáo phận đã lần lượt cho thành lập nhiều Hội dòng trên khắp các giáo phận ở Việt Nam. Hội dòng Mến Thánh Giá Kiên Lao-Bùi Chu (1670), Hà Nội (1670), Hưng Hóa (1943), Vinh (trước khi giáo phận được thành lập vào năm 1846), Phát Diệm (1902), Thanh Hóa (1932), Quy Nhơn (1671), Huế (1719), Nha Trang (1954), Cái Nhum (1800), Thủ Thiêm (1840), Cái Mơn (1844), Chợ Quán (1852), Gò Vấp, Đà Lạt (1954, gốc Thanh Hóa, được tách khỏi Thanh Hóa để trở thành hội dòng độc lập năm 2002), Khiết Tâm (gốc Hà Nội, di cư vào Đà Lạt năm 1954, về Thủ Đức năm 1975, đổi tên thành Mến Thánh Giá Khiết Tâm, thuộc Tổng giáo phận thành phố năm 1995), Tân Lập (gốc Mến Thánh Giá Tân Lập miền Bắc, được thành lập tại miền Nam thành Mến Thánh Giá Tân Lập năm 1960), Tân Việt (thành lập tại Cổ Việt, Thái Bình, năm 1943, được canh tân để có lời khấn năm 1963, trụ sở hiện tại đặt ở Tân Bình), Thủ Đức (gốc giáo phận Bắc Ninh, vào Nam năm 1954, được cải tổ năm 1961, đặt cơ sở tại Thủ Đức, tuân giữ Hiến chương và nội quy của hội dòng Mến Thánh Giá Đà Lạt, năm 1970, dòng Mến Thánh Giá Bắc Ninh ra đời và từ 1975, có tập viện riêng, năm 1995, đổi tên thành Mến Thánh Giá Thủ Đức)...

Tuy được thành lập vào các thời điểm khác nhau và tại khác nơi khác nhau, nhưng các nữ tu Mến thánh giá vẫn cùng có một mục đích duy nhất là phụng sự Thiên chúa và phục vụ con người.



039

NHÀ THỜ CHIẾM VỊ TRÍ NÀO TRONG SINH HOẠT TÔN GIÁO CỦA GIÁO XỨ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH?

Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có trên 200 nhà thờ xứ. Nếu tính chung các nhà thờ, con số nhà thờ ở đây sẽ cao hơn nhiều, vì thường mỗi giáo xứ, nhất là các giáo xứ lớn, có đông tín đồ Công giáo, không chỉ có một nhà thờ duy nhất, mà có thể có thêm ba hoặc bốn nhà thờ khác, quen gọi là nhà thờ xóm hay nhà thờ họ. Như vậy, nhà thờ có một ví trí quan trọng, là trung tâm của sinh hoạt tôn giáo của các giáo xứ.

Công giáo không phải là một đạo cá nhân, hiểu theo nghĩa các tín đồ chỉ việc chấp nhận và tuân thủ, một cách riêng tư, một số giáo lý là đủ. Ngoài giáo lý và một hệ thống luân lý quy định cách ăn ở, lối sống, Công giáo còn bao gồm những nghi lễ các tín đồ cần phải cử hành chung với nhau. Tính cách cộng đồng được coi là một nét đặc trưng của Công giáo. Và nhà thờ chính là nơi thể hiện một cách rõ nét và cụ thể nhất tính cộng đồng này, và một cách nào đó, gắn liền với đạo Công giáo. Khi có một nhóm người Công giáo tụ tập sinh sống tại một địa bàn nào đó, họ nghĩ ngay tới việc dựng một ngôi nhà để làm nơi tập họp. Họ đạo Chợ Quán, một trong những họ đạo đầu tiên tại Sài Gòn đã tìm cách dựng một nhà thờ hay nhà nguyện,

trước khi có Linh mục và trước khi được chính thức công nhận là giáo xứ.

Nhà thờ trước tiên là nơi thờ tự. Các nghi lễ tưởng niệm và mừng kính những sự kiện quan trọng trong cuộc đời của Chúa Giêsu Kitô, cũng như đa số nghi lễ đánh dấu từng giai đoạn quan trọng của một đời người của từng tín đồ, đều được cử hành tại nhà thờ. Nhà thờ cũng chính là nơi hầu như duy nhất để người Công giáo nghe giảng về đạo lý, về những điều có thể là được hay không được phép làm trong đời sống thường ngày... Các tín đồ ngoan đạo tới nhà thờ hàng ngày, thậm chí hàng buổi, vì tại Thành phố Hồ Chí Minh, sáng chiều đều có cử hành nghi lễ. Người không ngoan đạo lắm cũng buộc phải tới nhà thờ ít là một lần một tuần. Nhà thờ với khuôn viên tương đối rộng còn là nơi sinh hoạt của các hội đoàn dành cho mọi lứa tuổi.

Tại Việt Nam, nhà thờ đã xuất hiện hầu như cùng lúc với các nhà truyền giáo. Vua, chúa thuở xưa, vào buổi đầu của lịch sử truyền giáo tại Việt Nam, xem ra cũng đã hiểu được tầm quan trọng của nhà thờ đối với sự sống còn của đạo Công giáo, khi, để bày tỏ lòng biệt đãi các nhà truyền giáo, đã cho phép họ cất nhà thờ tại gần nơi họ ở, hay ngược lại, khi muốn loại đạo Công giáo ra khỏi lãnh thổ của mình, đã ban lệnh triệt hạ các nhà thờ song song với lệnh trục xuất các nhà truyền giáo.



040

NHÀ THỜ CHÁNH TÒA, NHÀ THỜ XỨ NHÀ NGUYỆN, VƯƠNG CUNG THÁNH ĐƯỜNG... KHÁC NHAU NHƯ THẾ NÀO?

Nhà thờ chánh tòa (tiếng Anh, tiếng Pháp là cathedral/cathédrale, bởi từ Hy lạp Cathedra có nghĩa là ngai, tòa) là nhà thờ có ngai hay tòa của Giám mục giáo phận. Chữ tòa có nghĩa là cái ghế ngồi (tọa). Ngai tòa là một trong những biểu tượng quan trọng của Giám mục, nên nhà thờ có đặt ngai tòa được gọi là nhà thờ chánh tòa, nhà thờ mẹ (matrix ecclesia), nhà thờ số một trong giáo phận. Nhà thờ chánh tòa chưa hẳn là nhà thờ to đẹp nhất. Giáo đường Gioan Latêranô, nhà thờ chánh tòa của giáo phận Roma, không nguy nga hùng vĩ bằng Đền thờ thánh Phêrô.

Trước kia, nhà thờ chánh tòa do Giám mục sở tại coi sóc. Về sau công việc hành chánh và mục vụ trở nên nhiêu khê, phức tạp, Giám mục giao nhà thờ cho một Linh mục cai quản, chỉ những dịp lễ long trọng ông mới tới hành lễ. Ngày thường Giám mục làm lễ tại nhà nguyện riêng.

Kiến trúc nhà thờ chánh tòa, hay đúng hơn các nhà thờ lớn thường được gọi bằng tiếng latinh là basilica, thường họa theo kiến trúc cũng mang tên basilica của Roma dùng làm pháp đình hay trao đổi thương mại. Kiến trúc có hình chữ nhật, hai hàng cột chia lòng nhà thờ thành ba gian dọc, kết thúc bằng một phòng bán nguyệt, đây là chỗ đặt tòa

án, nơi làm việc của các thẩm phán. Kitô giáo đặt bàn thờ ở chỗ đặt tòa án này, trên một hầm mộ (mồ thánh tử đạo), phía sau là nơi đọc kinh có đặt ngai Giám mục (cathedra) và ghế dành cho các giáo sĩ. Sơ đồ này được duy trì nơi đa số giáo đường và nhà thờ chánh tòa ở Tây phương. Tại Việt Nam, khá nhiều nhà thờ được xây dựng theo sơ đồ này.

Nhà thờ xứ là nhà thờ chính của một giáo xứ. Mỗi giáo xứ, tùy theo số tín đồ, có thể có một hay nhiều nhà thờ. Trong số các nhà thờ này, chỉ có một nhà thờ là nhà thờ xứ. Các nhà thờ khác được gọi là nhà nguyện, nhà thờ họ, nhà thờ xóm... tức của một bộ phận của giáo xứ.

Nhà nguyện, theo định nghĩa của Giáo luật hiện hành của Giáo hội Công giáo, là "nơi được Bản quyền ban phép dành vào việc phụng thờ Thiên chúa, vì ích lợi của một cộng đoàn hay một nhóm giáo dân lui tới đó và, với sự đồng ý của Bề Trên có thẩm quyền, các giáo dân khác cũng có thể lui tới" (Bộ Giáo luật, 1223 - 1225). Chẳng hạn nơi thờ tự của một trường trung học, đại học hay bệnh viện. Có những nhà nguyện loại này được xây to lớn và nguy nga không kém nhà thờ, như các nhà nguyện Đại học Oxford hay Đại học Cambridge (Anh quốc), nhưng được gọi là nhà nguyện vì phục vụ chủ yếu cho đối tượng riêng biệt là giới sinh viên, giáo sư thuộc các nơi này. Hay một phòng, hoặc một ngôi nhà được dành cho việc phụng tự trong một tu viện, một lâu đài. Thí dụ, nhà nguyện Tòa Giám mục thành phố.

Vương cung thánh đường là một tước hiệu giáo hoàng ban cho một số nhà thờ đặc biệt. Có hai loại vương cung thánh đường: đại và tiểu vương cung thánh đường. Trong Giáo hội Công giáo hiện nay, chỉ có bốn Đại Vương cung thánh đường. Tất cả đều ở tại Roma: nhà thờ thánh Gioan Laterano, nhà thờ thánh Phêrô ở Vatican, nhà thờ thánh

Phaolô ngoài thành và nhà thờ Đức Bà Cả. Các Tiểu Vương cung thánh đường thì nhiều và không chỉ có ở Roma mà còn có ở các nơi khác nữa. Tại Roma, có mười một tiểu vương cung thánh đường. Tước hiệu này cũng được ban cho một số nhà thờ ngoài Roma. Tại Việt Nam, có hai nhà thờ được nâng lên hàng vương cung thánh đường nhân dịp thành lập hàng giáo phẩm Việt Nam vào năm 1960 (nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, nhà thờ La Vang).

Nhà thờ còn được gọi theo tên địa phương hay tên giáo xứ (nhà thờ Tân Định, nhà thờ Kỳ Đồng, nhà thờ Chợ Quán, nhà thờ Cầu Kho...), theo tên Thánh được đặt cho nhà thờ vào ngày làm phép nhà thờ (nhà thờ thánh Giuse, nhà thờ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, nhà thờ thánh Antôn...). Vì vậy, nhà thờ chánh tòa Sài Gòn còn được gọi là nhà thờ Đức Bà, Vương cung thánh đường, nhà thờ lớn Sài Gòn, nhà thờ nhà nước...



041

NHÀ THỜ CHÁNH TÒA SÀI GÒN ĐẦU TIÊN ĐƯỢC XÂY DỰNG Ở ĐÂU? VÀO LÚC NÀO?

Ngôi nhà thờ thứ nhất được khởi đầu xây dựng vào cuối tháng 3. 1863, dưới triều Giám mục Lefèbvre. Chính vị Giám mục này đã cử hành nghi lễ đặt viên đá đầu tiên cho ngôi nhà thờ ngày 28. 3. 1863. Việc xây dựng ngôi nhà thờ chánh tòa này không phải là công việc riêng của Giáo hội mà là của nhà nước Pháp có bổn phận thỏa mãn các nhu cầu tinh thần và vật chất của các công dân của mình tại Sài Gòn. Do đó, nghi lễ đặt viên đá này đã được cử hành long trọng với sự hiện diện của các quan chức trong chính quyền Pháp và có ghi biên bản hẳn hoi. Biên bản viết "Dưới triều giáo hoàng Piô IX. Napoleon III, hoàng đế của người Pháp, ông Bá tước Prosper de Chasseloup Laubat, Bộ trưởng Bộ Hàng hải và thuộc địa, ông Phó Đô đốc Bonard, Gouverneur de la Cochinchine francaise, Tổng tư lệnh, Giám mục Dominique Lefèbvre, đại diện Tông tòa Tây Đàng Trong. Hôm nay, ngày 28. 3. 1863, vào lúc sáu giờ sáng, ông Giám mục đại diện tông tòa nêu trên đã tiến hành việc đặt viên đá đầu tiên của Nhà thờ Đức Maria Vô nhiễm, ngôi nhà thờ này sẽ được xây dựng theo các họa đồ và dưới sự điều khiển của thiếu tá công binh Coffyn, giữ các chức vụ của kiến trúc sư của các công trình dân sự, và sự giám sát của Đại úy Blazy, bởi M. Chatain, nhà thầu khoán tại Sài Gòn. Những người đã có mặt tại nghi

lễ và đã ký vào biên bản: A. Dominique Lefèbvre, Giám mục, đại diện tông tòa, Bonard, Chaumont, Cavalero Palanca Guttierez, Gauthier, Giám mục, Reboul, Píetri, Du Quylio, Ch. Garreau, Ch. Antoine, A. Lejeune, Gros, A. Buge, Th. Wibaux, Coffyn, Blazy, Chatain, A. Rieunier (Bouchot, 374)..

Đây là ngôi nhà thờ bằng gỗ, lợp ngói, khang trang rộng rãi, tọa lạc giữa khuôn viên bốn đường Nguyễn Huệ, Tôn Thất Thiệp, Hồ Tùng Mậu, Huỳnh Thúc Kháng (nay là cao ốc Sun Wah Tower) cách bờ sông Sài Gòn khoảng 500m.

Tuy nhiên, ngôi nhà thờ này chỉ dùng được năm năm thì bị mối mọt tàn phá, phải tạm dời sang dinh Thủy sư Đề đốc (Thống đốc cũ) (ở nơi trường Trần Đại Nghĩa đường Nguyễn Du) trong khi chờ đợi xây nhà thờ Đức Bà như hiện nay.



042

XIN CHO BIẾT VỀ NHÀ THỜ CHÁNH TÒA Ở THÀNH PHỐ HIỆN NAY.

Nhà thờ chánh tòa của Tổng giáo phận thành phố hiện nay nằm tại số 1, quảng trường Công xã Paris, quận 1.

Sau khi được bổ nhiệm phụ trách giáo phận Sài Gòn, Giám mục Colombert đã nghĩ tới việc xây dựng một ngôi nhà thờ mới kiên cố, xứng đáng với vị trí của Sài Gòn lúc bấy giờ. Cuối năm 1876, một cuộc thi vẽ kiểu và làm đồ án xây dựng Nhà thờ chánh tòa cho nguy nga xứng hợp với đô thị Tây phương tại Á Đông. Kiểu cách và đồ án của kiến trúc sư Bourard, một chuyên gia về các công trình kiến trúc tôn giáo, đã được lựa chọn trong số 18 đồ án xây dựng được đệ trình từ tháng 8. 1876. Được biết, đề án xây dựng các công trình quan trọng của thành phố trong thời điểm này thường được tuyển chọn trong một số đề án do các kiến trúc sư khác nhau thiết kế. Nhà thờ được xây dựng với kinh phí hoàn toàn của chính quyền thuộc địa, 2.500.000 phật lăng, được xem là rẻ. Giám mục là người đặt viên đá đầu tiên (ngày 7. 10. 1877), và cũng là người cử hành nghi lễ khánh thành (ngày 11. 4. 1880) ngôi nhà thờ mới này. Sau khi qua đời, Giám mục đã được chôn ngay trong công trình Giám mục đã có công xây dựng nên.

Nhà thờ chánh tòa là một công trình kiến trúc theo phong cách Roman, kiểu kiến trúc thịnh hành tại châu Âu vào các

thế kỷ XI và XII, có chiều dài 91 m, rộng 35 m 5, vòm mái cao 21 m, chiều cao của hai tháp vuông kể từ đất là 36,6 m, nếu tính cả hai chóp tháp chuông do kiến trúc sư Gardès thêm vào năm 1885, thì chiều cao này sẽ là 57 m. Lòng nhà thờ gồm ba gian và một hành lang quanh chính điện. Nhà thờ được trang trí với 56 cửa kính màu mô tả các nhân vật hay sự kiện trong Thánh Kinh và là một trong những nét độc đáo của công trình kiến trúc này, 31 hình bông hồng tròn và 25 cửa sổ mắt bò, tất cả bằng hình trang trí ghép mảnh. Rất tiếc là tai ương, bom đạn, chiến tranh đã làm vỡ một số lớn kính màu. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể hình dung được vẻ rực rỡ của buổi ban đầu từ số kính ghép màu còn lại. Bên trong nhà thờ có một cây đàn đại phong cầm nhưng cây đàn trước hiện nay đã hư hỏng. Thay vào đó, năm 2005, nhân dịp khai mạc năm kỷ niệm 125 năm khánh thành nhà thờ Đức Bà, có người đã dâng cho nhà thờ một cây đàn ống khác.

Năm 1959, nhà thờ chánh tòa được Tòa thánh Vatican nâng lên hàng Vương cung Thánh đường và Đức Hồng y Agagianian, đặc sứ của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII, đã làm phép tượng Nữ vương Hòa bình đặt trong công viên trước nhà thờ, nhân dịp ông tới Sài Gòn.



043

XIN CHO BIẾT VỀ NHÀ THỜ CHA TAM.

Đó là ngôi nhà thờ tại số 25, Học Lạc, phường 14, quận 5, nằm trong vùng có người Hoa và người Việt chung sống. Trong số cư dân ở đây có nhiều người Hoa và người Việt là người Công giáo. Nơi thờ tự và tập họp đầu tiên của những người Công giáo này là nhà thờ thánh Micae, thuộc họ Chợ Lớn lúc bấy giờ. Nhà thờ Micae khởi đầu là một "cái chòi lớn kiểu Việt, nửa ở, nửa thờ" như thư của Linh mục Philippe đề ngày 31. 1. 1866 mô tả. Cũng chính Linh mục này, trong thư đề ngày 22. 3. 1867 đã nói đến một ngôi nhà thờ xây rộng 10 m, dài 24 m, có gác chuông bằng gỗ, hy vọng có thể được đưa vào sử dụng vào tháng 7 thay cho "cái chòi".

Vì số tín hữu tới nhà thờ gồm cả người Hoa lẫn người Việt, nên vào năm 1883, Linh mục Brillet dùng một nhà nguyện cạnh nhà thờ làm nơi cho người Việt đọc kinh chung trước khi sang nhà thờ dự nghi lễ cùng với người Hoa. Sau này, dưới thời Linh mục Mossard (1890 - 1891), vì số tín đồ người Hoa giảm đi và số tín đồ người Việt tăng lên nên đã có sự hoán đổi địa điểm cầu kinh giữa các tín đồ người Hoa và người Việt.

Năm 1898, một Linh mục người Hoa có tên là Phanxicô Xaviê Tam Assou (đọc theo tiếng Hán là Đàm A Tố), được Giám mục Depierre cử tới coi sóc các tín hữu người Hoa trong vùng Chợ Lớn. Công việc đầu tiên của Linh mục khi



Cổng nhà thờ Cha Tam.

về nhận nhiệm sở này là cất cho các bổn đạo người Hoa một nhà thờ. Sau một thời gian dài vất vả tìm các chủ của miếng đất đã bỏ hoang gần 20 năm để mua lại, ngày 3. 2. 1900, ngày lễ kính thánh Phanxicô Xaviê, Giám mục Mossard, phụ trách giáo phận Sài Gòn khi ấy, đã tới làm lễ đặt viên đá đầu tiên và ngày 10. 1. 1902, nhà thờ này được xây xong và được khánh thành. Nhà thờ được dâng kính thánh Phanxicô Xaviê và được gọi là nhà thờ thánh Phanxicô Xaviê. Nhưng nhà thờ do Linh mục Tam Assou xây lên, nên cũng có tên bình dân là nhà thờ Cha Tam.

Nhà thờ được cất theo kiến trúc Gothique, gồm ba gian, dài 35 m, rộng 14 m, mái vòm cao 13 m. Một bức tượng thánh Phanxicô Xaviê, cao bằng người thật, bổn mạng nhà thờ, được đặt trên một tháp cao 38 m. Tháp nhà thờ treo bốn chuông mang tên thánh Phanxicô Xaviê (do Linh mục Phanxicô Xaviê dâng), Philiphê (do Philiphê Lê Phát Đạt dâng), Agnès (do Agnès Lê Thị Tài dâng) và Anna (do Anna Thăm dâng). Sau khi xây xong nhà thờ, Linh mục Tam tiếp tục xây thêm trong khu đất rộng chừng 3 hecta



Mộ linh mục Tam Assou.

một trường học, nhà nuôi trẻ, một nhà nội trú và một số nhà cho thuê. Năm 1990, nhân dịp mừng lễ 125 năm thành lập họ đạo, tháp chuông nhà thờ được sửa chữa lại và bên trong nhà thờ cũng được tân trang.



044

GIÁO XỨ CHỢ QUÁN ĐÃ XÂY DỰNG NGÔI NHÀ THỜ XỨ NHƯ THẾ NÀO?

Giáo xứ Chợ Quán là họ đạo lâu đời nhất không chỉ của Thành phố Hồ Chí Minh mà là của cả vùng đất Nam Bộ. Do đó, việc xây dựng cho giáo xứ một ngôi nhà thờ làm nơi thờ tự và tập họp giáo dân cũng là một quá trình dài.

Khởi đầu là một nhà thờ tạm do giáo dân cất lên và mời Linh mục từ Đồng Nai tới cử hành nghi lễ. Kế đó, vào năm 1723, Linh mục J. Garcia, dòng Phanxicô, người Tây Ban Nha, tới Sài Gòn. Linh mục đã dựng một nhà thờ ở Chợ Lớn, sau đó một nhà thờ khác và một tu viện tại Chợ Quán. Nhưng nhà thờ này đã bị đốt phá năm 1731, được xây lại vào năm 1733, dài 55 m, rộng 20 m. Nhưng ngôi nhà thờ đó vẫn chưa phải là ngôi nhà thờ cuối cùng của họ đạo, vì vào năm 1793, người ta lại thấy họ Chợ Quán cất một nhà thờ họ với những cây cột gỗ to lớn. Trong khoảng thời gian 1835-1859, Chợ Quán lâm vào cảnh không có nhà thờ. Năm 1859, Chợ Quán phải dùng tạm một nhà thờ bằng lá. Năm 1862, Linh mục Nguyễn Biểu Đoan thay thế nhà thờ này bằng một ngôi nhà thờ bảy gian bằng gạch, lợp ngói.

Ngôi nhà thờ hiện nay tại số 120 Trần Bình Trọng, phường 2, quận 5 do Linh mục Nicolas Hamm (tên Việt là Tài) khởi đầu công việc xây cất vào năm 1882. Nhưng Linh

mục mới chỉ kịp chuẩn bị đổ nền thì qua đời. Linh mục Errard (tên Việt là Y), người đã từng xây nhà thờ Tha La, Tân Triều, Bến Gỗ, Bãi Xan và Bà Rịa, đã đứng ra tiếp tục công trình xây cất này. Đầu năm 1889, nhà thờ xong phần căn bản và Linh mục đã có thể cử hành các nghi lễ tại đây, nhưng Linh mục đã không có được cái may mắn thấy công trình của mình hoàn thành trọn vẹn. Nhà thờ xây gần xong thì Linh mục Errard ngã bệnh phải về Pháp nghỉ và qua đời năm 1891. Như vậy, nhà thờ Chợ Quán là nhà thờ cuối cùng trong sự nghiệp xây dựng nhà thờ của vị thừa sai này. Linh mục Lucien Mossard (tên Việt là Mão) tiếp tục công trình và cho dựng hai bức tượng cao 1 thước 6, 14 chặng đàng Thánh giá và bộ tượng Giáng sinh. Ngày mùng 4 Tết Bính thân (1896), Giám mục Dépierre làm phép khánh thành nhà thờ. Như vậy, thời gian xây nhà thờ này kéo dài suốt 14 năm, trải qua 6 đời cha sở. Nhà thờ có năm quả chuông, mỗi quả đều có ghi tên người dâng cúng.



045

XIN CHO BIẾT VỀ NHÀ NGUYỆN TẠI TÒA TỔNG GIÁM MỤC.

Nhà nguyện tại tòa Tổng Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (180 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3) còn được biết dưới tên dinh Tân Xá vẫn được coi là tòa nhà do Nguyễn Ánh cho cất trên bờ rạch Thị Nghè bên cạnh Bảo tàng lịch sử hiện nay (trong khuôn viên Thảo cầm viên) để tặng Giám mục Bá Đa Lộc và dùng làm nơi dạy học cho hoàng tử Cảnh từ năm 1790 sau khi Giám mục cùng hoàng tử Cảnh từ Pháp trở về. Sau khi Giám mục Ba Đa Lộc mất (1799), dinh Tân Xá tiếp tục mở cửa cho đến năm 1811. Do chủ trương đàn áp Công giáo của triều Nguyễn, dinh bị đóng cửa cho đến năm 1864. Năm 1864, toàn bộ ngôi nhà được dời về đường Alexandre de Rhodes và đã được dùng làm tòa Giám mục dưới thời các Giám mục Lefèvbre (Ngãi), J.C. Miche (Mịch), I. Colombert (Mỹ), J. Depierre (Để).

Năm 1900, tòa Giám mục được xây mới ở số 180 Nguyễn Đình Chiểu hiện nay, dinh Tân Xá được dời về và dùng làm nhà nguyện. Đây cũng là nơi tọa lạc cuối cùng của dinh Tân Xá và được gìn giữ cho đến hiện nay.

Tuy nhiên, cũng có giả thuyết phủ nhận cách giải thích này về ngôi nhà nguyện và cho rằng ngôi nhà hiện nay được dùng làm nhà nguyện trong khuôn viên tòa Tổng Giám mục Sài Gòn không phải là dinh Tân Xá mà có thể

là nhà của một vị quan triều đình tại Sài Gòn. Dù thế nào thì đây cũng có thể được coi là công trình kiến trúc được dùng làm nơi thờ tự của người Công giáo xưa nhất còn lại tại Sài Gòn, vì hầu hết các nhà thờ, nhà nguyện còn lại hiện nay tại Sài Gòn đều được cất từ những thập niên cuối của thế kỷ thứ XIX trở lại đây.

Nhà nguyện này rộng khoảng 15 m. Lòng nhà nguyện gồm ba gian, hai chái điển hình của loại hình kiến trúc nhà ở cổ truyền của Việt Nam. Từ mái nhà đến kèo, cột, rầm chìa, đồ mộc nội thất, thể hiện một kỹ thuật trang trí tinh xảo. Nhà nguyện được trùng tu lớn vào cuối năm 1980.



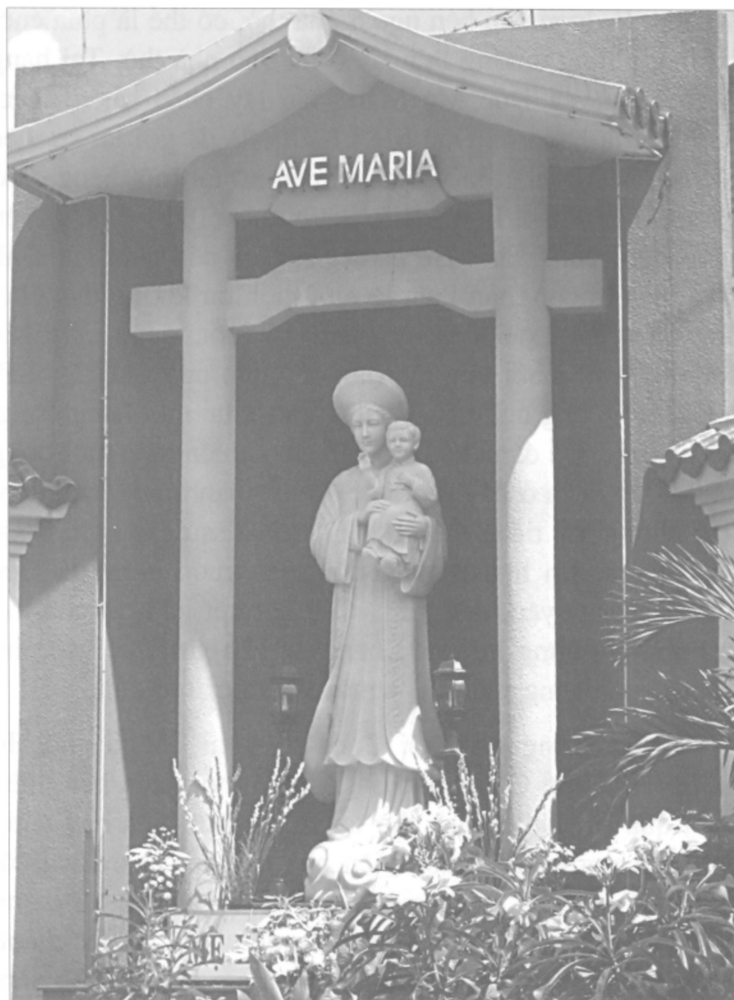
046

TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, BÊN CẠNH NHÀ THỜ, CÒN CÓ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ NÀO KHÁC?

Nhà thờ thường chỉ là tên gọi để chỉ một quần thể kiến trúc phục vụ không chỉ cho việc tế tự, cầu kinh mà còn phục vụ cho các sinh hoạt tôn giáo và văn hóa khác.

Trước hết, kèm theo nhà thờ là nhà xứ. Nhà xứ được cất gần nhà thờ nhưng thường tách biệt khỏi nhà thờ để dùng làm nơi các Linh mục phụ trách giáo xứ ở. Là nhà xứ, nhưng ngôi nhà này không thuộc quyền sở hữu của Linh mục coi xứ. Khi không còn phục vụ giáo xứ nữa, Linh mục sẽ dời đi nơi khác, để người kế nhiệm ông tới ở. Nhà xứ thường bao gồm cả phòng khách và phòng họp hội đồng giáo xứ, sinh hoạt hội đoàn.

Trước đây, khi còn chế độ trường tư thục, trong khuôn viên nhà thờ, người ta thường xây một số lớp học, tối thiểu là dành cho bậc tiểu học. Giáo viên có thể là các tu sĩ, thầy giảng hoặc giáo dân. Cần thiết và tiện lợi. Các cháu trong giáo xứ không phải đi xa để học các lớp vỡ lòng, cha mẹ nhiều khi cũng không mất công đưa đón. Sự tiện lợi này là một yếu tố giải thích số trẻ em trong các họ đạo đi học khá đông. Nhiều nhà xứ cũng sử dụng các lớp học này để làm nơi sinh hoạt tôn giáo vào ban tối hay các ngày nghỉ. Một lớp học sẽ có thể được biến thành một lớp giáo lý vỡ



Đài Đức Mẹ (nhà thờ Vườn Xoài, quận 3).

lòng, giáo lý cho người lớn, giáo lý cho các cặp chuẩn bị kết hôn, hay làm nơi các hội đoàn nhóm họp, các ca đoàn tập hát.

Một kiến trúc khác cũng thường thấy trong hầu hết các khuôn viên nhà thờ hiện nay là hang đá Đức Mẹ Lộ Đức.

Một núi đá được đắp bên ngoài nhà thờ, có thể là phía cuối nhà thờ, nhưng thường là ngay ở lối vào nhà thờ. Tại hang đá có để tượng Đức Mẹ Maria hai tay chắp trước ngực. Được gọi là hang đá Đức Mẹ Lộ Đức là để gợi lại sự việc Đức Mẹ Maria hiện ra với một thiếu nữ tại một hang đá ở Lourdes bên Pháp, Bernadette Soubirous (1844 - 1879), tên thường gọi của Marie Bernarde, con cả của một gia đình có sáu người con, bản thân là một thôn nữ không biết chữ, sống tại vùng Lộ Đức, vào năm 14 tuổi, được Đức Mẹ Maria hiện ra mười tám lần (lần đầu tiên ngày 11. 2. 1858 và lần cuối cùng ngày 16. 7 cùng năm), tại một hang động, gần Lộ Đức. Để đánh dấu sự kiện siêu nhiên này, một dòng suối lạ đã vọt ra ở đây. Lộ Đức đã trở thành một trung tâm hành hương nổi tiếng thế giới. Trước và sau các nghi lễ tại nhà thờ, các tín hữu thường dừng lại trước hang đá Đức Mẹ để cầu nguyện, đọc kinh. Các đôi kết hôn tại nhà thờ cũng thường dừng lại trước hang đá cầu xin Đức Mẹ phù hộ cho cuộc sống mới hai người vừa mới bắt đầu.

Hiện tại, trong giáo hội Công giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh, người Công giáo bắt đầu có thói quen hỏa thiêu người quá cố. Nhiều nhà thờ tại thành phố hiện nay cũng dành một nơi trong khuôn viên nhà thờ để cất tro hài cốt của kẻ đã qua đời trong giáo xứ. Nhiều giáo xứ tại thành phố trước đây có nghĩa trang riêng để chôn cất các thành viên qua đời của giáo xứ. Các nghĩa trang này thường nằm ở ngoại ô thành phố. Nay các nhà để tro hài cốt có thể thay thế nghĩa trang. Các tín đồ có thể lui tới nơi này để cầu kinh cầu cho người qua đời.

Ngoài ra, người ta cũng còn xây một số đền, đền thánh Giuse, đền các thánh Tử đạo... để thỏa mãn lòng mộ đạo của tín hữu trong giáo xứ.

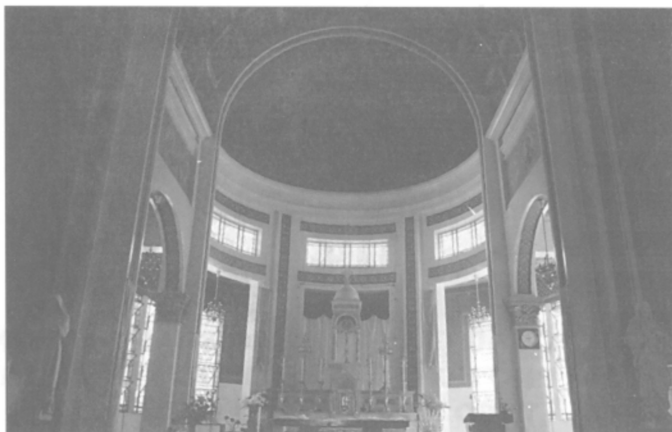


047

NHÀ THỜ CÔNG GIÁO TẠI GIÁO PHẬN SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐƯỢC XÂY DỰNG THEO PHONG CÁCH NÀO?

Nhà thờ Công giáo ở giáo phận Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có phong cách không đa dạng lắm so với phong cách kiến trúc nhà thờ trên cả nước.

Không kể nhà nguyện tại tòa Tổng Giám mục, đường Nguyễn Đình Chiểu, vốn là một tòa nhà đã có sẵn được sử dụng làm nhà nguyện, thì các nhà thờ tại Thành phố Hồ Chí Minh hầu hết được xây dựng từ hai, ba thập niên cuối thế kỷ XIX trở lại đây. Những người chủ xướng và đốc thúc việc xây cất nhà thờ, vào thời điểm này, thường là các thừa sai từ châu Âu tới. Như Linh mục Boutier vốn là một kiến trúc sư (xây nhà thờ Huyện Sĩ, nhà thờ Thủ Đức...), Linh mục Errard (tên Việt là Y), người đã từng xây nhà thờ Tha La, Tân Triều, Bến Gỗ, Bãi Xan và Bà Rịa), xây nhà thờ Chợ Quán, hay kiến trúc sư người Pháp như Bourard, vẽ đồ án nhà thờ Chánh tòa Sài Gòn, Maurice Mason (nhà thờ Thị Nghè). Và nhà thờ thường được xây theo phong cách châu Âu đã trở thành quen thuộc đối với các thừa sai, với mặt bằng hình chữ thập, với những tranh kính mầu tực rỡ: phong cách Roman, tạo bầu khí âm u, trầm mặc như các nhà thờ Đức Bà ở Sài Gòn, nhà thờ Hạnh Thông Tây, Gò Vấp, nhà thờ Tân Định, đường Hai



Bên trong nhà thờ Hạnh Thông tây, quận Gò Vấp.

Bà Trưng, nhà thờ Xóm Chiếu, đường Tôn Thất Thuyết, quận 4 ...hay phong cách Gothique, cao và thanh thoát, như nhà thờ Huyện Sĩ (Chợ Đũi), nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế, Kỳ Đồng..



Bên trong nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế (quận.3).

Hiện nay, nếu các phong cách này vẫn tiếp tục được ưa chuộng tại một số nơi ngoài thành phố (phong cách Gothique như nhà thờ Bắc Giang (giáo phận Bắc Ninh), hay phong cách Roman như nhà thờ Bùi Chu (giáo phận Vinh), quê hương Nguyễn Trường Tộ, thì tại Thành phố Hồ Chí Minh, không ít nhà thờ được xây mới hiện nay đều nỗ lực đi theo phong cách Á Đông, dĩ nhiên, với mức độ thành đạt khác nhau, như các nhà thờ Tân Hòa (Phú Nhuận), nhà thờ Vĩnh Hội (quận 4), nhà thờ Long Thạnh Mỹ (quận 9), nhà thờ Ba Chuông, đường Lê Văn Sỹ...

Tại giáo phận Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh không thấy có nhà thờ được xây cất theo kiến trúc Tây Ban Nha, được coi như một thứ tổng hợp các kiến trúc Roman, Gothique và Tây bắc châu Phi như thường thấy tại các vùng dưới sự điều khiển của các Linh mục từ Tây Ban Nha như giáo phận Bùi Chu, Hải Phòng, và cũng không có các nhà thờ được cất theo phong cách Âu-Á với mặt tiền và tháp chuông theo phong cách Roman hay Gothique nhưng phần còn lại được cất bằng gỗ với vì, kèo được chạm trổ tinh vi, vách cung thánh bằng gỗ chạm trổ và sơn son, thếp vàng, nội thất được trang trí với nhiều cặp câu đối bằng chữ Hán... như phần đông nhà thờ thuộc các giáo phận phía Bắc.

Người ta cũng không thấy nhà thờ có phong cách hoàn toàn Việt Nam với mái cong, cổng tam quan, ngũ môn, với chất liệu gỗ, được chạm trổ hay sơn son thếp vàng như quần thể nhà thờ chánh tòa Phát Diệm được coi là chóp đỉnh về mặt nghệ thuật của loại nhà thờ này. Tính cách Á Đông của quần thể nhà thờ Phát Diệm không chỉ được biểu hiện nơi dáng vẻ, chất liệu, hoa văn, mà nơi cả cách bố trí các kiến trúc của quần thể nhà thờ.... Thuộc loại này còn phải kể đến những nhà thờ như nhà thờ Ba Làng thuộc giáo phận Thanh Hóa. Điểm đáng được lưu ý ở đây là quần

thể nhà thờ Phát Diệm, nhà thờ Ba Làng nằm trong số những nhà thờ "kiên cố" đầu tiên tại Việt Nam, vào thời chưa có cái gọi là phong trào hội nhập văn hóa được hô hào trong giáo hội như hiện nay.

Ngược lại, tại Thành phố Hồ Chí Minh, khi không gian không cho phép, nhà thờ lại có dáng dấp của một ngôi nhà hiện đại, tuy vẫn có tháp, nhưng đơn giản, nhắm chủ yếu vào tính công dụng của nhà thờ, như nhà thờ Thánh Gia, nhà thờ Vinh Sơn, đường 3 tháng 2, quận 10,....

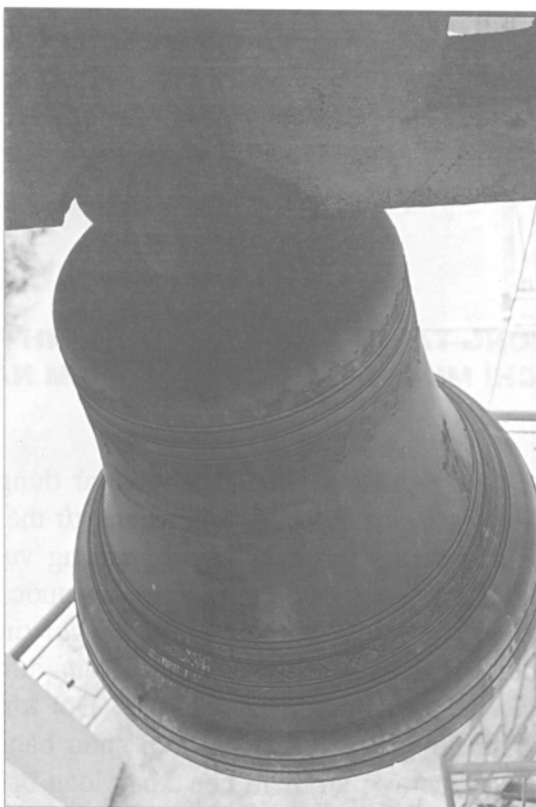
Từ những gì được phác họa trên đây, người ta có thể rút ra được kết luận là kiến trúc nhà thờ Công giáo ở Việt Nam không bị đóng khung trong một khuôn mẫu nhất định, mà mở rộng tiếp nhận và biến hóa các phong cách khác nhau để đáp ứng nhu cầu và óc thẩm mỹ của người Công giáo ở vào những không gian và thời gian nhất định. Tuy nhiên, cái đẹp của nhà thờ Công giáo vẫn luôn là kết quả của một sự tìm tòi và nhất là của một sức sống tinh thần dồi dào...



048

CHUÔNG TẠI CÁC NHÀ THỜ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÓ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM NÀO?

Việc tế tự trong Giáo hội Công giáo sử dụng chuông một cách rộng rãi từ thế kỷ VIII. Và cũng từ thế kỷ VIII, trước khi được đem vào sử dụng trong phụng vụ, chuông thường được một Giám mục làm phép bằng nước thánh và dầu thánh. Chuông được sử dụng để mời gọi tín hữu tới nhà thờ, để báo trong cộng đoàn có người qua đời, khi đọc kinh Truyền tin hay kinh Dưới vực sâu. Đôi khi chuông cũng được sử dụng vào mục đích "đời" như báo động về một vụ hỏa hoạn hay một hiểm họa....hay loan báo một tin vui mừng cho cả cộng đoàn. Người ta cũng có thói quen ghi chữ trên chuông (khẩu hiệu, tên người dâng chuông, năm chuông được đúc...). Chuông có kích cỡ rất khác nhau. Có chuông nhỏ, đơn hoặc chùm bốn chuông, dùng để lắc hay rung trong thánh lễ nhưng cũng có chuông nặng hàng tấn. Cung giọng của chuông cũng khác nhau. Một nhà thờ có thể có nhiều chuông và được kéo cùng lúc, cách kéo chuông cũng thay đổi tùy theo trường hợp, vui (lễ vui như Phục sinh, nhất là khi hát kinh Gloria vào đêm thứ Bảy tuần thánh, buồn (chuông tử). Chuông nhà thờ ở Việt Nam được kéo bằng dây (chuông tây) hay được đánh bằng vồ (chuông nam) như chuông nhà thờ Phát Diệm. Nhà thờ ở Việt Nam thường được xây với tháp chuông khá cao, gắn với nhà thờ hay tách biệt khỏi nhà thờ. Chuông nhà thờ



Chuông dùng tại nhà Thờ.

Hộ Diêm (Ninh Thuận) có các cung giọng đồ, mi, sol, la... rõ rệt.

Chuông của các nhà thờ tại thành phố cũng đáp ứng được các tính chất của chuông được nêu trên đây. Nhà thờ chánh tòa có một hệ thống chuông gồm 6 quả chuông được đặt trên một tháp cao 57 m.. Nhà thờ Chợ Quán có năm quả chuông, trên mỗi quả chuông đều có ghi tên người dâng cúng. Tháp nhà thờ Cha Tam treo bốn chuông mang tên các thánh Phanxicô Xaviê (Linh mục Phanxicô Xaviê dâng), Philipphê (Philipphê Lê Phát Đạt dâng), Agnès (do Agnès Lê Thị Tài dâng) và Anna (do Anna Thăm dâng).

Tháp nhà thờ Thị Nghè có treo ba quả chuông, quả chuông treo phía trong có ghi hàng chữ Crouzet Hildebrand Fondeur À Paris (tên nhà đúc chuông tại Paris) - 1883, và hai quả chuông treo phía ngoài ghi Thị Nghĩa Hội - 1891.

Hầu như tất cả các chuông tại các nhà thờ ở Thành phố Hồ Chí Minh đều là chuông được đúc để kéo bằng dây. Không có loại chuông được gọi là chuông Nam, như chuông tại nhà thờ Phát Diệm được đánh bằng vồ. Nhà thờ Phaolô (An Lạc, Bình Chánh), được xây dựng vào những năm tháng cuối của thế kỷ XX (19. 3. 1999 - 28. 12. 2000) có 7 quả chuông treo trên tháp, mỗi chuông có một cung riêng (đồ, rê, mi, fa, sol, la, si).

Nhiều nhà thờ tại thành phố đổ chuông vào lúc 4 giờ 30 sáng để nhắc nhở, kêu gọi người Công giáo trong giáo xứ tới nhà thờ cử hành nghi lễ.



049

XIN CHO BIẾT VỀ LÊ PHÁT ĐẠT VÀ VIỆC XÂY CẤT NHÀ THỜ TẠI SÀI GÒN.

Khi tìm hiểu lịch sử xây cất nhà thờ tại giáo phận Sài Gòn - thành phố, người ta bắt gặp tên của một nhân vật hay những người trong một dòng họ được nhắc nhở tới hay còn để lại dấu tích liên quan đến việc xây dựng nhà thờ. Đó là Lê Phát Đạt hay một người khác cũng thuộc dòng họ Lê Phát này như Lê Phát An. Lê Phát Đạt còn được gọi là Huyện Sĩ. Đất nhà thờ Chí Hòa được xây dựng do gia đình Lê Phát Đạt dâng cúng. Gia đình Lê Phát Đạt cũng đã có công lớn trong việc xây cất nhà thờ Huyện Sỹ. Do đó, ở hậu cung nhà thờ này có mộ ông bà Lê Phát Đạt. Mộ và tượng hai ông bà đặt nằm trên mộ được làm bằng đá cẩm thạch. Tại nhà thờ Cha Tam có một quả chuông ghi tên thánh Philipphê, do Philipphê Lê Phát Đạt dâng. Huyện Sỹ cũng đã dâng đất để xây dựng nhà thờ Thủ Đức, đường Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu. Nhà thờ Hạnh Thông Tây được xây dựng với sự đóng góp về đất và tài chánh của ông bà Denis Lê Phát An. Bên trong nhà thờ này có mộ của hai ông bà Lê Phát An. Bên mộ ông Lê Phát An có tượng một người nữ trong trang phục phụ nữ Nam Bộ rất đẹp...



Tượng người phụ nữ tại nhà thờ Hạnh Thông Tây (quận Gò Vấp).



050

NHỮNG TƯ LIỆU NÀO ĐỀ CẬP TỚI VIỆC NGUYỄN TRƯỜNG TỘ XÂY DỰNG TU VIỆN VÀ NHÀ NGUYỆN DÒNG THÁNH PHAOLÔ Ở SÀI GÒN?

Ký sự của dòng Thánh Phaolô Sài Gòn cho biết tỉ mỉ về cách thức làm việc của vị "kiến trúc sư" Nguyễn Trường Tộ này "Nữ tu phụ trách bàn tính công việc xây cất với Đức Giám mục Gauthier và Linh mục Croc, các vị này đồng ý là khi trở về Bắc kỳ sẽ để Thầy học (Nguyễn Trường Tộ) ở lại điều khiển các công việc xây cất. Nhà dòng liền trao đồ án tu viện và nhà nguyện cho Kiến trúc sư trẻ tuổi, nhưng ông hăng hái quá độ, cứ làm theo con mắt nghệ thuật của mình chứ không chịu xem túi tiền của chúng tôi: nhà nguyện, thay vì làm một cái vòm đơn sơ như vẽ trong đồ án, ông lại làm thêm cột, thêm các trang trí, các bức tranh, tất cả đều do ông làm, cái tháp chuông cũng vậy, khiến chi phí tăng lên rất nhiều. Bên tu viện cũng vậy, ông trang trí thêm cho đẹp mắt và, dầu nói thế nào, ông cũng không chịu làm theo kiểu đơn sơ như vẽ trong đồ án..., không kể cái tính kiên quyết theo ý tưởng của mình, ông lại còn rất thông minh, linh hoạt và vô vị lợi đến mức tuyệt đối, vì ông không nhận một đồng lương nào, chỉ ăn cơm không và tiêu vặt chút đỉnh. Không có ông, chúng tôi không bao giờ có thể xây dựng được nào tu viện, nào nguyện đường, bởi vì thợ không quen việc, lại không có ai chỉ huy, đến cả chính phủ cũng chưa xây cất được tòa nhà nào như vậy.



Tu viện dòng Thánh Phaolô (quận 1).

"Nhà nguyện được đổ nền vào tháng 9. 1862, mấy tuần sau đến lượt tu viện và nhà mồ côi. Nhờ Thầy học, công việc tiến hành rất mau chóng, đến ngày 18 tháng 7 năm 1864, chúng tôi đã có thể đến ở nhà đó với 150 trẻ mồ côi".

Linh mục Lemie, thừa sai Paris, trong một bức thư đăng trên tập san Missions Casholiques 1876, nói về công việc của dòng Thánh Phaolô ở Sài Gòn và việc xây cất của dòng như sau:

"Nho sĩ Bắc Kỳ này, vì tình yêu Thiên chúa, đã nhận đứng ra đốc suất công việc. Trước kia, ông có ở Hong Kong ít lâu và trong thời gian ngắn ngủi tại thuộc địa này của người Anh, ông đã thấy được cách thức và thể loại kiến trúc của Châu Âu. Thời đó ở Sài Gòn, chưa có một công trình nào làm kiểu mẫu. Với đề án của tu viện và nhà nguyện do nữ tu Benjamin (Bề trên) cung cấp, ông ta đã phác hoạ được một hoạ đồ phối cảnh chung và thực hiện công trình nhờ sự cộng tác của các công nhân người Việt Nam. Chính ông đã phải vẽ sơ đồ của tháp chuông và tự mình trông nom công việc một cách rất cẩn thận, chính

ông đã hoàn thành nhiều phần khác của công trình. Mỗi ngày người ta thấy ông có mặt ở công trường và để ý tới từng chi tiết. Phải thú nhận là nếu không có ông thì không thể thực hiện được một công trình như vậy vào một thời điểm mà Sài Gòn chưa có thợ cũng như chưa có nhà thầu (...)".



051

LỊCH CÁC NGÀY LỄ CỦA CÔNG GIÁO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐƯỢC SẮP XẾP RA SAO?

Lịch các ngày lễ của Công giáo, còn được gọi là lịch phụng vụ, tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng là lịch các ngày lễ của chung Giáo hội Công giáo trên toàn thế giới. Lịch này không được sắp xếp theo nhịp của cuộc sống con người tại một địa phương nhất định, hay theo mùa màng, thời tiết của vũ trụ, như xuân, hạ, thu, đông, hay mùa cấy, mùa gặt, như chúng ta thường thấy nơi một số tôn giáo hay tín ngưỡng khác, mà là theo tiến trình của một lịch sử, lịch sử hành động cứu độ loài người của Thiên chúa, gợi lại va tưởng nhớ những sự kiện chủ yếu trong cuộc đời của Đức Giêsu Kitô, Đấng thực hiện công cuộc cứu độ này giữa loài người và cũng là Đấng khởi đầu Kitô giáo, tôn giáo dành cho mọi người, do đó, cũng được gọi là Công giáo.

Lịch này bắt đầu với mùa Vọng, mùa chờ đợi, hay thời chuẩn bị, cũng còn gọi là mùa Áp, kéo dài bốn chủ nhật trước lễ Giáng sinh vốn được mừng một cách cố định vào ngày 25 tháng 12 dương lịch. Sau những ngày chờ đợi là ngày mừng Đức Giêsu ra đời, lễ Giáng sinh, cũng được gọi là lễ Noel, khởi đầu cuộc sống của vị Cứu tinh tại trần gian. Đức Giêsu đã lớn lên và bắt đầu thời kỳ rao giảng Tin mừng cứu độ. Tin mừng Người rao giảng đã đảo lộn

mọi trật tự tôn giáo, hay đúng hơn, chân lý tôn giáo các nhà tôn giáo Do Thái thời ấy hằng giảng dạy. Và người ta đã tìm cách giết Người. Mùa chay trong lịch các ngày lễ mời gọi các tín hữu suy gẫm và thông hiệp với những khó khăn, khốn quẫn Đức Giêsu đã gặp phải trong khi rao giảng Tin mừng giải thoát của Người. Kế đó là cả một tuần lễ nặng tính cách lịch sử: Tuần thánh mời gọi các tín hữu suy gẫm những ngày giờ cuối cùng Đức Giêsu trên trái đất này, như các sách Tin mừng ghi lại: lúc Đức Giêsu khải hoàn tiến vào Giêrusalem, có người hộ tống, hoan hô (chủ nhật lễ Lá), kế đó, ngày thứ Năm nhớ lại bữa ăn cuối cùng Đức Giêsu dùng với các tông đồ của Người, trong bữa tiệc này, Người đã rửa chân cho các tông đồ, một bài học về phục vụ cho những kẻ theo Người, thiết lập nghi lễ trọng đại Kitô giáo đã tiếp tục cử hành từ ngày ấy đến nay, đó là thánh lễ qua đó Người hiện diện ở giữa cộng đoàn. Ngày thứ Sáu tưởng niệm Đức Giêsu bị đóng đinh và qua đời trên thập giá, việc Người được tống táng trong mộ. Đêm thứ Bảy rạng ngày chủ nhật là đêm canh thức, chờ đợi Chúa Giêsu sống lại. Kế đó là chủ nhật lễ Phục sinh mừng việc Đức Giêsu sống lại từ cõi chết. Theo niềm tin Kitô giáo, Đức Giêsu Kitô, sau khi sống lại, đã về trời ngự bên hữu Thiên chúa Cha Người, đó là lễ Chúa Giêsu lên trời, được mừng bốn mươi ngày sau lễ Phục sinh. Sau khi về trời, Đức Kitô đã gửi Thánh Thần xuống để giúp cộng đồng các kẻ tin theo Đức Kitô sống lòng tin của mình trong thời kỳ chờ đợi và chuẩn bị cho ngày Đức Kitô đến lại. Lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống được mừng mười ngày sau lễ Chúa Giêsu lên trời. Thời gian từ lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống cho tới lễ Chúa Kitô là Vua, được mừng vào cuối năm các ngày lễ Công giáo, tức trước mùa Vọng, là thời gian chờ đợi, chuẩn bị ngày Đức Kitô đến chấm dứt công cuộc cứu độ nơi trần thế này.

Các ngày lễ Công giáo gắn liền với nhau một cách chặt chẽ vì nội dung chính của các ngày lễ này là diễn lại, trong một năm, những sự kiện mốc trong cuộc đời của Đức Giêsu Kitô. Cuộc đời của Chúa Giêsu lại cũng chính là công cuộc cứu chuộc loài người, sự giải thoát loài người khỏi ách nô lệ tội lỗi để trở thành con người tự do, thuộc về Thiên chúa. Người Công giáo tin rằng tham dự các lễ trên một cách thành tâm là tham gia vào công cuộc cứu độ, công cuộc giải thoát này.



052

TẠI SAO LẠI MỪNG LỄ GIÁNG SINH VÀO ĐÊM NGÀY 24 RẠNG NGÀY 25 THÁNG 12?

Trước hết không phải để kính ngày giờ đích xác Đức Giêsu ra đời. Đến cả năm sinh của Người, hiện nay người ta vẫn còn chưa có thể nói chính xác. Theo tính toán của Denys le Petit, một tu sĩ sống tại Roma vào thế kỷ VI, thì Đức Giêsu đã sinh ra vào năm 752 lịch Roma. Và năm này đã được chọn làm năm thứ nhất của một thời đại mới được gọi là Công nguyên. Tuy nhiên, gần đây, các sử gia đã tính toán lại và kết luận là Đức Giêsu sinh ra vào khoảng giữa các năm thứ sáu và ba trước công nguyên.

Đức Giêsu sinh ra vào tháng nào và nhất là ngày nào thì không thể trả lời chính xác được. Chắc là không phải vào ngày 25. 12 như ngày lễ Giáng sinh trong Kitô giáo cho người ta hiểu, vì như sách *Tin mừng* của Luca kể thì vào đêm Đức Giêsu sinh ra, ngoài đồng vắng đang có một số mục đồng nghỉ để canh giữ đàn súc vật. Cảnh này không thể diễn ra vào mùa đông, vì mùa đông ở Palestin rất lạnh, không thể có các các mục đồng đêm khuya ở giữa đồng vắng được.

Việc mừng ngày Chúa sinh ra chỉ trở nên phổ biến vào cuối thế kỷ IV. Dấu vết xưa nhất về việc chọn ngày 25. 12 để mừng lễ Giáng sinh là trong sách lịch Roma năm 336. Sách này ghi bằng chữ latinh: 25 Dec: natus Christus

in Betleem Judae (25.12: Chúa Kitô sinh ra tại Belem xứ Giuđa). Giáo hội Công giáo đã lấy ngày lễ mừng Ánh sáng và mặt trời, tức lễ Mithra Sol invictus của người Roma được mừng vào ngày 25. 12 để mừng lễ Chúa giáng sinh. Vị Cứu tinh ra đời sẽ xua tan bóng tối và khổ đau. Người hẳn là ánh sáng và là mặt trời của nhân loại. Lễ chính của ngày lễ Giáng sinh được cử hành vào đêm ngày 24 rạng ngày 25.

Lễ này mới đầu chỉ phổ biến trong Giáo hội Công giáo phương Tây. Mãi đến thế kỷ thứ V, các giáo hội Đông phương mới nhận ngày này. Trước đó các giáo hội này mừng lễ Hiển linh, lễ mừng Chúa tỏ mình ra cho loài người, được mừng vào ngày 6. 1.



053

TẠI SAO NGƯỜI CÔNG GIÁO THÀNH PHỐ LẠI TRƯNG BÀY "HANG ĐÁ", "MÁNG CỎ"... TRONG NHÀ THỜ CŨNG NHƯ TẠI TƯ GIA VÀO DỊP LỄ GIÁNG SINH?

Cách trang trí này tại nhà thờ cũng như tư gia của người Công giáo để mừng lễ Giáng sinh bắt nguồn từ những trang Kinh thánh của Matthêu và Luca, được viết ngay từ những năm cuối thế kỷ thứ I, kể lại việc Chúa Giêsu chào đời.

Sách *Tin mừng* của Luca viết "Trong những ngày ấy, hoàng đế Augustô ra sắc chỉ ban hành lịnh kiểm tra toàn thể thiên hạ. Việc kiểm tra này đã thi hành lần đầu, thời Quyrinô trấn nhiệm xứ Syri. Và mọi người đều đi đăng tên sổ bộ, ai về thành nấy. Ông Giuse thuộc xứ Galilê cũng từ thành Nazaret lên xứ Giuđê, tới thành của Đavít, gọi là Bêlem vì ông thuộc về nhà và dòng họ Đavít - để đăng tên sổ bộ với Maria, đã đính hôn với ông, và hiện đang thai nghén. Xảy ra là đang khi ông bà ở đó, thì đã mãn những ngày thai nghén, đến buổi lâm bồn, và bà đã sinh con đầu lòng, và lấy tã vấn con và đặt nằm trong máng cỏ, bởi vì không có chỗ cho ông bà trong quán trọ.

Trong vùng ấy, có mục đồng đóng ở ngoài trời và đêm khuya thức canh để giữ đàn cừu. Thiên thần Chúa bỗng hiện đến bên họ và vinh quang Chúa rạng ngời bao quanh họ, làm họ kinh khiếp hãi hùng. Nhưng thiên thần nói với



"Máng cỏ" dịp lễ Giáng Sinh.

họ "Đừng sợ! Này ta đem Tin mừng cho các ngươi về một niềm vui to tát, tức là niềm vui cho toàn dân: là hôm nay, đã sinh ra cho các ngươi vì Cứu chúa, tức là Đức Kitô Chúa, trong thành của Đavít. Và sự này làm dấu cho các ngươi: các ngươi sẽ gặp thấy một Hài nhi vấn tã, đặt nằm trong máng cỏ". Và bỗng đâu đến hợp đoàn với các thiên thần, có đoàn lũ cơ binh trên trời ngợi khen Thiên chúa rằng "Vinh quang Thiên chúa trên trời cao thẳm và dưới đất bình an cho kẻ Người thương" (Lc2, 1-14).

Sách *Tin mừng* của Mattheu thì viết "Đức Giêsu đã sinh ra tại Bêlem xứ Giuđê, thời vua Hêrôđê, thì này: những

đạo sĩ từ phương Đông đến Giêrusalem nói rằng "Vua dân Do Thái mới sinh hiện ở đâu? Vì chúng tôi đã thấy ngôi sao của Người bên trời Đông và chúng tôi tới yết bái Người". Nghe vậy, vua Hêrôđê hoảng hốt người lên và cả thành Giêrusalem làm một với ông. Người cho triệu các thượng tế và ký lục của dân mà hỏi họ cho biết: Đức Kitô phải sinh ra ở đâu. Họ thưa "Tại Bêlem, xứ Giuđê... (...) Bấy giờ Hêrôđê bí mật cho mời các đạo sĩ mà hỏi kỹ về thời ngôi sao xuất hiện, rồi sai họ đi Bêlem và bảo "Các ông hãy đi dò hỏi tường tận về Hài nhi, và khi đã tìm thấy, thì hãy báo lại cho trẫm, để trẫm cùng đi yết bái Người". Nghe nhà vua nói thế, họ ra đi, và này ngôi sao họ đã thấy bên trời Đông đi trước họ cho đến khi dừng lại trên nơi có Hài nhi. Thấy ngôi sao, họ hớn hở vui mừng quá đỗi. Và vào nhà, họ thấy Hài nhi cùng Maria mẹ Người, và họ phục mình xuống yết bái Người, đoạn mở tráp báu họ dâng Người lễ vật: vàng, nhũ hương và mộc dược..".(Mt 2, 1-12).

Trang trí tại nhà thờ và tư gia của người Công giáo thành phố vào dịp lễ Giáng sinh đã họa lại đầy đủ những gì hai bản văn trên đã viết về việc Đức Giêsu sinh ra: tượng ông Giuse, bà Maria và Hài nhi Giêsu, máng cỏ, hang đá, các trẻ mục đồng, tức những người chăn dắt dê cừu, tượng ba nhà đạo sĩ, đèn ngôi sao và các thiên thần, tượng hay hình các trẻ nhỏ có đôi cánh tượng trưng cho đoàn ngũ các thiên thần hát ngợi khen chào đón Đức Giêsu sinh ra làm người.

Những bản văn này cũng còn là nguồn cảm hứng cho người ta sáng tác những bản nhạc bất hủ được hát trong dịp Giáng sinh *Đêm thánh vô cùng, Cao cung lên...*

Tuy nhiên, các bản văn này không hẳn là những trang tiểu sử hiểu theo đúng nghĩa của từ này mà phải hơn là những trang "giáo lý" các tác giả đã viết sau khi đã sống qua biến cố Đức Giêsu bị đóng đinh trên thập giá, đã chết và đã được an táng, nhưng họ tin là vẫn sống và tiếp tục

hiện diện giữa họ. Mặc dù hiện nay, có nhiều tác giả truy tìm lịch sử thiên văn và quả quyết vào dịp này, đúng là có những hiện tượng sao chổi như được nói tới trong bản văn trên đây. Tuy nhiên, ý của các tác giả không phải là viết lịch sử cho bằng là diễn tả một niềm tin về một con người họ tin tưởng, yêu mến và là Đấng Cứu tinh từ trời được gửi tới. Các chi tiết, do đó, trong câu chuyện đều có ý nghĩa tượng trưng.



054

BA NHÂN VẬT TRONG TÍCH CHUYỆN GIÁNG SINH ĐƯỢC GỌI LÀ BA VUA THỰC RA LÀ AI?

Trong câu chuyện kể về việc Đức Giêsu giáng sinh tại hang Bêlem, xứ Giuđê, có nói đến ba nhân vật được một ngôi sao lạ dẫn tới yết kiến và dâng Người một số tặng vật: vàng, nhũ hương và mộc dược. Người Công giáo sau này cho rằng đây là ba nhà vua. Vào thế kỷ thứ VI, ba vị "vua" này còn được đặt tên là Gaspar, Melchior và Balthasar. Và trong thời Trung cổ, ba người này còn được tôn kính như các vị thánh. Người Công giáo Việt Nam cũng theo truyền thống này mà gọi họ là ba vua. Trong các bộ tượng Giáng sinh ở Việt Nam, các nhân vật này thường được phác họa dưới dạng ba vua, cưỡi lạc đà, tay mang lễ vật, đang theo ngôi sao lạ dẫn đường đến hang đá Bêlem. Một người trong số họ là người da đen. Trong lịch các ngày lễ Công giáo trước đây, lễ Chúa tỏ mình (6. 1) còn được gọi là lễ Ba Vua.

Thực ra, truyền thống này, theo các nhà nghiên cứu, chỉ bắt đầu từ Tertullianô, một nhà văn nổi tiếng sống vào cuối thế kỷ thứ II đầu thế kỷ thứ III. Nhà văn này gọi họ là những người "gần như vua" (fere reges). Còn con số "ba" xuất phát từ Origen, một tác giả cùng thời với Tertullianô, có thể Origen đã suy đoán từ các lễ vật (ba) những người này dâng cho Hài Nhi.

Trong khi đó, Matthêu, tác giả sách *Tin mừng* lại không nói rõ đây là các vì vua mà là những đạo sĩ (Mt 2, 1-12), tức những hiền nhân, những nhà thông thái. Họ từ phương Đông đến. Những nhà thông thái, những hiền nhân từ phương Đông thường cũng là những người thông hiểu thiên văn, am hiểu về những đổi dời của các sao và tinh tú trên bầu trời. Phương Đông, đối với người Do Thái, thường cũng là miền đất xa lạ với Do Thái giáo, những người ở ngoài đạo tôn thờ Thiên chúa Giavê. Chi tiết này trong câu chuyện của Matthêu nhằm diễn tả một niềm tin: Đức Giêsu, Đấng đã chịu chết trên thập giá nhưng đã từ cõi chết sống lại, là Đấng sẽ quy tụ mọi người vào lại trong tình yêu thương Thiên chúa. Và việc ba nhà đạo sĩ từ phương Đông tới Bêlem dâng lễ vật cho hài nhi Giêsu vấn tã đặt nằm trong máng cỏ là dấu chỉ cho thấy điều các Kitô hữu tin tưởng đã bắt đầu trở thành hiện thực..

Sách *Tin mừng* khi nói tới một "ngôi sao" lạ dẫn đường cho các nhà thông thái tới chỗ Chúa Giêsu sinh ra cũng không có ý ghi lại một hiện tượng lạ trên bầu trời khi ấy mà muốn nói điều này là lời tiên tri Balaam đã trở thành hiện thực với việc Đức Giêsu chào đời. Lời tiên tri này như sau "Một ngôi sao (mọc) lên từ Yacob, một vương trượng xuất từ Israel" (Ds 24, 17). Tại phương Đông xưa, ngôi sao cũng được xem là dấu của một vị thần, dấu của một vua được thần hóa (coi Is 14, 12). Ngôi sao xuất hiện trong câu chuyện Giáng sinh này ngầm cho người đọc và người nghe hiểu rằng triều đại mới người Do Thái hằng mong đợi đã khởi đầu với sự ra đời của Con Thiên chúa làm người, Đức Giêsu Kitô.



055

TRONG GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ, CÓ TỔ CHỨC NHỮNG NGÀY "CHAY" KHÔNG?

Trong giáo phận thành phố, cũng như trong giáo hội Công giáo tại các nơi khác, có một mùa gọi là "mùa chay" kéo dài 40 ngày trước lễ Phục sinh. Khởi đầu, đây là 40 ngày chay tịnh. Thực ra, trong ba thế kỷ đầu, thời gian chay tịnh không quá hai hoặc ba ngày, như thấy rõ trong phát biểu của thánh Irênê mà sử gia Eusebius đã thuật lại. Sang thế kỷ thứ IV, công đồng Nicê (năm 325) điều 5, nhắc đến việc ăn chay 40 ngày, theo gương Chúa Giêsu đã ăn chay 40 ngày trong sa mạc, như các sách *Tin mừng* đã kể lại. Nhưng hiện nay, trong thời gian được gọi là mùa chay vẫn kéo dài 40 ngày, người Công giáo chỉ buộc phải giữ chay có hai ngày: thứ Tư lễ Tro bắt đầu "mùa chay" và thứ Sáu tuần Thánh tưởng nhớ việc Đức Giêsu chết trên thập giá. Như vậy, mùa chay không còn là thời gian 40 ngày để người Công giáo nhịn ăn hay bớt ăn theo nghĩa đen hay theo những quy định cụ thể và rõ ràng thường rất khó thích hợp với cuộc sống trong những hoàn cảnh càng ngày càng đa dạng, mà là 40 ngày sống trong sự tự giác, bỏ bớt không chỉ những tiệc tùng linh đình, tiêu pha phung phí mà còn là tự cắt giảm cả những thứ thường dùng nhưng không cần thiết để góp phần tham gia các phong trào, chiến dịch vì người nghèo, vì các nước đang phát triển thường được tổ chức đặc biệt vào dịp này.

Trong các thế kỷ đầu, việc giữ chay rất nghiêm ngặt. Một ngày chỉ được ăn một bữa vào buổi chiều, cấm ăn thịt, cá, trứng, bơ sữa. Từ thế kỷ IX trở đi, luật giữ chay được nới lỏng. Giờ phá chay (bữa ăn) thường là trước ba giờ chiều. Đến thế kỷ XV, ngày chay, tu sĩ được dùng bữa vào đúng ngọ. Về sau lại thêm bữa ăn nhẹ vào buổi tối. Thời Trung cổ, ngày chay được phép dùng cá. Từ thế kỷ XV, bơ sữa không còn bị cấm trong ngày chay nữa.

Trong giáo hội Công giáo, thường có sự phân biệt giữa ăn chay và chay tịnh. Ăn chay chủ yếu là giảm bớt số lượng thực phẩm dùng hàng ngày còn chay tịnh chỉ việc tự ý không sử dụng một số loại thực phẩm đặc biệt là thịt (kiêng thịt) vào một số ngày trong năm phụng vụ. Chay tịnh cũng có thể được áp dụng trong lãnh vực tính dục và khi ấy thường được gọi là tiết dục. Kiêng thịt không nhất thiết phải kèm theo ăn chay. Nhưng ăn chay hiện nay trong giáo hội Công giáo lại kèm theo việc kiêng thịt.

Mục tiêu chủ yếu của các việc làm này, ăn chay, chay tịnh hay kiêng thịt, là sự thống hối, đền tội, từ bỏ lòng ích kỷ, để sống trong sự chia sẻ một cách cụ thể với người khác.



056

XIN CHO BIẾT VỀ LỄ LÁ.

Theo lịch các ngày lễ của giáo hội Công giáo tại Việt Nam cũng như trên thế giới, chủ nhật trước chủ nhật lễ Phục sinh được gọi là chủ nhật lễ Lá. Chủ nhật lễ Lá này mở đầu cho tuần lễ được gọi là tuần Thánh, tức tuần lễ tưởng nhớ và cử hành trong lễ nghi những sự kiện diễn ra vào những ngày giờ cuối đời tại thế của Đức Giêsu. Trong tuần Thánh, các Kitô hữu suy niệm về Đức Giêsu từ lúc vào thành Giêrusalem (chúa nhật lễ Lá), việc Người bị một môn đệ là Giuđa người Kêriốt phản bội (thứ tư), bữa tối cuối cùng gọi là bữa Tiệc ly (thứ năm), việc Đức Giêsu phải chịu cực hình và bị kết án tử hình và chịu chết trên thập giá (thứ sáu), việc Người được mai táng trong mồ (thứ bảy) và việc Người sống lại từ cõi chết (chủ nhật Phục sinh).

Chủ nhật mở đầu tuần Thánh là chủ nhật lễ Lá. Gọi là lễ Lá vì vào ngày này, người Công giáo mừng việc Đức Giêsu tiến vào Giêrusalem để bị bắt và bị giết. Sách *Tin mừng* theo Gioan viết về sự kiện này như sau "Hôm sau, dân chúng đông đảo trẩy lễ nghe tin Chúa Giêsu lên Giêrusalem, thì cầm nhành lá vạn tuế ra đón Ngài và la vang: Hôsanna! Chúc muôn lành cho Đấng nhân Danh Chúa mà đến! Vua Israel" (Ga 12, 12). Sách *Tin mừng* theo Marcô cũng viết về sự kiện này như sau: khi Đức Giêsu



Trẻ em cầm lá chuẩn bị lễ.

vào Giêrusalem, "có nhiều người trải áo choàng của họ trên đường, nhóm khác rải hoa lá họ đã chặt ngoài đồng..". Như vậy, chi tiết dân chúng cầm lá hay rải lá đón tiếp Đức Giêsu vào thành Giêrusalem đã được gợi lại trong lễ Lá này với việc cộng đoàn dự lễ tay cầm lá đi rước trước lúc cử hành lễ..

Việc rước vào ngày chúa nhật lễ Lá này đã có tại Giêrusalem từ thế kỷ IV. Tại phương Tây, sách *Nghi lễ* Gallican (tk 7/tk 8) có ghi lời nguyện làm phép lá và lá được coi như biểu tượng của sự toàn thắng của Đức Kitô và sự bảo vệ người Kitô hữu chống lại ma quỷ. Thời Trung cổ, cộng đoàn thường rước lá từ một nhà thờ này đến một nhà thờ khác, tại đây, lá sẽ được làm phép và phân phối, sau đó, đoàn rước trở lại nhà thờ nơi xuất phát. Đoàn rước mang theo một biểu tượng về Đức Kitô như sách *Tin mừng*, hay cây Thánh giá đặt trên một con lừa bằng gỗ. Trong giáo hội Công giáo Roma năm 1955, phụng vụ tuần Thánh

đã được điều chỉnh và nghi lễ làm phép lá cũng đã được đơn giản hoá rất nhiều. Theo nghi thức mới, sau khi lá được làm phép và được phân phát cho hàng giáo sĩ và giáo dân (trừ khi mỗi tín hữu tới dự lễ đã cầm sẵn lá trên tay), thầy phó tế hay chủ tế sẽ đọc bài Tin mừng trích trong sách *Tin mừng* theo Matthêu (Mt 21, 1-9), kế đó, cộng đoàn theo sau một cây Thánh giá không phủ khăn, vừa đi vừa hát một bài ca vịnh. Sau khi trở lại nhà thờ hay tới một nhà thờ khác, thánh lễ trọng thể bắt đầu được cử hành.

Tại thành phố người Công giáo thường dùng tàu lá dừa được tách ra thành từng nhánh nhỏ để dùng trong cuộc rước lá này.



057

TẠI SAO LỄ PHỤC SINH LẠI KHÔNG MỪNG VÀO MỘT NGÀY CỐ ĐỊNH THEO DƯƠNG LỊCH NHƯ LỄ GIÁNG SINH?

Theo các sách *Tin mừng* kể về cuộc đời của Đức Giêsu thì Ông đã bị giết vào dịp lễ Vượt qua của người Do Thái. Người Do Thái mừng lễ Vượt qua của họ hàng năm vào ngày 14 Nisan, tức ngày trăng mới của mùa xuân. Giáo hội Kitô giáo vào thế kỷ II đã quyết định mừng lễ Phục sinh hàng năm theo ngày lễ Vượt qua của người Do Thái. Và từ thế kỷ IV, lễ Phục sinh trong toàn Giáo hội Kitô giáo được ấn định vào một ngày chủ nhật, tức chủ nhật thứ nhất sau trăng tròn mùa xuân tức là theo âm lịch, còn theo dương lịch, sẽ là một ngày chủ nhật trong khoảng thời gian từ 21. 3 là sớm nhất tới 25. 4 là muộn nhất. Và như thế, ngày lễ Phục sinh này cũng ấn định luôn thời điểm bắt đầu mùa Chay, kéo dài 40 ngày trước lễ Phục sinh. Lễ Đức Giêsu lên trời, được mừng 40 ngày sau lễ Phục sinh và lễ Thánh Thần Hiện xuống, 10 ngày sau lễ Đức Giêsu Lên trời cũng tùy thuộc vào việc ấn định ngày lễ Phục sinh này.



058

NGÀY LỄ CÁC LINH HỒN, CÓ Ý NGHĨA GÌ ĐỐI VỚI NGƯỜI CÔNG GIÁO TẠI THÀNH PHỐ?

Giáo hội Công giáo dành ngày 2. 11 hàng năm để cử hành lễ tưởng nhớ các Kitô hữu đã qua đời. Hôm trước đó, tức ngày 1. 11, giáo hội mừng lễ các Kitô hữu đã qua đời và đã được công khai nhìn nhận là đã sống một cuộc sống thánh thiện và đang được hạnh phúc bên Thiên chúa trên trời gọi là lễ các Thánh. Còn lễ Linh hồn là lễ cầu nguyện cho các tín hữu đã qua đời hiện còn đang phải chịu thanh luyện nơi Luyện tội đợi ngày hưởng hạnh phúc trọn vẹn bên Thiên chúa cùng với các thánh. Theo lòng tin của người Công giáo, khi một người qua đời, sẽ có ba nơi hay chính xác hơn, ba trạng thái, chờ đón linh hồn của người này: một là Thiên đàng, hình ảnh được dùng để chỉ trạng thái hạnh phúc trọn vẹn bên Thiên chúa dành cho những ai đã sống cuộc sống thánh thiện khi còn ở trần gian, hai là Hỏa ngục, hình ảnh được dùng để chỉ trạng thái bất hạnh dành cho những kẻ đã mắc phải những tội lỗi trầm trọng, không chịu sám hối và nhất quyết ở lỳ trong tình trạng tội lỗi này, kẻ lâm vào hỏa ngục đời đời sẽ không ra khỏi đây, ba là Luyện ngục, tức nơi kẻ qua đời phải chịu đau khổ để thanh luyện, tẩy rửa khỏi những tội lỗi mình đã phạm khi còn sống trên trần gian, những tội lỗi chưa đến mức trầm trọng đến độ phải lâm vào hỏa ngục. Sau khi được tẩy luyện, kẻ ở luyện tội sẽ được đưa lên thiên đàng hưởng hạnh phúc.

Việc dành riêng một ngày trong năm phụng vụ để tưởng nhớ các kẻ đã qua đời đã xuất hiện đây, đó trong mười thế kỷ đầu của Kitô giáo. Và việc cử hành lễ các linh hồn ngay sau lễ các Thánh đã được chính thức hóa và phổ biến trong toàn giáo hội từ thế kỷ thứ XI. Vào ngày này, các Linh mục được phép cử hành ba lễ để cầu cho các kẻ đã qua đời. Dù rằng ngôn ngữ con người vẫn chưa diễn tả được một cách chính xác tình trạng của kẻ qua đời, việc cầu nguyện cho kẻ đã qua đời đã có trong buổi đầu của Kitô giáo. Việc cầu nguyện này diễn ra qua nhiều hình thức khác nhau, nhưng trọn hảo nhất vẫn là qua các thánh lễ.

Tại Việt Nam, vào dịp lễ các Linh hồn, người Công giáo có thói quen tới viếng mộ thân nhân tại nghĩa trang từ chiều lễ các Thánh. Lễ các linh hồn này mở đầu cho một tháng, tháng 11, để đặc biệt tưởng nhớ ông, bà, cha, mẹ, họ hàng, bạn bè, những người trong cộng đoàn đã qua đời và cầu nguyện cho họ.



059

NGÀY CHỦ NHẬT HÀNG TUẦN HIỆN NAY CÓ Ý NGHĨA GÌ ĐỐI VỚI NGƯỜI CÔNG GIÁO Ở THÀNH PHỐ?

Ngày chủ nhật, trong giáo hội Công giáo, là ngày thứ nhất trong tuần. Theo các sách *Tin mừng* thì Đức Giêsu đã sống lại vào ngày thứ nhất trong tuần. Giáo hội Công giáo đã luôn dành ngày thứ nhất trong tuần này để tưởng nhớ và mừng kính Đức Giêsu phục sinh. Ngày này được gọi là ngày của Chúa, hay chúa nhật, như sách *Khải huyền* đã ghi (Kh 1, 10). Từ thời Tân ước, tức từ thế kỷ đầu sau công nguyên, nơi người Công giáo, ngày chủ nhật đã bắt đầu thay thế ngày Sabat của người Do Thái.

Ngày Sabat, cũng được gọi là ngày hưu lễ, của người Do Thái rơi vào ngày thứ bảy trong tuần lễ Do Thái. Theo sách *Xuất hành* (20, 11 và 31, 17), ngày Sabat là ngày Thiên chúa nghỉ ngơi sau sáu ngày tạo dựng muôn loài, muôn vật và con người. Nhưng theo sách *Đệ nhị luật* (5, 13) thì việc người Do Thái mừng ngày Sabat cũng còn là để tưởng nhớ việc Thiên chúa giải thoát họ khỏi ách nô lệ tại Ai Cập. Ngày Sabat như vậy là một dịp để người Do Thái bày tỏ sự vui mừng và sung sướng về một thế giới Thiên chúa đã dựng nên và ân huệ lớn lao Thiên chúa dành cho dân của Người. Họ mặc những bộ đồ trắng đẹp nhất để diễn tả sự trong sạch và niềm hy vọng. Họ thắp những cây nến sáng trước lúc ngày Sabat bắt đầu để xua tan bóng

tối và sầu muộn khỏi ngày thánh này. Ngày Sabat được cử hành hàng tuần như vậy đã góp phần không nhỏ vào việc duy trì sự trung tín với lề luật Do Thái ngang qua một lịch sử nhiều biến động.

Người Do Thái có bổn phận phải thánh hoá ngày này bằng việc thờ phượng Thiên chúa và nghỉ làm việc xác. Để chu toàn bổn phận thứ nhất, người Do Thái sẽ tập họp tại hội đường chiều thứ sáu và sáng thứ bảy để thờ phượng Chúa (*Xuất hành* 31, 13-17), đọc sách *Luật Torah* (Lv 23, 2tt), của cúng lễ vào ngày này phải được tăng lên gấp đôi (Ds 28, 9tt), mỗi gia đình phải dọn một bữa tiệc, người cha sẽ bắt đầu bữa tiệc với lời cầu xin Thiên chúa chúc lành cho gia đình, cho bánh và chén rượu. Bổn phận thứ hai bao gồm việc nghỉ ngơi hoàn toàn, từ chiều thứ sáu tới chiều thứ bảy, để lấy lại sức cho người và cho cả súc vật (*Xuất hành* 20, 10, *Đệ nhị luật* 5, 14).Việc nghỉ ngơi này được quy định một cách tỉ mỉ, trong từng chi tiết.

Mặc dù các Kitô hữu tiên khởi, như Đức Kitô khi sinh thời, tiếp tục giữ ngày thứ bảy như ngày nghỉ và ngày cầu nguyện, nhưng sự kiện Chúa phục sinh và Thánh Thần đến đều đã diễn ra vào ngày thứ nhất trong tuần khiến việc giữ ngày thứ nhất trong tuần và cũng là Ngày của Chúa (chúa nhật) đã thay thế dần dần việc giữ ngày Sabat nơi các Kitô hữu. Việc giữ ngày chúa nhật đã trở thành phổ biến trong khắp Giáo hội từ các thế kỷ đầu.

Việc coi ngày chủ nhật như một ngày nghỉ dành riêng cho việc phụng thờ Thiên chúa bắt đầu được quy định thành luật bởi cả luật đạo lẫn luật đời từ thế kỷ thứ IV. Luật nghỉ ngơi và kiêng việc xác ngày chủ nhật trong luật giáo hội, càng ngày càng trở nên nghiêm ngặt từ thế kỷ thứ VI đến XIII, cũng buộc phải dự lễ. Giáo hội kêu gọi tín hữu kiêng việc xác ngày này để có thời giờ lo việc đạo, cầu nguyện và đặc biệt tụ họp nhau để cử hành cái chết và sự phục

sinh của Đức Kitô bằng cách tham dự vào Thánh lễ. Từ thế kỷ thứ II, ngày chủ nhật cũng thay thế ngày Mặt trời của người ngoài Kitô giáo, do đó, tiếng Anh dùng từ Sunday để chỉ ngày chủ nhật này: Đức Kitô chính là Mặt trời của sự Công chính.



060

XIN CHO BIẾT VỀ NGHI LỄ ĐỂ TRỞ THÀNH TÍN ĐỒ THIÊN CHÚA GIÁO.

Sinh ra từ cha mẹ là người Công giáo không đương nhiên hay tự động là người Công giáo. Để trở thành người Công giáo, thuộc giáo hội Công giáo, người này phải trải qua một nghi lễ người Công giáo gọi là phép rửa tội, hay phép Thánh tẩy, nghi thức qua đó, người chịu phép rửa tội



"Giếng Rửa tội" tại nhà thờ Ba Chuông (quận Phú Nhuận).

được Thiên chúa tha thứ tội lỗi mình phạm và tội tổ tông, được tái sinh và được nhận vào giáo hội Công giáo.

Nghi thức rửa tội gồm chủ yếu việc nhúng người chịu rửa tội vào nước, hoặc rẩy nước hay thường thấy hơn hiện nay, đổ nước lên đầu người chịu rửa tội và việc người ban phép rửa tội đọc công thức nhân danh Ba Ngôi Thiên chúa "Tôi rửa (ông, bà, anh, chị, em, cháu...) nhân danh Cha và Con và Thánh Thần".

Khởi đầu, nghi thức rửa tội thường do Giám mục cử hành, và trong một số ngày lễ nhất định: như lễ Phục sinh và Hiện xuống từ thế kỷ thứ II đến IV, thêm một số lễ khác như lễ Hiển linh, lễ Giáng sinh từ thế kỷ IV. Tuy nhiên, khi cần kíp, người Kitô hữu nào cũng có thể ban phép rửa tội, và vào bất cứ lúc nào.

Nghi thức Rửa tội này, mỗi người chỉ được nhận một lần trong đời mà thôi.



061

NGƯỜI CÔNG GIÁO CÓ LÀM PHÉP RỬA TỘI CHO TRẺ EM MỚI CHÀO ĐỜI HAY KHÔNG?

Mặc dù việc ban phép rửa tội cho trẻ em không được nói đến trực tiếp trong Tân ước nhưng xem ra đã được ám chỉ tới trong các đoạn Kinh thánh như Mt 19, 14, Cv 16, 33 và 1Tm 2, 4. Và cũng chính thánh Augustinô đã đưa ra nền tảng thần học của việc rửa tội trẻ em: một trong những hiệu quả chủ yếu của phép rửa tội là tẩy sạch không chỉ những tội người nhận phép rửa tội đã phạm mà cả vết nhơ của tội do tổ tiên loài người là ông Ađam và bà Evà, tức tội tổ tông, trên linh hồn. Vết nhơ ấy sẽ cản trở ngay cả đứa bé mới chào đời vào Nước Trời và được tháp nhập vào Giáo hội.

Những người thuộc tông phái Baptist (Tin lành) thì lại phủ nhận giá trị của việc ban phép rửa tội cho trẻ nhỏ vì chủ trương chỉ có người trưởng thành có thể tự mình tuyên xưng đức tin mới có thể lãnh nhận phép rửa tội một cách hữu hiệu. Do đó, tông phái này chủ trương những người đã chịu phép rửa tội khi chưa tới tuổi khôn, chưa hiểu gì về những điều mình tin phải được rửa tội lại mới thực sự là một Kitô hữu. Những người chủ trương phải rửa tội lại những người đã chịu phép rửa tội khi mới lọt lòng mẹ được gọi, theo tiếng Anh, là Anabaptist.



062

NGƯỜI CÔNG GIÁO CHUẨN BỊ VỀ MẶT TÔN GIÁO ĐỜI SỐNG HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NHƯ THẾ NÀO?

Hôn nhân, trong Kitô giáo, mặc dù luôn được coi là dựa trên nền tảng của luật tự nhiên, vẫn có những điểm khác với hôn nhân ngoài Kitô giáo, kể cả Do Thái giáo thuở xưa. Luật Do Thái tiên khởi đặt phụ nữ ở hàng thứ yếu, và khi lấy chồng, trở thành một thứ tài sản của chồng, mặc dù chồng không được phép bán (*Xuất hành* 21, 7). Người chồng có thể ly dị vợ mình "vì gặp thấy nơi vợ có điều gì thô bỉ" (*Đệ nhị luật* 24, 1) trong khi đó người vợ không có cái quyền này. Người chồng có thể cưới thêm thê thiếp, đôi khi với sự ưng thuận của vợ, trường hợp bà Sarah, vợ Abraham, kể trong sách *Sáng thế* (St 16, 2).

Hôn nhân của người Roma có thể đã có ảnh hưởng nhiều hơn trên hôn nhân Kitô giáo. Mặc dù việc ly dị vẫn có giá trị từ cả hai phía, nhưng lý tưởng của hôn nhân vẫn là một cuộc sống lâu dài giữa hai người và cùng chia sẻ các quyền dân sự và tôn giáo. Tuy nhiên, một phần của luật hôn nhân của người Roma, như việc phủ nhận giá trị hôn nhân giữa một người tự do và một người nô lệ, đã không được Kitô giáo chấp nhận, ít là từ thế kỷ thứ III.

Vì tầm quan trọng của hôn nhân trong một đời người và vì ý nghĩa tôn giáo của hôn nhân trong giáo hội Công

giáo, nên Giáo hội đòi hỏi những người sắp sửa lập gia đình phải bỏ thời gian chuẩn bị và học giáo lý về hôn nhân. Các giáo xứ tại thành phố thường có mở các lớp giáo lý hôn nhân. Mỗi lớp hay mỗi khóa có thể kéo dài nhiều tháng (mỗi tuần học hai, ba buổi). Các lớp giáo lý hôn nhân này nhiều nơi tổ chức một cách khá phóng khoáng, người dạy không chỉ Linh mục mà có thể là luật sư, bác sĩ, nhà tâm lý học, do đó có sức hấp dẫn đối với những người chuẩn bị lập gia đình. Cuối mỗi khóa thường có sát hạch.



063

NGƯỜI CÔNG GIÁO CÓ ĐƯỢC PHÉP LẬP GIA ĐÌNH VỚI NGƯỜI NGOÀI CÔNG GIÁO HAY KHÔNG?

Người Công giáo, tức người đã chịu phép rửa tội và trở thành thành viên của giáo hội Công giáo và chưa công khai bỏ giáo hội không được làm phép hôn phối, tức lễ cưới về mặt đạo, với một người không rửa tội, không phải là thành viên của giáo hội Công giáo. Hai người có tổ chức cưới xin cũng không thành vợ chồng đối với giáo hội vì hai người ở trong tình trạng bị ngăn trở để chịu phép hôn phối trong giáo hội.

Tuy nhiên, ngăn trở này có thể được giáo hội chuẩn nếu hội đủ các điều kiện sau: 1. Bên Công giáo phải tuyên bố sẵn sàng xa tránh mọi nguy cơ làm tổn thất đức tin và hứa sẽ làm hết mọi sự có thể để con cái được rửa tội và giáo dục trong giáo hội Công giáo, 2. Bên Công giáo phải cho người bạn đường của mình biết về lời hứa và bổn phận này của mình, 3. Cả hai phải được giáo huấn về các mục đích và đặc tính cốt yếu của hôn phối và không bên nào được loại bỏ các điều ấy.

Quy định này của giáo hội Công giáo nhằm một phần bảo vệ sự bền vững của hôn nhân gia đình, do đó, không muốn sự khác biệt tôn giáo, cũng có thể là khác biệt trong lối sống, có thể là một nguyên nhân gây xung khắc có hại cho sự bền vững này.



064

CÁC CẢN TRỞ HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI THEO CÔNG GIÁO LÀ NHỮNG CẢN TRỞ NÀO?

Bộ Giáo luật của giáo hội Công giáo có đưa ra một số ngăn trở khiến hai người không thể kết hôn một cách hữu hiệu (Bộ Giáo luật 1983, số 1073). Có hai loại ngăn trở: 1. Ngăn trở tiêu hôn. Trong trường hợp này, hôn nhân bị xem như không có. Những ngăn trở này là: chưa tới tuổi để kết hôn hữu hiệu (nam 16, nữ 14 tuổi), bất lực, trước hôn nhân hay vĩnh viễn, để giao hợp, bị ràng buộc bởi một hôn nhân trước, hôn nhân giữa một người đã rửa tội và một người không rửa tội mà không có phép chuẩn... 2. Những cản trở khiến hôn nhân trở nên trái phép nhưng vẫn hiệu lực, chẳng hạn hôn nhân giữa một người Công giáo và một người Tin lành.

Trong số các loại ngăn trở này, có loại do Thiên chúa và không thể được miễn, chuẩn (chẳng hạn cùng máu mủ, có loại do luật Giáo hội và có thể được giáo hội miễn, chuẩn (chẳng hạn hôn nhân với người không chịu phép rửa tội.



065

HÔN NHÂN GIỮA NHỮNG NGƯỜI CÔNG GIÁO ĐƯỢC CỬ HÀNH RA SAO?

Gia đình hai bên sẽ tới trình với Linh mục phụ trách giáo xứ bên nhà gái, nếu hai người ở khác xứ. Linh mục phụ trách giáo xứ sẽ cho rao báo tại nhà thờ xứ trong ba hay hai chủ nhật liên tiếp, vào các giờ lễ chính của giáo xứ, tên tuổi của hai người có ý định lập gia đình với nhau và đề nghị với cộng đoàn nếu thấy hai người này có cản trở không thể lập gia đình với nhau (như một trong hai người đã có gia đình chẳng hạn...) thì phải trình báo cho Linh mục phụ trách giáo xứ biết. Nếu người nào biết mà không trình báo sẽ mắc tội trước Thiên chúa.

Sau khi đã rao tại nhà thờ theo luật định và sau khi đã đăng ký kết hôn tại phòng kết hôn của nhà nước, hai người cùng với gia đình tới nhà thờ để cử hành nghi lễ hôn phối. Nghi lễ sẽ được cử hành trước sự chứng giám của cộng đoàn giáo xứ. Phần nghi lễ chính gồm có việc hai người công khai lời cam kết trước Linh mục chủ tế và hai người làm chứng và toàn thể cộng đoàn "Tôi....nhận em (anh)....làm vợ (chồng), và hứa sẽ giữ lòng chung thủy với em (anh) khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi bệnh nạn cũng như lúc mạnh khoẻ, để yêu thương và tôn trọng em (anh) mọi ngày suốt đời tôi". Sau khi hai người lần lượt nói lời cam kết xong, Linh mục chủ tế sẽ đọc lời cầu xin "Xin Thiên chúa đoái thương xác nhận sự ưng thuận mà

anh anh chị (chúng con) đã tỏ bày trước Hội thánh, và xin đoái thương đổ tràn đầy ơn phúc xuống cho anh chị. Sự gì Thiên chúa liên kết, loài người không được phân ly". Kế đó, hai người vừa trao nhẫn cho nhau vừa nói "Em... (anh...) hãy nhận chiếc nhẫn này để làm bằng chứng tình yêu và trung thành của anh (em). Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần". Phần chính của nghi lễ hôn nhân kết thúc và Linh mục, đôi tân hôn cùng với cộng đoàn tiếp tục cử hành thánh lễ. Hai người chính thức trở thành vợ chồng về mặt đạo và đời.



066

NGƯỜI CÔNG GIÁO CÓ ĐƯỢC PHÉP LY DỊ HAY KHÔNG?

Công giáo tin rằng sự cam kết giữa vợ chồng với nhau trước mặt Thiên chúa và sự cam kết của hai người với Thiên chúa, sự cam kết của Thiên chúa với hai vợ chồng qua ân sủng của phép hôn nhân trong suốt cuộc đời vợ chồng của họ làm thành một nghi lễ do chính Đức Kitô thiết lập, hôn nhân chính là dấu chỉ về sự kết hợp không thể phá tan được giữa Đức Kitô và Hội thánh. Sự kết hợp giữa vợ chồng trước mặt Thiên chúa và giữa họ với Thiên chúa và được Giáo hội nhìn nhận là "thành sự", hợp pháp, sẽ không tháo cởi được "Điều Thiên chúa đã phối hợp, thì người ta chớ có phân ly" (Mt 19, 6). Giáo luật hiện hành khẳng định: Hôn phối thành sự và hoà pháp không thể bị tháo gỡ bởi một quyền bính nhân loại hay một nguyên do nào, ngoài sự chết. Khẳng định này cho thấy giáo hội Công giáo không chấp nhận có ly dị giữa những người đã lập gia đình một cách hợp pháp, theo đúng luật pháp.

Tuy nhiên, Công giáo cũng chấp nhận hôn nhân kết ước giữa hai người không được rửa tội có thể được tháo gỡ bởi điều được gọi bằng từ chuyên môn là đặc ân Thánh Phaolô (được Phaolô nói đến trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, 1Cr 7, 15), nghĩa là trong trường hợp hôn nhân giữa hai người không được rửa tội, nhưng sau đó, một trong hai

người đã lãnh nhận phép rửa tội, người lãnh nhận phép rửa tội sẽ không bị ràng buộc bởi ràng buộc hôn nhân nếu người kia bỏ đi vì lý do người này gia nhập Công giáo. Người được rửa tội được phép kết lập hôn nhân mới, miễn là người không rửa tội đã đoạn tuyệt với người này.



067

XIN CHO BIẾT VỀ NỘI DUNG "TÊN THÁNH" CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO.

Tên bằng tiếng ngoại quốc, thường là tên bằng tiếng latinh được phiên âm ra tiếng Việt, như Petrus, phiên âm thành Phêrô, Paulus, phiên âm thành Phaolô, Dominicus, thành Đa Minh... là tên của các vị thánh, tức những Kitô hữu đã qua đời và được Giáo hội chính thức và công khai nhìn nhận là đã có một cuộc đời thánh thiện, gương mẫu, được chọn để làm vị thánh quan thầy hay bảo trợ cho người mới chịu phép rửa tội để gia nhập Kitô giáo. Vì Công giáo mới được truyền vào Việt Nam từ đầu thế kỷ XVII và người Công giáo Việt Nam sớm nhất được phong thánh là vào năm 1986, do đó các vị thánh được chọn để làm thánh quan thầy hay bảo trợ cho tới gần đây, chủ yếu là các vị thánh ở phương Tây như Italia, Pháp, Đức, Anh hay các thánh Tông đồ vốn là người Do Thái như Phaolô, Phêrô...

Từ ngày giáo hội Công giáo Việt Nam có các vị thánh của mình, ngày càng có nhiều người Công giáo Việt Nam muốn lấy tên các vị thánh này làm tên thánh. Tuy nhiên không phải không có những bất tiện, chẳng hạn một vị thánh Việt Nam tên Nguyễn Văn X được chọn làm thánh bảo trợ cho một người có tên là Trần Văn Z, như vậy tên đầy đủ của người này trong sổ sách đạo phải là Nguyễn Văn X Trần Văn Z. Như vậy sẽ rất dài dòng. Có người đề

nghị giải quyết điều bất tiện này bằng cách ghép tên và tên thánh của vị thánh ấy làm tên thánh của người được bảo trợ, chẳng hạn, Simon X (tên thánh và tên gọi của vị thánh Việt Nam) Trần Văn Z (người được bảo trợ)... Giải pháp này chẳng những không giải quyết được mà còn làm cho vấn đề trở nên phức tạp hơn. Hiện nay, giáo hội Công giáo Việt Nam nói chung xem ra chưa có một giải pháp thỏa đáng, hợp lý và nhất là tiện lợi cho vấn đề này.



068

TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI CÔNG GIÁO, KHI CÓ NGƯỜI ĐAU NẶNG, THƯỜNG MỜI LINH MỤC TỚI ĐỂ LÀM GÌ?

Trong gia đình người Công giáo có người đau nặng, người nhà thường cho mời Linh mục tới cử hành nghi lễ Xức dầu bệnh nhân. Dầu vốn là một biểu tượng có nhiều ý nghĩa khác nhau, được sử dụng ngoài nghi lễ cũng như trong nghi lễ của nhiều tôn giáo của người Ấn Độ, Hy Lạp và Roma... Trong Kitô giáo, xức dầu chỉ việc dùng dầu đã được làm phép để xức trên một người hay một đồ vật, một việc làm có tính cách nghi lễ, nhằm tách người hay đồ vật này khỏi lãnh vực phàm tục để tiến dâng cho Thiên chúa hay dùng vào việc tế tự. *Tin mừng* theo Marcô (Mc 6, 13) còn cho thấy người ta dùng việc xức dầu như một cách thức chữa bệnh. Giáo hội từ buổi đầu đã sử dụng việc xức dầu trong các nghi lễ tôn giáo trong đó có nghi lễ Xức dầu bệnh nhân. Công giáo tin rằng Đức Kitô đã ban cho các tông đồ quyền ban cho các bệnh nhân, qua dấu chỉ của việc xức dầu, sự nâng đỡ tinh thần, hay an ủi thể xác bằng cách gắn họ chặt chẽ hơn với tình yêu thương Đức Kitô đã bày tỏ qua cuộc Thương khó, cái chết và phục sinh của Người. Bản thân Đức Giêsu đã trải qua những gì mọi kẻ bệnh tật và hấp hối đã trải qua. Người đã cảm nhận được sự đơn độc của kẻ đang phải đối diện với cái chết.

Các giáo hội Tin lành và Anh giáo tin rằng giáo hội cần phải đặc biệt giúp đỡ về mặt tinh thần các bệnh nhân đang phải đối đầu với cái chết, tuy không tin rằng Đức Kitô đã thiết lập việc giúp đỡ này thành một nghi lễ.

Trong giáo hội Công giáo, người ban phép xức dầu bệnh nhân phải là Giám mục hay Linh mục. Dầu được sử dụng trong phép Xức dầu thường là dầu ôliu hay dầu thảo mộc và phải được Giám mục làm phép thường là vào ngày thứ Năm tuần thánh. Dầu được xức bằng tay. Mọi tín hữu mắc bệnh nặng đều có thể xin chịu phép xức dầu bệnh nhân. Một tín hữu có thể nhận phép xức dầu này nhiều lần trong đời, mỗi khi lâm bệnh nặng, hay trước khi lên bàn mổ, khi già cả đau yếu... Bình thường, phép xức dầu bệnh nhân được cử hành chung với việc giải tội và cho rước Mình Thánh Chúa. Sau khi xức dầu trên trán và hai tay bệnh nhân, người chủ sự đọc lời nguyện sau "Lạy Đấng Cứu Chuộc chúng con, xin dùng ơn Chúa Thánh Thần mà chữa lành những đau đớn của người anh (chị) em chúng con đây, xin cũng hàn gắn những thương tích và thứ tha tội lỗi, xin làm tiêu tan mọi đau khổ xác hồn, và xin thương hoàn lại sức khỏe dồi dào trong ngoài cho người anh (chị) em này, để khi đã bình phục nhờ lượng từ bi Chúa, người anh (chị) em này lại có thể chu toàn nghĩa vụ như trước...".



069

TÍN ĐỒ CÔNG GIÁO TẠI THÀNH PHỐ TỔ CHỨC ĐÁM TANG NGƯỜI QUÁ CỐ CỦA MÌNH RA SAO?

Giáo hội Công giáo có nghi lễ diễn tả và tạo sự hiệp thông sống động giữa người sống và người đã qua đời trong cộng đoàn, đồng thời bày tỏ niềm tin của Kitô giáo về sự sống sau cái chết. Nghi lễ được gọi là lễ an táng này có thể được cử hành tại nhà tang, tại nhà thờ và tại nghĩa trang. Lễ an táng có thể được cử hành với các hình thức khác nhau "theo các phong tục địa phương, theo văn hóa và lòng đạo đức" (*Giáo lý Hội thánh Công giáo*, 1686), nhưng phải duy trì ba phần chủ yếu sau: 1. Đón tiếp: chủ sự đón tiếp thân nhân người quá cố và cộng đoàn tập họp xung quanh người quá cố với lời an ủi, chia sẻ niềm đau buồn tự nhiên trước cái chết của người thân nhưng cũng gợi lên niềm hy vọng ở sống lại. 2. Đọc một số đoạn Kinh thánh "trình bày mầu nhiệm sự chết dưới ánh sáng Đức Kitô phục sinh" (*Giáo lý Hội thánh Công giáo*, 1688). 3. Cử hành Thánh lễ bày tỏ sự hiệp thông hữu hiệu của giáo hội với người quá cố, bằng lời cầu nguyện, dâng lễ và rước lễ.

Ngoài ra, còn có nghi thức từ biệt. Truyền thống phương Đông diễn tả ý nghĩa của sự từ biệt người quá cố này như sau "Bằng lời chào cuối cùng này, chúng tôi hát tiễn người ra đi khỏi cuộc đời này và hát bài chia ly, cũng là bài hiệp

thông và tái ngộ. Đúng vậy, cái chết không hề chia lìa chúng tôi, vì tất cả chúng tôi đang đi cùng một đường và sẽ gặp lại nhau ở cùng một nơi. Chúng tôi sẽ không bao giờ bị chia cách, vì đang sống cho Đức Kitô và giờ này đang được kết hợp với Người, đang đi gặp Người... Tất cả chúng tôi sẽ đoàn tụ trong Đức Kitô" (*Giáo lý Hội thánh Công giáo*, 1690).



070

NGƯỜI CÔNG GIÁO CÓ LÀM LỄ GIỖ NGƯỜI TRONG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ HAY KHÔNG?

Việc tưởng nhớ tới những người thân yêu trong gia đình đã qua đời là một việc đã có từ xa xưa trong giáo hội Công giáo. Trước hết, trong giáo hội Công giáo có lễ gọi là lễ Mồ cầu cho người quá cố được cử hành vào ngày thứ 30 sau khi chết hay an táng. Tục lệ này gợi lại việc kết thúc ba mươi ngày than khóc người quá cố theo thói quen của người Hy Lạp và người Do Thái. Tại Việt Nam nói chung và tại thành phố hiện nay, người Công giáo có thói quen xin lễ cầu nguyện cho linh hồn người thân vào các dịp ba ngày (lễ tuần ba), bảy ngày (lễ tuần bảy), bốn mươi chín ngày, lễ giỗ đầu (một năm), lễ giỗ đoạn tang (ba năm). Vào các dịp này, họ hàng thân thích, bạn bè thường được mời tới nhà thờ để dâng thánh lễ và tới gia đình để cùng đọc kinh cầu cho người đã quá cố.

Như vậy, người Công giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh tuân giữ các bổn phận đối với người quá cố trong gia đình như đông đảo người Việt Nam khác. Tuy nhiên, họ đã thực hiện bổn phận này theo cách của họ, theo lòng tin của người Công giáo là cùng họp nhau cử hành một nghi lễ tôn giáo cầu xin Thiên chúa ban hạnh phúc cho người thân yêu của họ đã quá cố.



071

CÔNG GIÁO VIỆT NAM ĐƯỢC GIÁO HOÀNG CHO PHÉP LẬP BÀN THỜ TỔ TIÊN TỪ KHI NÀO?

Công giáo vốn là một tôn giáo độc thần, chỉ chấp nhận tôn thờ một Thiên chúa mà thôi, do đó, khi được truyền sang châu Á, đã gặp nhiều khó khăn khi phải tiếp xúc với một nền văn hóa có nhiều biểu hiện được coi là có tính cách tôn giáo và tín ngưỡng đi ngược lại với chủ trương độc thần của Công giáo. Trong một thời kỳ dài, người Công giáo tại các nước châu Á đã không được phép tham gia các nghi lễ hay có những cử chỉ bày tỏ một tín ngưỡng đối với những người đã khuất giống như chấp nhận những vị thần khác ngoài Thiên chúa.

Nhưng sự việc đã dần dần thay đổi. Vào những năm cuối thế chiến thứ hai, chính quyền Trung Hoa ra lệnh trong tất cả các trường học, các học sinh, bất luận thuộc tôn giáo nào, đều phải cúi đầu trước bài vị của Khổng Tử. Giám mục Gaspais, Giám quản tông tòa Kirm (Mãn Châu), thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris, được chính quyền Trung Hoa trả lời vào ngày 5. 3. 1935 là các nghi thức này không có tính cách tôn giáo và việc cúi đầu chào trước bài vị của Khổng Tử chỉ là một cử chỉ bày tỏ lòng tôn kính đối với một hiền nhân. Ngày 28. 5. 1936, Roma cho phép người Công giáo tại Mãn Châu được bày tỏ lòng tôn kính đối với Khổng Tử theo các nghi thức được quy định.

Cũng vào năm này, Roma cho phép người Công giáo Nhật Bản được dự các nghi lễ nhà nước tổ chức để cổ vũ lòng yêu nước, sự trung thành với hoàng gia và các ân nhân của dân tộc, được phép tham dự các nghi lễ tang, cưới, các nghi lễ theo phong tục của Nhật Bản, tuy trước kia có một nguồn gốc tôn giáo, nhưng nay vì hoàn cảnh địa phương và theo dư luận chung, chỉ còn có ý nghĩa xã giao và tương thân tương ái.

Ngày 2. 10. 1964, Roma ra quyết định cho phép các tín đồ Công giáo Việt Nam áp dụng huấn dụ "Plane compertum est" được ban bố ngày 8. 12. 1939 cho phép giáo hội Công giáo Trung Hoa và Nhật Bản được thờ cúng tổ tiên. Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam giải thích sự kiện này như sau "Nay đến giờ mà trình độ hiểu biết của con người đã cho phép lịch trình tiến hóa cũng như giao tiếp của thế giới hiện nay đã giúp cho mọi người nhận định và phân biệt được bao vấn đề khúc mắc giữa các phạm vi thế trần và siêu nhiên, dị đoan và tín ngưỡng, tôn kính và thờ phượng, thì như Cựu ước nhường chỗ cho Tân ước, công việc tôn kính tổ tiên và các bậc thánh hiền mà tới đây Tòa thánh còn đợi cho giáo dân Việt Nam được chuẩn bị dần dần, hiện nay với các ơn Chúa Thánh Thần, lại phù hợp với tinh thần nhập thể của Công đồng Vatican 2 đồng thời tin rằng Giáo hữu Việt Nam đã tới mức trưởng thành, ngày 2. 10. 1964, ngày trọng đại, Tòa thánh đã phê chuẩn lời thỉnh cầu của hàng Giáo phẩm Việt Nam, xin cho được áp dụng ở Việt Nam, huấn dụ "Plane compertum est" mà Thánh bộ Truyền giáo đã ban cho các Đấng Bản quyền Trung Hoa 25 năm trước đây..". (Trích Thư chung của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, ngày 15. 10. 1964).



072

BÀN THỜ TỔ TIÊN TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI CÔNG GIÁO ĐƯỢC THIẾT LẬP THEO NHỮNG QUY ĐỊNH NÀO?

Bàn thờ tổ tiên trong gia đình người Công giáo tại Sài Gòn cũng như trên cả nước được thiết lập theo các quy định do các Giám mục người Việt Nam đưa ra vào ngày 14. 11. 1974. Những quy định này có mục đích giúp tránh tạo nên sự ngộ nhận hay lẫn lộn giữa việc thờ Chúa, tôn kính các thánh với việc thờ kính tổ tiên.

Các quy định này gồm:

- Bàn thờ gia tiên để kính nhớ ông bà tổ tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa trong gia đình, miễn là trên bàn thờ không bày biện vật gì biểu lộ sự mê tín dị đoan như hồn bạch.

- Việc thắp hương nến trên bàn thờ gia tiên và vái lạy trước bàn thờ là những cử chỉ, thái độ hiếu thảo, tôn kính, nên được phép làm.

- Ngày giỗ cũng là ngày ky nhật được cúng giỗ trong gia đình, theo phong tục địa phương, miễn là loại bỏ những gì là dị đoan, mê tín và giảm thiểu, canh cải những lễ vật để biểu dương đúng ý nghĩa thành kính, biết ơn ông bà, như dâng hoa trái, hương đèn...

- Trong hôn lễ, dâu rể được làm lễ tổ, lễ gia tiên trước bàn thờ, giường thờ tổ tiên, vì đó là nghi lễ tỏ lòng biết ơn, hiếu kính, trình diện với ông bà.

- Trong tang lễ, được vái lạy trước thi hài người quá cố, thắp hương vái lạy theo phong tục để tỏ lòng cung kính người đã khuất, cũng như giáo hội cho đốt nến, dâng hương, nghiêng mình trước linh cữu người quá cố.



073

NGƯỜI CÔNG GIÁO Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY THỂ HIỆN MỘT CÁCH CỤ THỂ CÁC QUY ĐỊNH CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC NÀY NHƯ THẾ NÀO?

Trong nhà người Công giáo hiện nay, người ta có thể nhìn thấy những vật dụng trước đây chỉ thấy nơi người ngoài Công giáo. Vào nhà một người Công giáo ở thành phố, dễ dàng nhận ra một bàn thờ tổ tiên. Ảnh cha, mẹ, vợ, chồng hay con cái đã quá cố trong gia đình được treo trên tường hay đặt đứng trên mặt một chiếc tủ nhỏ. Trên mặt tủ có bày một bát hương ở giữa, hai bên có hai chân nến, một chiếc đèn dầu nhỏ, một bình hoa, một đĩa trái cây. Bát hương và chân nến có thể bằng đồng hay sành. Bát hương có thể được thay bằng một cái lư hương.

Bàn thờ tổ tiên cũng có thể riêng biệt với bàn thờ Chúa. Chẳng hạn, bàn thờ Chúa đặt ở gian giữa còn bàn thờ tổ tiên đặt ở gian bên. Có gia đình kết hợp hai bàn thờ làm một. Trong trường hợp này, tượng hay ảnh Chúa được đặt hay treo ở chỗ cao nhất, kế đó mới là ảnh của người quá cố trong gia đình và các vật dụng thờ cúng.

Bàn thờ tổ tiên trong gia đình người Công giáo không phải chỉ lập ra vào những lúc có cưới hỏi, đám ma, đám giỗ mà được để thường xuyên. Người Công giáo hiện nay cũng có đĩa trái cây đặt trên bàn thờ tổ tiên trong gia đình hay khi thăm mộ, nhiều gia đình mang theo trái cây ra cúng.

Tại Việt Nam, sau khi chôn cất người thân trong gia đình được ba ngày, cũng có thể ngay sau khi chôn, gia đình thường cùng nhau ra mộ cử hành một nghi lễ gọi là mở cửa mả. Người Công giáo cũng trở lại mộ sau ba ngày. Hiện tượng này đã trở thành phổ biến. Nhưng việc làm ở mộ lại không giống nhau. Thông thường, người thân và họ hàng của người quá cố tụ tập quanh mộ, thắp hương nến, dâng hoa quả, đọc kinh cầu cho linh hồn người quá cố. Người chủ gia đình có thể nói mấy lời từ biệt người nằm trong mộ...

Ngoài ra người Công giáo cũng giữ lệ "49 ngày" sau khi người trong gia đình mất. Vào dịp này, gia đình thường xin lễ tại nhà thờ, mời tất cả họ hàng thân thích tới dự lễ cầu cho linh hồn người quá cố. Lễ xong, mọi người được mời về gia đình dùng cơm. Lệ 49 ngày này không phải của người Công giáo, nhưng họ Công giáo đã lồng vào đó một ý nghĩa riêng. Lễ giỗ giáp năm cũng được tổ chức trọng thể. Gia đình xin một thánh lễ cầu cho linh hồn người quá cố, mời họ hàng, thân thích và nhiều khi có tổ chức bữa ăn.

Hiện nay người Công giáo Việt Nam đã dùng hương một cách phổ biến. Khi tới viếng xác, dù người quá cố là tín đồ Công giáo hay không cũng thắp một cây hương rồi vái lạy. Tới một gia đình dù là tín đồ Công giáo hay không nhưng có người thân mới qua đời, người Công giáo cũng tới trước bàn thờ hay di ảnh của người quá cố thắp hương. Cử chỉ này đã trở thành một nét văn hóa của người Việt Nam. Người Công giáo cũng dùng hương làm của lễ dâng cho nhà thờ vào một số dịp lễ tết.

Đôi khi trong đám tang người Công giáo, người ta cũng thấy có lệ đập một cái đĩa hay bát hương liền sau khi động quan. Không mấy người Công giáo hiểu được ý nghĩa của việc làm này. Thường thì không phải người Công giáo đập,

mà là một người không Công giáo nhưng là chỗ thân tín hay bạn làm ăn với gia đình tự ý làm và gia đình người quá cố cũng không phản đối, còn người làm cũng không lưu ý tới việc người Công giáo có nghi lễ này hay không. Rõ ràng là các quan hệ xã hội đã tác động tới một số nghi lễ Công giáo.



074

TẠI SAO NGƯỜI CÔNG GIÁO LẠI LÀM DẤU THÁNH GIÁ TRƯỚC KHI LÀM MỘT VIỆC GÌ ĐÓ?

Làm dấu thánh giá là một trong những cử chỉ căn bản nhất của việc cầu nguyện trong Kitô giáo. Người làm dấu thánh giá đặt đầu mấy ngón tay của bàn tay mặt lên trán, rồi xuống ngực, rồi hai bên vai (tại phương Tây, vai trái trước, vai phải sau, trong khi đó, tại phương Đông, vai phải trước, vai trái sau), cuối cùng, hai tay chắp lại trước ngực. Người ta cũng dùng đầu ngón tay cái của bàn tay mặt vẽ hình chữ thập trên trán, trên miệng và trên ngực.

Dấu thánh giá gợi đến cái chết và sống lại của Đức Kitô. Đây là dấu của Chúa. Từ giữa thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, các tác giả Kitô giáo đã xác nhận việc dùng "dấu của Chúa", một phần để "thánh hóa" các hành vi thường nhật, một phần để tự khuyến khích mình chống trả cám dỗ và thử thách, và một phần như ám hiệu để nhận ra nhau trong những thời kỳ bị bách hại. Người Công giáo tại thành phố hiện nay vẫn làm dấu thánh giá trước khi làm một việc gì, như khi bước vào nhà thờ hay từ nhà thờ bước ra, khi thức dậy bắt đầu một ngày mới, và thường xuyên hơn, trước khi đi ngủ, trước và sau khi dùng bữa, trước giờ học, giờ làm bài thi...

Việc làm dấu này không có ý nghĩa ỷ lại vào ơn trên. Cầu thủ làm dấu nhưng vẫn ý thức mình phải nỗ lực hết

sức mình. Người tài xế Công giáo làm dấu khi cầm vô-lăng vẫn phải để tâm, để trí vào việc lái xe. Việc làm dấu thánh giá này là một cách nhắc nhở về niềm tin của mình và bổn phận sống và làm việc sao cho phù hợp với lòng tin ấy. Việc làm dấu này nhiều khi chỉ còn là thói quen đối với một số người Công giáo. Nhưng vì là thói quen, nên nó cũng là một dấu hiệu đối với người khác.



075

XIN CHO BIẾT VỀ CÁC SINH HOẠT VĂN NGHỆ TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO Ở THÀNH PHỐ.

Cũng như ở mọi nơi, tín đồ Công giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh có tính cộng đồng cao. Tính cộng đồng này được thể hiện đặc biệt qua các sinh hoạt tôn giáo. Trong các buổi sinh hoạt chung này, người tham dự không chỉ đọc kinh, nghe đọc sách hay nghe giảng dạy, mà còn cùng nhau hát các bài ca của cộng đoàn. Có thể nói, hầu như không có cuộc tập họp chính thức nào có tính cách tôn giáo của người Công giáo mà lại không có hát. Người Công giáo từ lâu đã xác tín "Hát là cầu nguyện hai lần". Do đó, âm nhạc được đặc biệt chú trọng trong các cộng đoàn cử hành các nghi lễ. Trong tổ chức của các họ đạo, luôn có bộ phận phụ trách việc tập hát và tổ chức hát trong các nghi lễ, tập họp người làm thành các ca đoàn để đảm nhiệm việc đàn và hát này.

Ngoài ra từ những thập niên đầu thế kỷ XX, các tín đồ Công giáo tại Sài Gòn và Nam Bộ đã có thể xem "phim đạo tại nhà: *Cuộc đời Chúa Giêsu* như báo *Nam Kỳ địa phận* năm1929 cho biết qua mục quảng cáo. Dĩ nhiên, đây không phải là phim video, và cũng không phải gia đình nào cũng có thể xem phim đạo tại nhà.

Nhưng việc nghe nhạc đạo thì có thể là phổ biến hơn. Cũng dựa vào mục quảng cáo trên báo *Nam Kỳ địa phận*

này, người ta biết được là vào những thập niên đầu của thế kỷ XX này, một số đĩa nhạc đạo bằng tiếng Việt và do ca đoàn của họ đạo hát, đã được phát hành vào các dịp lễ khác nhau trong năm "Tới dịp lễ Sinh Nhật! Dĩa Diển Khí của hiệu Odéon ca ngợi Đức Bà và Đức Chúa Giêsu (Đức Cha cho phép) của bọn đồng nhi nữ ở Hạnh Thông Tây hát, rất thanh tao! Rõ ràng! và lớn tiếng. Bán sỉ và bán lẻ tại hãng..". Hay một đĩa hát khác, hiệu Beka "Chị em ơi, hãy mua những dĩa hát kinh hiệu Beka mà hát cho trẻ em nó nghe, vì dĩa này ca hát kinh ngày lễ rất rõ ràng êm tai vừa ý mọi người. Hãy viết thư hỏi mục lục tại hãng Sté Indochinoise d'importation".

Đây là một truyền thống khá lâu dài và bền bỉ của người Công giáo tại thành phố. Các đĩa phim video, đĩa nhạc và băng nhạc có chủ đề đạo được bày bán càng ngày càng nhiều tại các cửa hàng sách đạo. Phim ảnh và băng, đĩa nhạc này được sử dụng càng ngày càng rộng rãi trong gia đình người Công giáo ở thành phố vì các phương tiện nghe nhìn không còn là một thứ xa xỉ đối với người dân thành phố nữa.



076

TẠI SAO LOẠI NHẠC "HỢP XƯỚNG" LẠI PHỔ BIẾN TẠI CÁC XỨ ĐẠO Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY?

Hát chiếm một vị trí rất quan trọng trong việc cử hành nghi lễ tôn giáo trong các cộng đồng Công giáo không chỉ tại Việt Nam mà trên cả thế giới. Trong lịch các ngày lễ của Kitô giáo, có những ngày lễ được mừng một cách rất trọng thể, như lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh... Đề tài của các ngày lễ này đã là nguồn cảm hứng cho các nhạc sĩ Kitô giáo sáng tác ra các tác phẩm bất hủ, được truyền rộng rãi trong không gian và thời gian. Một trong những thể loại âm nhạc được các nhạc sĩ đặc biệt chú trọng là loại nhạc "hợp xướng", hát nhiều bè. Khởi đầu, các bài hợp xướng thường được sáng tác bằng tiếng latinh. Được biết, trong Công giáo, các nghi lễ đều được cử hành bằng tiếng latinh, mãi cho tới những năm 60 của thế kỷ XX (thời Công đồng chung Vatican 2) mới được thay thế bằng tiếng bản xứ.

Hầu như tất cả các giáo xứ ở thành phố đều có ít nhất là một ca đoàn, nếu không nói là ba, bốn ca đoàn, để phục vụ việc xướng hát trong các nghi lễ tôn giáo tại nhà thờ của giáo xứ, vào các giờ lễ khác nhau, hay tại nhà nguyện các xóm đạo. Các thành viên của các ca đoàn không phải là những ca sĩ chuyên nghiệp mà là những giáo dân có thiện chí, chịu khó bỏ giờ để tập dượt. Một tuần, họ phải

bỏ hai, ba tối để tập hát, nhất là vào dịp lễ trọng. Vì chịu khó bỏ nhiều giờ tập luyện, các ca đoàn đã có thể hát những bài hát phức hợp, được viết thành nhiều bè... Trong Công giáo, đã có nhiều Linh mục được cử đi học nhạc ở nước ngoài vì tầm quan trọng của việc hát trong nghi lễ Công giáo. Không ít các nhạc sĩ này đã theo học ngành hòa âm, như nhạc sĩ Tiến Dũng, Hải Linh, Kim Long... Vào các ngày lễ trọng, các ca đoàn cũng có những bài hát được trình bày một cách đặc biệt để tạo nên bầu khí của ngày lễ.

Hát "hợp xướng" đã trở thành một sinh hoạt văn hóa quen thuộc của các họ đạo.



077

CÓ THỂ XEM VIỆC HÁT HỢP XƯỚNG NÀY LÀ MỘT ĐÓNG GÓP CỦA CÔNG GIÁO THÀNH PHỐ VÀO VIỆC PHỔ BIẾN LOẠI ÂM NHẠC NÀY HAY KHÔNG?

Có thể xem việc hát hợp xướng là một đóng góp của Công giáo thành phố vào việc phổ biến loại âm nhạc này. Loại nhạc này thực ra đã không chỉ được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo tại nhà thờ mà thôi mà còn được trình diễn trong những buổi trình diễn văn nghệ không mang màu sắc tôn giáo. Các bài hợp xướng được các các ca đoàn thuộc các giáo xứ được trình bày trong các buổi văn nghệ này không chỉ là các bài thánh ca mà còn là những bài được sáng tác hay hòa âm để trình diễn trong các buổi văn nghệ ngoài khung cảnh tôn giáo. Có thể kể ra đây một số bài hợp xướng được sáng tác để sử dụng trong những dịp này: *Cung đàn bạc mệnh* của nhạc sĩ Hải Linh, dựa theo Truyện Kiều của Nguyễn Du. Bài hợp xướng này đã được các ca đoàn Hồn Nước của chính nhạc sĩ, An Phong học viện... trình bày nhiều lần tại các buổi sinh hoạt văn nghệ này. Những bản nhạc được hòa âm thành các bài hợp xướng như *Hòn vọng phu* đã được các ca đoàn thuộc các giáo xứ tại thành phố trình bày trong các buổi liên hoan hợp xướng được tổ chức hầu như hàng năm...



078

TUỒNG VÀ DIỄN TUỒNG CÔNG GIÁO Ở SÀI GÒN - THÀNH PHỐ ĐƯỢC TỔ CHỨC RA SAO?

Vào những thập niên đầu của thế kỷ XX, giáo phận Sài Gòn đã sử dụng tuồng Công giáo, có thể được xem như một thứ kịch nói với chủ đề Công giáo, với mục đích "giúp vui, bổ ích về mặt đạo, tránh cho tín đồ khỏi lui tới vui chơi trong những chỗ bất hạp ý Thánh giáo". Một số vở đã được soạn và đã trở thành quen thuộc đối với giáo dân tại các họ đạo ở thành phố và vùng phụ cận như các vở *Thương khó*, *Các thánh trẻ Vitô*, *Eutakioạ*, *Thánh Minh*, *Giuse*, *Sinh nhật Chúa Giêsu*, *Gioan Baotixita*, *Nghĩa Chúa ơn vua*, *Mối hận vô tâm*, *Anh Tuấn*, *Sébastien tử đạo*, *Thánh Alêxù tu hành hãm xác*...

Song song với việc soạn các vở tuồng, một số giáo xứ đã thành lập các ban diễn tuồng như ban Đức Hoàng Hội, (ban này thường diễn tại các họ đạo Gia Định, Tân Định, Bà Rịa, Cầu Kho), ban Thiện Hòa Anh ở Tân Định, ban Công Thanh Ban... Mỗi ban thường có một số vở riêng. Năm 1923, phong trào diễn tuồng nổi lên một cách sôi động khi Linh mục J. B. Tòng, sau được phong Giám mục, tái diễn tuồng *Thương khó* tại Bà Rịa và Tân Định.



079

TUỒNG *THƯƠNG KHÓ* ĐƯỢC SÁNG TÁC VÀ TRÌNH DIỄN TẠI SÀI GÒN NHÂN DỊP NÀO?

Tuồng *Thương khó* là một trong những vở tuồng "đạo" được sáng tác và được trình diễn đầu tiên trong giới Công giáo tại Sài Gòn. Vở tuồng này do Linh mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng, khi ấy là thư ký của tòa Giám mục Sài Gòn, bắt đầu soạn từ năm 1911, dựa theo sách *Gẫm sự Thương khó Chúa Giêsu Kitô*, đã được trình diễn tại Oberammergau (Đức) và Nancy (Pháp). Vở tuồng *Thương khó* bằng tiếng Việt do Linh mục Nguyễn Bá Tòng soạn, diễn lại những ngày giờ cuối cùng của cuộc đời Chúa Giêsu, đã được nhà in Tân Định in năm 1912.

Tuồng *Thương khó*, với gần 50 vai diễn, không kể dân chúng, đã được trình diễn đầu tiên tại Sài Gòn, tháng 4. 1913, nhân dịp kỷ niệm 50 thành lập Chủng viện Sài Gòn. Vào dịp này, tuồng đã được trình diễn năm lần tất cả, mỗi lần phục vụ một đối tượng khán giả riêng. Chi phí cho các buổi trình diễn là do đóng góp và bán vé vào cửa.

Được bổ nhiệm làm chánh xứ Bà Rịa, năm 1917, Linh mục Nguyễn Bá Tòng đã cho cất nhà hát sau nhà Linh mục chánh xứ, đồng thời tập họp các vai diễn. Tên tuổi của Linh mục Nguyễn Bá Tòng tại Bà Rịa đã được gắn liền với tuồng *Thương khó* được trình diễn tại đây và đã gây ấn tượng nơi các tín hữu trong họ đạo.

Tuồng *Thương khó* còn được trình diễn hai lần nữa tại Sài Gòn, các ngày 17 và 20. 2. 1924, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Nhà in Tân Định được thiết lập, tại sân nhà thờ Tân Định. Mười năm sau, tức vào năm 1934, tuồng *Thương khó* đã được trình diễn tại Nhà hát lớn Hà Nội vào hai ngày 9 và 10 tháng 2, nhân dịp Linh mục Nguyễn Bá Tòng được cử làm Giám mục giáo phận Phát Diệm. Tuồng này còn được trình diễn vào các ngày 9 và 10. 1. 1943 tại Sài Gòn.



080

XIN CHO BIẾT VỀ CÁC TỜ BÁO CÔNG GIÁO Ở SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỚC NAY.

Có thể nói hoạt động báo chí là một trong những hoạt động khá nổi bật của người Công giáo tại Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiều tờ báo Công giáo đã được xuất bản tại Sài Gòn ngay từ thập niên đầu của thế kỷ XX. Có thể kể ra đây một số tờ báo như *Nam Kỳ địa phận* ra đời vào năm 1908 và tồn tại trên 30 năm, *Công giáo đồng thanh* (La voix commune des missions Catholiques). Từ 1927 đến 1930 có tuần báo *Công giáo tiến hành*, do Đoàn Công Chánh phụ trách, Nhà in Tân Định. Từ 1936 đến 1938 có tờ *Con chiên*, tuần báo, do Nguyễn Văn Bền phụ trách, có tính cách truyền giáo, năm 1941 có tờ *Thái hòa*, nguyệt san, do Phan Huy Đức phụ trách, là một tờ báo văn hóa Công giáo, năm 1946 có tờ *Nhà thờ Đức Bà*, nguyệt san, do Seminel phụ trách. Từ 1948 đến 1949, có tờ *Tông đồ*, bán nguyệt san, do Paulus Bình, Carolo Nhơn phụ trách, làm nhiệm vụ truyền bá Phúc âm. Từ 1948 đến 1961 có tờ *Đường sống*, Tuần báo do Linh mục Võ Thanh phụ trách. Từ 1954 đến 1957 có tờ *Sao Việt*, nguyệt san, do Bách Huyền phụ trách. Từ 1955 đến 1956 có tờ *Thông cảm*, nguyệt san của Liên đoàn Sinh viên Công giáo. Từ 1956 đến 1962 có tờ *Việt tiến*, nguyệt san, do Linh mục Thanh Lãng phụ trách. Từ 1958 đến 1959 có tờ *Thanh Trúc*,

nguyệt san, do Nguyễn Hữu Tấn phụ trách. Từ 1959 đến 1960 có tờ *Thẳng tiến*, tuần báo, do Linh mục Phan Văn Thăm phụ trách. Từ 1957 đến 1972 có tờ *Trái tim Đức Mẹ*, nguyệt san, do Linh mục Minh Đăng dòng Đồng Công phụ trách. Từ 1960 đến 1963 có tờ *Trách nhiệm*, tuần báo, do Linh mục Thanh Lãng và ông Lê Thành Trị phụ trách. Năm 1960 có tờ *Đắc Lộ*, đặc san của Câu lạc bộ Sinh viên Đắc Lộ. Từ 1961 đến 1962 có tờ *Legio Mariae*, nguyệt san, do Linh mục Phạm Văn Thiên phụ trách. Từ 1961 đến 1964 có tờ *Tinh thần*, nguyệt san của Nha Tuyên úy Công giáo. Từ 1962 đến 1973 có tờ *Tin vui*, nguyệt san, do Linh mục Hoàng Trọng Tiến dòng Phanxicô phụ trách. Từ 1963 đến 1964 có tờ *Phụng vụ*, tạp chí của Ủy ban Thánh nhạc giáo phận Sài Gòn. Từ 1970 đến 1974 có tờ *Xây dựng*, nhật báo, do Linh mục Nguyễn Quang Lãm phụ trách. Từ 1964 đến 1973 có tờ *Hòa bình*, nhật báo, do Linh mục Trần Du phụ trách. Từ 1972 đến 1973 có tờ *Thẳng tiến*, nhật báo, do Linh mục Phan Văn Thăm phụ trách. Từ 1972 đến 1973 có các tờ *Hành trình* và *Đối diện, Tin mừng hôm nay, Công giáo và Dân tộc...*



081

NAM KỲ ĐỊA PHẬN ĐƯỢC XUẤT BẢN TỪ NĂM NÀO, GỒM NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU NÀO?

Nam Kỳ địa phận là tuần báo Công giáo, phát hành tại Sài Gòn vào ngày thứ năm hàng tuần, khởi đầu, do Linh mục J.B. Hướng phụ trách. Báo in tại nhà in Imprimerie de la Mission (Nhà in Tân Định), tồn tại được 37 năm. Số đầu tiên đề ngày 26. 11. 1908, số cuối cùng là số 149, đề ngày 1. 3. 1945. Số đầu năm 1945, đề ngày 1. 1. 1945 thông báo: báo sẽ xuất bản một tháng hai kỳ vào 1 và 15.

Đây có thể được coi là một trong số những tờ báo bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của Sài Gòn. Số đầu tiên đề ngày 26 Novembre (tháng 11) và "3 tháng 11 năm Mậu thân". Lúc này thì tại Nam Kỳ, ngày tháng bằng tiếng Pháp cũng như ngày âm lịch vẫn còn được thông dụng nơi đông đảo người dân, nên các số báo đều có ghi tháng bằng tiếng Pháp kèm theo ngày tháng âm lịch. Bìa tờ báo còn có ghi mấy từ tiếng Pháp "Semaine Religieuse", có thể được dịch là tuần tôn giáo hay một cách rộng hơn thời sự tôn giáo trong tuần. Đôi khi tờ báo đăng cả bài viết bằng tiếng Pháp, đặc biệt là thư hay thông báo của Giám mục. Trong số độc giả của *Nam Kỳ địa phận* hẳn có cả người Pháp, ít là thừa sai người Pháp.

Giá báo được đề ngay nơi bìa một "Mua trót 12 tháng là 3$00, từng số là 0$06". Mỗi số báo có 16 trang không

kể các trang được ghi là supplément du N.K.Đ.P. (phụ trang), có khi tới sáu hay tám trang để đăng quảng cáo hay "lời rao cần kíp" của báo. Số trang được đánh liên tục cho tới hết năm báo. Trang đầu của số đầu năm 1908 được ghi số 1 và trang cuối của số cuối năm này được đánh số 935. Khổ bát chữ trung bình là 10 x 20. Sau mỗi năm, báo lại có in mục lục các mục được đề cập đến trong các số báo của cả năm, rất tiện cho việc tra cứu hay theo dõi một loạt bài. Trong mục lục của năm thứ nhất, người ta đếm được cả thảy 15 mục.

Báo chủ yếu được bán cho độc giả dài hạn. *Nam Kỳ địa phận* có khoảng 2.000 độc giả. Cách tiếp thị của tờ báo xem ra cũng khá độc đáo và hiện đại. Tòa báo gửi không hai số báo đầu tiên cho "người ta xem thử. Ai đồng ý thì đem 3$ đến gửi cha sở mua giùm. Nếu không tới cha Sở thì gửi thẳng về báo mandat". Như trên đã nói, ba đồng là tiền báo của cả năm. Giá mỗi số là 0$06. Giá báo này được giữ nguyên cho tới năm 1943, nghĩa là trong suốt 35 năm báo. Cuối năm 1943, báo thông báo tăng giá báo lên 5$ một năm hay 3$/sáu tháng. Giá mỗi số là 15 xu. Trong mục "Kính cáo độc giả", tờ báo cắt nghĩa lý do của việc tăng giá báo này "Vì tình thế hiện thời, vật liệu và giấy mực mỗi ngày mỗi khan kiệt mắt mớ quá lẻ. Dầu bổn báo đã xoay xở đủ cách cũng không phương thế nào tránh khỏi với số phận chung của các báo hiện tại. Nên bắt đầu từ 1944, báo NKĐP tăng mỗi năm: 5$00. 6 tháng: 3$00, mỗi số 15 xu. Nhà nước và ngoại quốc gấp 2"... (số 1793, tr. 652). Cũng vì tình hình khó khăn và nhất là tình trạng khan hiếm giấy này mà vào đầu năm 1945, *Nam Kỳ địa phận* bắt đầu xuất bản một tháng hai kỳ, mồng 1 và 15 mỗi tháng. Nhưng cả với các biện pháp tăng giá báo và bớt số báo, tờ báo cũng chỉ cầm cự nổi tới tháng 3 năm 1945. Số cuối cùng là số 1849, đề 1 Mars 1945 (16 tháng 1 âm lịch).

Đây là một tờ báo của địa phận. Nơi bìa báo người ta thấy có in huy hiệu của tòa Giám mục. Tờ báo cho biết *Nam Kỳ địa phận* "được kiến tạo" do Giám mục Luciano Mossard với mục đích "để cho con nhà An Nam thông phần đạo, ngoan việc đời". Một khẩu hiệu có lẽ thích hợp cho một tờ báo đạo hơn là khẩu hiệu "tốt đời đẹp đạo". Chủ đích của tờ báo này được thể hiện một cách cụ thể qua việc tờ báo chú trọng vào các mục Đạo lý, Phong hóa, Bá nghệ, Bác học và Văn tín. Cổ vũ việc học "Trường hay thầy giỏi". Cổ vũ phong hóa, tức việc phu tử, bạn bè, hiếu thảo, tín ngãi, nhân nghĩa. Cổ vũ cho có nghề nghiệp, biết liên kết với nhau. Điểm qua mục lục của năm thứ nhất, người ta được biết, *Nam Kỳ địa phận* đã đề cập tới 15 mục như 1. Tòa thánh, 2. Châu tri Đức Giám mục Sài Gòn, 3. Lời Thánh kinh, 4. Đạo lý, 5. Hạnh các thánh, sự tích phép lạ, những gương lành, và sự tích các cha đã qua đời, 6. Phong hóa, 7. Thương Mại, canh nông, chư nghiệp, 8. Cách nuôi súc vật, tạp chế đồ gia dụng, và những điều cần nên biết, 9. Thiên văn, bác vật, 10. Thi phú, ca tụng và bài cung tặng, 11. Tục ngữ, phương ngôn và chữ nho, 12. Thai đố, câu đáp và cửu quy, 13. Chuyện giải buồn, 14. Chư quốc tân văn, 15. Các bài thuốc. Như thế 5 mục có tính thuần đạo và 10 mục đề cập tới việc đời.



082

TƯƠNG QUAN GIỮA GIÁ BÁO *NAM KỲ ĐỊA PHẬN* VỚI GIÁ SINH HOẠT ĐƯƠNG THỜI RA SAO?

Giá bán được ghi của một số *Nam Kỳ địa phận* 0$06. Mua trọn 12 tháng báo, tức một năm báo, là 3$. Giá báo này được giữ nguyên từ khi bắt đầu xuất bản, cuối năm 1908, cho tới đầu năm 1944. Cuối năm 1943, *Nam Kỳ địa phận* thông báo "vì tình thế hiện thời, vật liệu và giấy mực mỗi ngày mỗi khan kiệt mắt mỏ quá lẽ" (số đề ngày 29. 12. 1943), nên giá báo tăng gấp đôi: một năm báo: 5$, 6 tháng báo: 3$, mỗi số 15 xu. Nhà nước và ngoại quốc: giá gấp đôi.

Đồng thời, hầu như mỗi số, và trong suốt mấy chục năm báo, tờ báo đều thông tin cho độc giả về giá lúa "được chở tới cân tại nhà máy Chợ Lớn, một tạ (68 kilô), hôm nay là 2$93 chiêm". Giá ấy có thay đổi vào thời điểm báo được in. *Nam Kỳ địa phận* số 4, giá ấy là 2$48 chiêm. Số 5, cùng giá. Số 6, giá là 2$52 chiêm. Số 7, giá là 2$35 chiêm. Số 8, giá là 2$28 chiêm. Số 9, giá là 2$25 chiêm. Số 10, giá là 2$20 chiêm... Số tháng giêng năm 1945, giá một tạ gạo (68kilô), gạo số một, tức gồm 25% tấm, là 7$, gạo số 2 là 6$73 chiêm, gạo số 3 là 6$52 chiêm và lúa để súc vật ăn là 6$42, vân vân. Với những thông tin thường xuyên về giá lúa như thấy trên đây, cộng với những thông tin rải rác về giá cả khác như giá một cuốn sách đạo, đóng bìa là 0$80, không đóng bìa là 0$60, một cuốn sách đạo khác có

đóng bìa, giá 0$60 và không đóng bìa, giá chỉ 0$40, tiền phạt người lãnh thơ không có cò là 8 chiêm, tiền công tại đất Sài Gòn (năm 1908) mỗi ngày vô ít là năm cắt sắp lên, một tháng 15 đồng cầm bỏ, song nghỉ thử vài tuần thì đã có thấy tạm quơ". (*Nam Kỳ địa phận*, năm 1908).

Với những thông tin này về giá cả lượm lặt trên chính tờ *Nam Kỳ địa phận*, độc giả hiện nay có thể dễ dàng so sánh giá báo với giá sinh hoạt đương thời và cũng có thể so sánh với giá báo của chúng ta hiện nay.



083

SỐNG ĐẠO XUẤT BẢN TẠI SÀI GÒN VÀO THỜI ĐIỂM NÀO?

Sống đạo là một tờ tuần báo thông tin nghị luận Công giáo, xuất bản tại Sài Gòn, "do các ông Nguyễn Đức Phong, Nguyễn Đình Đầu điều hành... với sự cộng tác của các Linh mục Trương Bá Cần, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Viết Thọ và của các ông Trần Văn Toàn, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung...

Tờ báo xuất bản không liên tục. Số ra mắt đề ngày 24. 6. 1962 nhưng tới số 83 đề ngày 19. 1. 1964 thì tuyên bố tạm đình bản vì lý do "tài chánh suy sụp" và cũng vì "tình thế biến đổi, tâm hồn tín hữu... từ thành thị đến thôn quê hầu như qua một cơn dao động mạnh mẽ. Cảm tình bồng bột mạnh hơn là lương tri suy nghĩ... Những tiếng nói bình tĩnh, suy tính thì bị cô lập, lẻ loi, thiểu số" (số 83, tr. 1). Số đầu tiên của *Sống đạo* bộ mới đề ngày 1. 11. 1964. Nhưng bộ mới cũng chỉ kéo dài được 10 số và số cuối cùng của bộ mới này, tức số 10 đề ngày 25. 2. 1965 (ra không đều kỳ). Cuối năm 1966, người ta còn thấy *Sống đạo* xuất hiện lại nhưng rồi ngưng hẳn.

Sống đạo được xem như một nỗ lực sống lòng tin Kitô giáo và tinh thần của Công đồng Vatican 2 trong cuộc sống kinh tế, chính trị, xã hội... của người Việt Nam đang phải trải qua những năm tháng xáo trộn, bất ổn vì chính trị, xã

hội... của những năm 60 tại Sài Gòn và miền Nam Việt Nam nói chung.

Về mặt thông tin, *Sống đạo* cung cấp cho độc giả mảng tin Công giáo trong nước và tin tức Công giáo thế giới. Tờ báo tin tưởng rằng "nhờ thạo tin, nhờ theo dõi sát thời cuộc, nắm vững thực tại, chúng ta sẽ cảm thông với tha nhân hơn, yêu mến Giáo hội hơn, để rồi quyết xả thân vào các phong trào, hoạt động mưu ích cho đồng bào, xã hội, nghĩa là sống đạo tích cực hơn (*Sống đạo*, số 1)

Trong phần nghị luận, *Sống đạo* đề cao vai trò người giáo dân trong giáo hội, lựa chọn phục vụ người nghèo và đấu tranh cho công bằng xã hội, bênh vực những người thân cô thế cô, không tiền của, không quyền lực. Lập trường này thể hiện trong các bài viết, đặc biệt là các bài viết của ông Lý Chân (Lý Chánh Trung). Không chỉ phê bình đả kích để bênh vực người nghèo, *Sống đạo* còn đưa ra cho người nghèo một giải pháp, đó là đấu tranh cho công bằng mọi người. Người làm công có ý thức về công bằng mới có thể từ bỏ sự cam chịu, an phận, để đứng lên đòi hỏi những quyền lợi chính đáng của mình, như đồng lương tương xứng với công việc, đảm bảo được cuộc sống. Nhân phẩm của người công nhân phải được tôn trọng...

Ngoài ra, về mặt tôn giáo, *Sống đạo* là tuần báo chủ trương đại đoàn kết giữa các tông giáo Kitô giáo và đoàn kết liên tôn. Đây chính là quan điểm của Công Đồng Vatican 2 của Giáo hội Công giáo, được *Sống đạo* triển khai trong việc loan tin cũng như trong các bài bình luận.



084

ĐỐI DIỆN, *ĐÔNG DƯƠNG*, *ĐD*, *ĐỒNG DAO* VÀ *ĐỨNG DẬY* LÀ MỘT HAY NHIỀU TỜ BÁO KHÁC NHAU?

Đối diện, *Đông Dương*, *ĐD*, *Đồng dao* và *Đứng dậy* là các tên gọi khác nhau của một tạp chí duy nhất do các Linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan phụ trách. Tạp chí đã bị chính quyền Sài Gòn cấm đoán, rồi tịch thu, do đó, tạp chí này, để đối phó với sự khủng bố, đã lần lượt mang các tên *Đối diện*, *Đông Dương*, *ĐD*, *Đồng dao* và *Đứng dậy*. Tạp chí xuất bản tại Sài Gòn, mỗi tháng một số, liên tục từ tháng 7. 1969 đến tháng 12. 1978, tổng cộng 114 số báo.

Đối diện cũng không phải là một tờ báo "đạo" và dành chủ yếu cho các tín đồ Công giáo như phần nhiều các tờ báo đạo khác. Tuy nhiên, sự ra đời của *Đối diện* được cảm hứng từ Công đồng chung Vatican 2 chủ trương một giáo hội hòa mình với các tôn giáo, liên đới với nhân loại do đó tự nguyện là nơi gặp gỡ của tất cả người Việt, bất phân tôn giáo, giai cấp, già trẻ, có tín ngưỡng hay vô tín ngưỡng nhưng tha thiết với quê hương đất nước, tha thiết với tiến bộ nhân loại, tha thiết với sự phát triển toàn diện của con người, tha thiết với những vấn đề của tuổi trẻ hôm nay, của nền văn minh cơ giới... (số 1 tháng 7. 1969).

Đối diện, tuy không có nhiều bài trực tiếp bàn về tôn giáo, nhưng qua các bài viết được chọn đăng, người ta có

thể thấy rõ *Đối diện* tiếp tục những suy nghĩ về dân tộc, về đất nước, về hòa bình, về công bằng xã hội, về vai trò của giáo hội Công giáo dưới ánh sáng của Tin mừng, của lòng tin Kitô hữu, của lẽ phải.

Tờ báo đã được chính quyền Sài Gòn cũ "chăm sóc" một cách đặc biệt "ra đời có giấy khai sinh dưới chế độ cũ nhưng bị tịch thu 27 trong 39 số gọi là hợp pháp", sau đó tồn tại một cách bất hợp pháp, vẫn dưới chế độ cũ, với 10 số in Typo du kích, đúng 5 nhà in khác nhau, rồi 20 số in roneo lưu động và còn giữ lại được của chế độ cũ 1.560 ký một thứ giấy cũ khá đặc biệt: 769 biên bản tịch thu.." (số 100, tháng 10. 1977).

Sau năm 1975, *Đối diện*, trước đó đã đổi tên thành *Đứng dậy*, tiếp tục cuộc hành trình của mình, với giấy phép số 1/QĐ-VHTT của Bộ Thông tin Văn hóa đề ngày 4. 7. 75. Và *Đứng dậy* đã chấm dứt nhiệm vụ của mình trong chế độ mới với số 114, số đặc biệt Giáng sinh năm 1978.



085

VẤN ĐỀ CÔNG GIÁO ĐƯỢC ĐẶT RA TRÊN TẠP CHÍ *ĐẤT NƯỚC* XUẤT BẢN TẠI SÀI GÒN LÀ NHỮNG VẤN ĐỀ NÀO?

Đất nước, do Nguyễn Văn Trung làm chủ nhiệm, Lý Chánh Trung, chủ trương biên tập và Thế Nguyên, Tổng thư ký, tòa soạn đặt tại 291, Lý Thái Tổ, Sài Gòn, là một tạp chí xuất bản hàng tháng tại Sài Gòn, số đầu tiên đề tháng 11. 1967 và kéo dài được 18 số, tức cho tới tháng 3. 1970.

Đất nước, tuy do một số người Công giáo thực hiện, nhưng không mang màu sắc đạo như nhiều tờ báo đạo khác và cũng không chỉ dành cho người Công giáo. Nội dung và người viết cũng như độc giả *Đất nước* nhắm tới vượt ra ngoài thế giới Công giáo. Tuy nhiên vấn đề Công giáo cũng thường xuyên được đặt ra trên tờ tạp chí này, bên cạnh những chủ đề khác, và chủ yếu được đặt ra trong mối quan hệ với dân tộc.

Những bài như *Tôn giáo bị chính trị theo đuổi* của Nguyễn Văn Trung, số 2, tháng 12. 1967, *Vấn đề dân tộc đặt cho người Công giáo* của Nguyễn Tử Lộc, *Công giáo và Cộng sản ở Việt Nam* của Nguyễn Văn Trung, *Nói chuyện ảo tưởng với Người anh em của tôi, Linh mục Nguyễn Quang Lãm* của Nguyễn Ngọc Lan, số 8, tháng 12. 1968, dành cho chủ đề "Công giáo và dân tộc", *Vấn đề*

Công giáo đặt cho dân tộc (số 9, tháng 2. 1969) của Nguyễn Văn Trung, *Hai bộ mặt của giáo hội Công giáo ở Việt Nam* của Lý Chánh Trung... Có thể được xem là những nỗ lực của những người Công giáo tại Sài Gòn nhìn lại giáo hội của mình. Việc nhìn lại, dĩ nhiên, lúc nào cũng cần thiết đối với một tập thể, nhưng vào những năm 60 đầy những xáo trộn trong chính trị, xã hội như tại miền Nam Việt Nam này, việc nhìn lại trở thành cấp thiết.



086

CÔNG GIÁO VÀ DÂN TỘC RA ĐỜI TRONG HOÀN CẢNH NÀO?

Công giáo và Dân tộc là một tuần báo ra đời vào tháng 7. 1975 và tiếp tục tồn tại tới hiện nay. Tờ báo xuất bản tại Sài Gòn và đều đặn mỗi tuần một số, 48 trang, khổ 23 cm x 27 cm. Từ năm 1994 *Công giáo và Dân tộc* còn có thêm một số báo xuất bản hàng tháng, với 96 trang, khổ 14 cm x 19 cm.

Công giáo và Dân tộc là cơ quan ngôn luận của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, một tổ chức nằm trong Mặt trận tổ quốc. *Công giáo và Dân tộc* là một trong hai tờ báo Công giáo được phép xuất bản chính thức tại Việt Nam, kể từ sau 1975. Tờ báo thứ hai là tờ *Người Công giáo Việt Nam*, cơ quan của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, xuất bản tại Hà Nội. *Công giáo và Dân tộc* do các Linh mục Huỳnh Công Minh, Vương Đình Bích điều khiển. Sau này, việc điều khiển tờ báo được giao cho Linh mục Trương Bá Cần và Nguyễn Thanh Long, một giáo dân.

Công giáo và Dân tộc tiếp tục sự suy tư về những thực tại của Việt Nam, về một xã hội ở trần thế, dưới ánh sáng của Tin mừng của Đức Kitô. Các số báo hàng tuần luôn gồm có một bài giải thích các bài đọc Kinh thánh của mỗi chủ nhật, tin tức, thời sự Công giáo trong nước và trên thế

giới, những bài suy từ thần học... Những bài thần học, những văn kiện của giáo hội Công giáo trong và trên thế giới quan trọng hơn được đăng trong *Công giáo và Dân tộc* xuất bản hàng tháng.

Công giáo và Dân tộc còn là nơi cổ vũ và thực hiện tủ sách Đại Kết, giúp xuất bản các cuốn sách đạo đồng thời cũng là nơi quy tụ người để thực hiện bộ lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam do Linh mục Trương Bá Cần chủ biên. Một phần kết quả của công trình nghiên cứu này đã lần lượt được đăng trên *Công giáo và Dân tộc* xuất bản hàng tháng.



087

XIN CHO BIẾT VỀ NGUYỆT SAN CHỌN.

Nguyệt san *Chọn* do các Linh mục Trương Bá Cần (chủ nhiệm), Vũ Xuân Hiểu (tổng thư ký), phụ trách, xuất bản tại Sài Gòn từ năm 1970 đến năm 1975. Những chủ đề chính được đề cập trên nguyệt san *Chọn* là những vấn đề vật chất của giới trẻ lao động như ăn, mặc, ở (các số 1, 2, 3), Tuyên ngôn và quyết nghị của Đại hội Giám mục Á châu họp tại Manila từ 23 đến 29. 11. 1970 (số 4). Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, trong lời giới thiệu số báo, đã viết "Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, các Giám mục của lục địa lớn này chính thực họp nhau để bàn về những vấn đề chung liên quan đến vai trò của Giáo hội đối với gần hai tỷ người sống chen chúc nhau ở Á châu". Số 5 tiếp theo dành cho chủ đề Hòa bình cho quê hương, giới thiệu một số văn kiện và một số nhận định về đường hướng hòa bình của Giáo hội Việt Nam. Kế tiếp là các chủ đề Giáo hội Công giáo Nam Mỹ trên đường cách mạng (số 6), Giáo hội với Cộng sản (số 7), Giáo hội với lao động (số 8), Giáo hội với hạn chế sinh sản (các số 9, 10), Giiáo hội với những vấn đề mới (các số 11, 12), Công bình trên thế giới (số 18), Truyền giáo hôm qua và hôm nay (số 20), Công giáo với xã hội chủ nghĩa (số 21)...

Những vấn đề thuộc nội bộ của giáo hội nhưng lại không phải là những đề tài đạo đức. Đó là những vấn đề liên quan

đến sự tiếp xúc giữa lòng tin và những thực tại trần thế, giữa giáo hội và thế giới. Mỗi số báo là một tập tài liệu về chủ đề, được trình bày một cách tương đối cặn kẽ, thường bao gồm Văn kiện và Nhận định. Các vấn đề được đề cập tới cho thấy một hướng đi mới cởi mở của giáo hội thế giới hay tại một địa phương, trong thực tế hay còn trong văn bản, và do đó là một lời mời gọi, thôi thúc đối với giáo hội Công giáo Việt Nam hay cung cấp nền tảng giáo lý cho một sự chuyển mình cần có của giáo hội.



088

XIN CHO BIẾT VỀ CÁC NHÀ XUẤT BẢN VÀ NHÀ SÁCH CÔNG GIÁO TẠI SÀI GÒN TRƯỚC THÁNG 4. 1975?

Trong các nhà xuất bản Công giáo ở Sài Gòn trước ngày giải phóng phải kể tới Nhà xuất bản Chân Lý, đường Trần Bình Trọng, Chợ Lớn, do Linh mục Nguyễn Tri Ân, dòng Đa Minh chủ xướng, Nhà xuất bản Chân Thiện Mỹ, Phú Nhuận, do nhà văn Vũ Công chủ xướng, Nhà xuất bản Đa Minh, đường Bùi Chu (cũ) do Lê Quang Đạt phụ trách, Nhà xuất bản Hiện Tại, đặt tại Nguyễn Tri Phương do các Linh mục Vũ Hải Thiện và Mậu Hải phụ trách, Nhà xuất bản Ra Khơi, đặt tại đường Bùi Thị Xuân, do các Linh mục gốc giáo phận Bùi Chu phụ trách, Nhà xuất bản Thánh Gia, tại đường Bùi Thị Xuân, do Đinh Xuân Phức phụ trách, Nhà xuất bản Thánh Tâm đường Chi Lăng (nay là Phan Đăng Lưu) do Linh mục Trần Văn Bình chủ xướng.

Các hiệu sách lớn gồm hiệu sách Liên Châu, tại số 3 Công trường Hòa Bình, nay là Công xã Paris, Sài Gòn. Hiệu sách này được coi là hiệu sách Công giáo lớn nhất bán đủ sách báo Công giáo trong nước và ngoại quốc. Hiệu sách Phúc Hải, Phú Nhuận, Hiệu sách Tân Định, cạnh nhà thờ Tân Định, đường Hai Bà Trưng, bán sách ngoại quốc và Việt ngữ, ảnh tượng, đồ thờ. Nhà sách

Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, thuộc dòng Chúa Cứu Thế, Kỳ Đồng, bán sách báo Công giáo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, tranh ảnh, tượng và đồ thờ.



089

CÓ PHẢI NHÀ IN TÂN ĐỊNH LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHÀ IN "TYPO" ĐẦU TIÊN CỦA THÀNH PHỐ SÀI GÒN?

Nhà in Tân Định do Linh mục thừa sai Éveillard (18 - 1883) thành lập vào những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XIX tại khu nhà thờ Tân Định hiện nay (Thành phố Hồ Chí Minh) nhằm đáp ứng nhu cầu về sách vở, đặc biệt cho các trường đang được mở tại các giáo xứ. Với nguồn tài chính của riêng Linh mục, hai hay ba ngàn quan Pháp khi ấy, Linh mục đã đưa được một dàn máy in, chữ in và giấy từ Pháp vào Sài Gòn. Nhà in ban đầu được đặt tại Chủng viện (đường Tôn Đức Thắng hiện nay). Những người thợ in đầu tiên là hai trẻ mồ côi do trường Nhà Trắng gần đó cung cấp, tuổi từ 13 đến 15 để được đào tạo. Số thợ tăng lên dần và khi nhà in được đưa về khu nhà thờ Tân Định, số thợ đã lên đến 30. Nhà in Tân Định chuyên in sách bổn, sách học cho trường, các thứ tự điển, sách *Phúc âm*, *Kinh thánh Cựu ước* và *Tân ước*, sách Kinh và cả một tủ sách tu đức, đa số được dịch từ các tác phẩm nổi tiếng của châu Âu... Đây là một trong những cơ sở in ấn sớm nhất tại Sài Gòn.



090

XIN CHO BIẾT VỀ CÁC BẢN DỊCH KINH THÁNH TIẾNG VIỆT CÒN LẠI Ở THÀNH PHỐ HIỆN NAY.

Trước hết, phải nói tới bản *Sấm truyền ca* của Linh mục Lữ Y Đoan. Thực ra *Sấm truyền ca* là bản phóng tác Kinh thánh bằng chữ Nôm do Lữ Y Đoan thực hiện vào năm 1670. Tuy nhiên, bản chính hiện nay không ai biết, chỉ biết do bản của Simong Phan Văn Cận viết lại bằng chữ quốc ngữ năm 1821 (?) tại Cái Mơn (Bến Tre), và được Phêrô Trần Hớn Xuyên chép lại kế đó được Linh mục Phaolô Quy sửa chữa lại một phần. Cả ba bản quốc ngữ này hiện nay cũng thất lạc. Chỉ còn hai bản chép tay của Paulus Tạo và Nguyễn Văn Nhạn. Theo Nguyễn Văn Nhạn, thì Lữ Y Đoan đã dịch 5 quyển đầu của *Kinh thánh*, tức Ngũ Thư, nhưng đã bị hư hại và người chép chỉ chép được quyển đầu và một phần của quyển *Exodus* (Xuất hành, Xh). Cuốn sách được viết theo thể lục bát. *Sấm truyền ca* được một số tác giả sau này coi như là một nỗ lực Việt Nam hóa bản dịch Kinh thánh. Nhưng có lẽ vì vậy mà việc in ấn, xuất bản ngay đầu thế kỷ XX cũng gặp không ít khó khăn, vì một số Linh mục thừa sai người Pháp không chấp nhận kiểu dịch Việt Nam hóa này. Sách *Sáng thế* được dịch là *Tạo đoan kinh*, sách *Xuất hành* dịch là *Lập quốc kinh*, *Tháp Babel* được dịch thành *Hỗn lầu*, ví dụ "Quyết xây tháp đụng Thiên Tào/ Nêu cao nhân lực, Trời nào dám đương / Nhân gian ngạo nghễ thiên đường...".

Cố chính Linh, tên thật là Albertus Schlicklin (1857 - 1932), Linh mục thừa sai, Tiến sĩ toàn khoa Thần học (Doctor in Universa Theologia), người Alsace-Lorraine, thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris - M.E.P, thụ phong Linh mục năm 1884, sang Việt Nam năm 1886 và làm việc tại giáo phận Hà Nội dưới thời hai Giám mục Puginier Phước (1868 - 1892) và Gendreau Đông (1892 - 1935), được cử làm Linh mục Tổng đại diện năm 1890 và giữ nhiệm vụ này đến 1900. Cố chính Linh nổi tiếng với một số tác phẩm dịch từ tiếng latinh sang Việt ngữ. Trước tiên là bộ *Theologia Dogmatica* (Thần học Tín lý) gồm 6 cuốn, do nhà in Kẻ Sở in từ 1908 đến 1916, nhưng hiện nay chỉ còn lại 4 cuốn, thiếu quyển 2 và 3, một bộ sách đồ sộ chỉ riêng quyển 1, *Sách dạy về gốc tích cội rễ sự đạo*, đã dày 592 trang, khổ 19 cm. Được biết, Cố chính Linh đã được sự cộng tác chặt chẽ của 70 "Thầy đồ", hay "Thầy khóa", những người thông hiểu chữ Hán Nôm và phong tục nghi lễ Việt Nam đã giúp ông tìm ra những kiểu nói đúng chữ, đúng nghĩa hay cố vấn cho ông về nhiều phương diện. Cố chính Linh còn là tác giả của bộ *Triết học khoa, phép mộ sự khôn ngoan* (Philosophie), quyển1 *Danh lý học* (Logique), *Nguyên việt học* (Ontologie), *Thiên vũ học* (Cosmologie), in tại Hồng Kông, 1917. Nhưng tên tuổi của Cố chính Linh đã gắn liền với bản dịch *Kinh thánh*: *Kinh thánh*, cứ bản Vulgata, dịch ra tiếng An Nam và thích nghĩa, chia thành bốn quyển (ba quyển *Cựu ước* và một quyển *Tân ước*), mỗi quyển khoảng 700 đến 800 trang khổ lớn, song ngữ (latinh và tiếng Việt), có chú thích ở cuối trang, do Imprimerie de la Socíeté des Missions Etrangères, Hồng Kông, ấn hành khoảng 1913 - 1916. Bản *Kinh thánh* này hiện được lưu trữ tại Thư viện của Ủy ban phụng vụ các giờ kinh. Bản dịch *Kinh thánh* trọn bộ của Linh mục Trần Đức Huân...



091

XIN CHO BIẾT VỀ BẢN DỊCH *KINH THÁNH* ĐẦU TIÊN Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SAU THÁNG 4. 1975.

Bản dịch *Kinh thánh* đầu tiên sau tháng 4. 1975 là của Linh mục Nguyễn Thế Thuấn (1922 - 1975), thuộc dòng Chúa Cứu Thế. Ông sinh tại làng La Phù, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây), thuộc giáo phận Hà Nội, vào dòng Chúa cứu thế Hà Nội và thụ phong Linh mục năm 1951, du học Roma năm 1952 và học trường Kinh thánh Giêrusalem bốn năm (1952 - 1956). Sau khi về nước, Linh mục dạy Kinh thánh tại Học viện dòng Chúa cứu thế Đà Lạt, đồng thời, dạy Kinh thánh cho một số dòng tu tại Đà Lạt, làm Giám học Học viện vào những năm đầu của thập niên 60, tử nạn ngày 28. 3. 1975 tại Di Linh, tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Công trình lớn nhất của ông là bản dịch *Kinh thánh Cựu ước* và *Tân ước* sang tiếng Việt. Bản dịch của ông được đón nhận như một trong những bản dịch có tính khoa học cao và đáng tin cậy. Phần *Tân ước* đã được xuất bản trước, tại Sài Gòn, vào cuối những năm 1950, và đã được sửa lại để tái bản. Phần *Cựu ước* vừa mới được hoàn thành bản thảo thì ông gặp nạn. Học trò của ông đã thu gom bản thảo, dịch các cuốn ông chưa kịp dịch (sách *Châm ngôn*, *Tiên tri Baruc*), soạn các tiểu dẫn từ các tư liệu ông đã

chuẩn bị để phục vụ cho việc giảng dạy Kinh thánh của ông, thêm một số ghi chú.

Bản dịch *Kinh thánh* trọn bộ này dày khoảng 3.000 trang (hai phần dẫn nhập *Cựu ước* và *Tân ước* 88 trang, phần *Cựu ước* 2.318 trang, phần *Tân ước* 616 trang) khổ 20 x 14cm, được in trên giấy Bible, tức loại giấy vàng, mỏng và dai, thường được dùng để in sách *Kinh thánh*. Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình chuẩn ấn ngày 12. 11. 1975. Nạp lưu chiểu tháng 12. 1976. Bản *Kinh thánh* này được in tại Nhà in Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, 38 Kỳ Đồng, quận 3. Được biết, vào thời điểm này, tại thành phố sách còn được in bằng chữ chì, nghĩa là còn phải xếp, tháo ra, rồi xếp lại từng chữ một.

Cuốn *Kinh thánh* này của Linh mục Nguyễn Thế Thuấn đã được tái bản vào năm 2004.



092

VIỆC PHỔ BIẾN SÁCH ĐẠO VÀ VẬT DÙNG Ở THÀNH PHỐ HIỆN NAY ĐƯỢC TỔ CHỨC NHƯ THẾ NÀO?

Việc phổ biến sách đạo và vật dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện qua một số cửa hàng sách. Một số cửa hàng được nhiều người biết tới là Nhà sách Hòa Bình tại số 2 Công xã Paris, quận 1, do các nữ tu dòng Phaolô Thiện bản phụ trách, nhà sách số 2 của các Linh mục dòng Phan Sinh, nhà sách tại Trung tâm Fatima, Bình Triệu, quận Thủ Đức. Nhưng nhà sách lâu đời và quan trọng hơn cả là nhà sách Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, trong khuôn viên nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế, 38 Kỳ Đồng, quận 3. Người sáng lập nhà sách này là Linh mục Hồng Phúc, dòng Chúa Cứu Thế, người phụ trách kế tiếp là Linh mục Chân Tín, và từ tháng 5. 1990 đến nay, nhà sách được đặt dưới quyền quản lý của Linh mục Thành, cũng thuộc dòng Chúa Cứu Thế. Nhà sách này đã tồn tại tới nay xấp xỉ một nửa thế kỷ, gần như cùng lúc với ngôi nhà thờ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp. Nhà sách khi ấy là một phần của hoạt động xuất bản, báo chí của dòng Chúa Cứu Thế gồm nhà xuất bản, tủ sách Cứu Thế tùng thư, nhà in, tòa soạn báo Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, báo *Tuổi hoa*.

Hiện tại, từ các hoạt động này, chỉ còn lại nhà sách. Nhà sách không ngừng được phát triển. Tại đây có sách

đạo, sách kinh của Giáo hội Công giáo, một số đầu sách "đời", tượng, ảnh đạo, các đồ dùng trong tế tự như áo lễ, chén lễ, nến, hương, băng nhạc đạo.

Nhà sách có một Website nhằm giới thiệu các sản phẩm cho các khách hàng trong nước và ngoài nước. Các tượng ảnh được giới thiệu với đầy đủ chi tiết: quy tắc, trọng lượng, chất liệu, giá cả hàng hóa, tác giả... Tất cả đều được cập nhật hóa. Bên cạnh những thông tin về hàng hóa này, còn có những trang suy nghĩ *Tin mừng*, những trang *Kinh thánh* (hiện tại mới có *Tân ước*, phần *Cựu ước* đang được chuẩn bị).

Nhà sách không chỉ là một nơi bán hàng mà còn là một nơi khuyến khích sáng tác. Sách đạo, và nhất là tượng, ảnh, âm nhạc... thuộc lãnh vực mỹ thuật. Do đó, nhà sách thường tổ chức những cuộc trao đổi với từng giới để sản xuất sao cho đúng với yêu cầu của tranh ảnh, tượng đạo. Không chỉ phục vụ lòng đạo của tín hữu mà còn phải tìm cách nâng cao trình độ thưởng thức cái đẹp của các vật dùng.



093

NGƯỜI CÔNG GIÁO Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÓ TRƯNG TƯỢNG ĐẠO TRONG NHÀ THỜ CŨNG NHƯ TẠI TƯ GIA KHÔNG?

Tại các nhà thờ và tại gia đình của các tín đồ Công giáo ở Việt Nam, cũng như ở các nơi trên thế giới, đều có trưng bày tượng. Không phải một tượng mà có thể là nhiều tượng. Các tượng này gợi lại một số nhân vật chính được đề cập đến trong giáo lý của Công giáo và là đối tượng của lòng tôn sùng và tôn kính của các tín đồ. Các tín đồ không tôn thờ tượng, nhưng qua tượng, tưởng nhớ tới các "Đấng" được tôn thờ như là Chúa, vị cứu tinh của mình, tới các vị thánh đã có những hành động hay cuộc đời đáng kính và đáng noi gương. Sự hiện diện của tượng trong các nghi lễ tôn giáo, trong các buổi cầu kinh cũng có thể giúp tăng thêm "lòng đạo" của các tín đồ. Do đó, tượng "đạo" là một nhu cầu rất phổ biến nơi các tín đồ Công giáo, đặc biệt tại Việt Nam vốn quan tâm tới các biểu hiện bên ngoài của lòng đạo.

Vào một cửa hàng bán "vật dùng", như Nhà sách Đức Mẹ Hòa Bình, cạnh nhà thờ Đức Bà, quận 1, hay nhà sách Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, đường Kỳ Đồng, quận 3, các tiệm bán tượng ở Bình Triệu..., người ta thấy có khá nhiều tượng được bày bán. Nhưng thông thường nhất và có thể thấy hầu như tại bất cứ nhà thờ hay gia đình Công giáo

nào tại Việt Nam, đó là tượng "chịu nạn", tức tượng Chúa Giêsu chịu chết trên thập giá. Kế đó là tượng Trái tim Chúa Giêsu. Tượng họa lại một Chúa Giêsu đứng, giữa ngực là một trái tim đỏ với những ngọn lửa bên trên trái tim, tượng trưng cho tình yêu của người đối với con người. Tượng Đức Bà Maria, Mẹ của Chúa Giêsu, thường ở tư thế đứng, hai tay chắp trước ngực hay để thõng hoặc với một tràng chuỗi nơi bàn tay. Hiện tại, người ta thấy xuất hiện một loại tượng Đức Mẹ bế trên tay trẻ Giêsu, mặc áo trắng với áo choàng xanh và đầu đội khăn vàng, loại khăn trong y phục cổ truyền của phụ nữ Việt Nam. Một loại tượng khác cũng khá quen thuộc đối với các tín đồ Việt Nam, đó là tượng thánh Giuse, cha của Chúa Giêsu, tay trái bế trẻ Giêsu, tay mặt cầm nhành bông huệ...

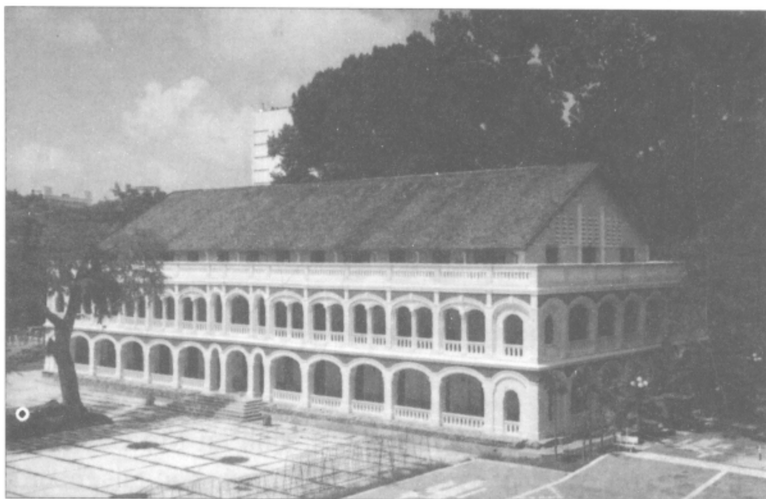
Ngoài ra, người Việt Nam dù Công giáo hay không cũng đã quen với bộ tượng tạm gọi là tượng máng cỏ. Bộ tượng này gồm có tượng ông Giuse và bà Maria, cha mẹ của Chúa Giêsu, trong tư thế quỳ chầu, tượng các người chăn cừu, tượng Chúa Giêsu mới sinh, được đặt trong một máng đựng cỏ cho súc vật ăn, tượng một số con vật như bò, chiên... Bộ tượng này tái hiện cảnh Chúa Giêsu chào đời trong một hang đá dành cho súc vật, giữa cánh đồng hiu quạnh, trong đêm tối theo như Kinh thánh kể lại. Bộ tượng này thường được trưng trong nhà thờ hay trong gia đình các tín đồ vào mấy ngày trước và sau lễ Noel, sau đó được cất đi để năm sau dùng lại.



094

XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ BỨC TRANH ĐƯỢC LƯU GIỮ TẠI NHÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA VÀ ĐỨC TIN THUỘC TỔNG GIÁO PHẬN SÀI GÒN.

Nhà Truyền thống Văn hóa và Đức tin của Tổng giáo phận Sài Gòn hiện còn lưu giữ được một số bức tranh có đề tài Công giáo của một số họa sĩ Công giáo và không Công giáo. Chúng ta có thể kể ra đây một số các bức tranh này: *Dưới chân Chúa* (Tôn Thất Văn), *Đức Mẹ* (Lê Văn Bình), *Mẹ con* (Tạ Ty), *Đức Mẹ bế con* (Tố Phượng), *Đức Mẹ ban ơn* (Bùi Kỉnh), *Bước đường lưu lạc* (Nguyễn Rỉ), *Trìu mến* (Tố Oanh), *Đức Mẹ Việt Nam* (Nguyễn Thi), *Giáng sinh* (Văn Thọ) *Thánh tử đạo Anê Lê Thị Thành* (Trần Ngọc Thu), *Dưới chân thập giá* (Nguyễn Thủy), *Trong vòng tay Mẹ* (Nguyễn Thân), *Tìm chốn an bình* (Quan Tho), *Tình mẫu tử* (Tố Phượng), *Giáng sinh* (Nguyễn Siên), *Hiến linh* (Nguyễn Phước), *Chúa sai sứ đồ* (Thành Lễ), *Chiêm ngưỡng* (Trần Hà), *Xin vâng ý Cha* (Phạm Văn Hạng), *Sứ thần và Trinh nữ* (Nguyễn Phước), *Thánh giá và tình yêu* (Phạm Văn Hạng), *Mẹ Thiên chúa* (Nghiễm ĐS). Nữ Vương Hòa Bình là bức tranh cuối cùng của họa sĩ Lê Văn Đệ trước ngày từ trần. Bức tranh còn ở diện phác thảo chì than và phấn trắng trên giấy can, ông thực hiện nhân dịp lễ khánh thành nhà thờ Đồng Tiến, Sài Gòn, năm 1966. Bức tranh đã được trưng bày tại nhà thờ Đồng Tiến



Nhà Truyền Thống văn hóa và đức tin (quận 1).

vào dịp lễ khánh thành và hiện được lưu giữ tại Nhà Truyền thống.

Điểm đáng lưu ý là tuyệt đại đa số các bức tranh còn giữ lại được tại Nhà Truyền thống có đề tài Công giáo đều lấy Đức Mẹ Maria và Chúa Giêsu làm đề tài trọng tâm. Trong số các đề tài được chọn này, hai cảnh trong cuộc đời của Đức Mẹ Maria và của Chúa Giêsu được lưu tâm hơn cả là cảnh Giáng sinh và cảnh Chúa Giêsu bị đóng đinh trên thập giá.



095

XIN CHO BIẾT VỀ HỌA SĨ LÊ VĂN ĐỆ.

Họa sĩ Lê Văn Đệ (1906 - 1966), sinh tại Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, con của một vị quan Đốc phủ sứ, học tại Taberd Sài Gòn. Tốt nghiệp Trung học, ông được hội Samipic Chợ Quán cấp học bổng theo học trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương do danh họa Victor Tardieu vận động thành lập tại Hà Nội năm 1925, đậu Thủ khoa khóa đầu tiên năm 1930. Ông tiếp tục nhận được học bổng theo học tại trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Paris, lúc này, ông 25 tuổi. Kế đó, ông được học bổng đi nghiên cứu tại Roma và Athen (Hy Lạp), những chiếc nôi nghệ thuật của thế giới.

Lê Văn Đệ tham gia triển lãm báo chí Công giáo thế giới tại viện Vatican, Roma, năm 1936, chung với các nhà mỹ thuật danh tiếng của 30 quốc gia tham dự. Tác phẩm dự thi của ông đoạt giải nhất. Sau cuộc triển lãm này, ông được Vatican mời tham gia trang hoàng điện Vatican, khu vực Đông Dương và luôn cả vùng Đông Nam Á, Thái Bình dương trong điện Vatican. Ông làm việc liên tục trong bốn tháng, mỗi ngày 13 tiếng đồng hồ và phụ trách vẽ sơn, chạm trổ trong điện Vatican, điều khiển 11 kỹ sư và 20 thợ chuyên môn. Ông được Giáo hoàng trao tặng "Giáo hoàng bội tinh".

Ngày 1. 6. 1936, tại nhà nguyện Đại học Truyền giáo Roma, Lê Văn Đệ nhận phép Thánh tẩy và Thêm sức, lấy

tên thánh là Celso-Lêô Lê Văn Đệ. Năm 1937, ông còn phụ trách phần nghệ thuật của tòa thánh Vatican tham gia cuộc Triển lãm Quốc tế tại Paris. Năm 1939, Lê Văn Đệ trở về Việt Nam, lập gia đình, sống và làm việc tại Sài Gòn. Năm 1950, ông làm trưởng đoàn nghệ sĩ Việt Nam tham dự cuộc triển lãm quốc tế Mỹ thuật Công giáo tại Vatican nhân dịp "Năm thánh". Ông cũng đã là người vận động sáng lập và là Giám đốc đầu tiên của trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định sau đổi tên là trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn. Ông qua đời tại Sài Gòn ngày 16. 3. 1966, an táng tại nghĩa trang Thoại Ngọc Hầu, sau năm 1975, được cải táng đưa về quê Mỏ Cày, Bến Tre.

Sự nghiệp sáng tác của ông gồm *Người đàn bà chải tóc* (1928), *Đi chùa Hương* (1928), *Bến sông Hồng* (1928), *Bà thầy bói*, tranh sơn dầu (1928, hiện đang được trưng bày ở viện bảo tàng Mỹ thuật Luxembourg, Paris), *Người đàn bà đọc sách*, tranh lụa (1930), *Thiếu nữ bên cầu ao*, tranh lụa (1945, hiện trưng bày trong trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội), *Rèm thưa*, tham gia triển lãm Hội chợ Sài Gòn), La Famille (Gia đình) tranh sơn dầu, giải nhì hội họa, hội nghệ sĩ Quốc gia Pháp tổ chức, hiện trưng bày trong Viện Bảo tàng Luxembourg, Paris. Tranh tôn giáo của ông gồm *Tình mẫu tử* (Mater Amabilis), hiện trưng bày trong Viện Bảo tàng Mỹ thuật bộ Truyền giáo Vatican, Roma, *Thánh Madalêna dưới chân thánh giá*, bích họa, hiện ở Viện Bảo tàng Bộ Truyền giáo Vatican, Roma, *Thánh Mẫu và Chúa Hài đồng*, tranh lụa, hiện trưng bày ở Bảo tàng Aix-la-Chapelle (Pháp), *Tán dương Đức Mẹ* (1937), *Truyền bá đức tin* (1937), *Hài nhi và mẹ Người* (1950), *Nước Cha trị đến* (1950).

Nữ vương Hòa Bình là bức tranh cuối cùng của họa sĩ Lê Văn Đệ trước ngày từ trần. Bức tranh còn ở diện phác thảo chì than và phấn trắng trên giấy can, ông thực hiện

nhân dịp lễ khánh thành nhà thờ Đồng Tiến, Sài Gòn, năm 1966. Bức tranh đã được trưng bày tại nhà thờ Đồng Tiến vào dịp lễ khánh thành và hiện được lưu giữ tại Nhà Truyền thống Văn hóa và Đức tin thuộc Tổng giáo phận Sài Gòn, số 6 Tôn Đức Thắng, quận 1.



096

XIN CHO BIẾT VỀ NHÀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA NGƯỜI CÔNG GIÁO TRƯƠNG VĨNH KÝ.

Thật ra Trương Vĩnh Ký không phải người gốc Sài Gòn. Ông sinh tại Cái Mơn (nay thuộc tỉnh Bến Tre), một trong những cái nôi của đạo Công giáo tại Nam Bộ, vào cuối năm 1837, trong một gia đình Công giáo lâu đời. Tên ông luôn có chữ Petrus đặt trước tên họ. Petrus không phải là một tên Tây mà là tên bằng tiếng latinh của một trong mười hai Tông đồ của Chúa Giêsu, được người Công giáo Việt Nam phiên âm thành Phêrô, vị thánh ông đã chọn làm thánh bổn mạng khi chịu phép Thêm sức. Năm lên 9, ông được một Linh mục đem về nuôi. Năm 1851 tuổi, ông được một Linh mục khác đưa sang Cao Mên học trường Pinhalu, sau đó được chọn gửi đi học tại Đại chủng viện Pinang tại Malaisya, trường đào tạo Linh mục cho cả vùng Viễn Đông từ 1852 đến 1858. Ông không kịp học hết Đại chủng viện để chuẩn bị làm Linh mục thì mẹ mất, ông phải về Cái Mơn chịu tang. Năm 1858, triều đình nhà Nguyễn ra lệnh "phân sáp Da tô" trên toàn quốc, chủ trương này được thi hành một cách ráo riết ở Nam Kỳ là nơi bị thực dân chiếm đóng đầu tiên, và Trương Vĩnh Ký đã chọn con đường cộng tác với người Pháp. Ông lên Sài Gòn và đến ở với Giám mục Lefèbvre. Là người tinh thông chữ latinh, chữ Pháp và lại học chữ nho từ năm lên năm tuổi, ông được Giám mục sử dụng để dịch các văn kiện bằng tiếng Việt sang

tiếng Pháp và ngược lại. Ngày 20. 12. 1860 ông nhận làm Thông ngôn cho Jauréguiberry. Với tư cách này, Trương Vĩnh Ký có dịp tham gia nhiều cuộc trao đổi, thương thuyết giữa hai bên Pháp và Việt Nam, nhất là có dịp tháp tùng Phan Thanh Giản đi Pháp năm 1863. Trong chuyến đi kéo dài gần một năm này, ông có cơ hội tới nhiều nơi trên đất Pháp, tới cả Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Italia, gặp gỡ nhiều người và nhiều nhân vật. Đặc biệt, ông đã có may mắn yết kiến Giáo hoàng tại Roma.

Về nước, ông tích cực tham gia nhiều hoạt động văn hóa trong đó nổi bật là phổ biến chữ quốc ngữ latinh, và đã được coi là một trong những người tiên phong trong việc đặt nền tảng chữ viết cho văn hóa Việt Nam bước qua một thời kỳ phát triển mới. Các hoạt động sưu tầm, nghiên cứu văn hóa Việt Nam của ông cũng khơi lên sự chú ý của học giới phương Tây lúc ấy, nên năm 1874, ông được bầu vào "Thế giới thập bát văn hào".

Ngày 1. 9. 1898, Petrus Trương Vĩnh Ký qua đời, được an táng ở Chợ Quán. Mộ ông hiện vẫn còn ở nhà số 520 Trần Hưng Đạo, quận 5 hiện nay. Ở tuổi 62, xem ra ông còn quá trẻ so với số công trình đã thực hiện trong lãnh vực văn hóa. Các công trình của ông viết và viết về ông đủ để lập thành một Thư mục dài.



097

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ CÓ PHẢI LÀ NGƯỜI THUỘC GIÁO PHẬN SÀI GÒN?

Nguyễn Trường Tộ (1830 - 1871), tuy không thuộc giáo phận Sài Gòn, nhưng đã để lại một dấu ấn sâu đậm và lâu dài trên kiến trúc tôn giáo của giáo phận. Ông là một người Công giáo nổi tiếng với những bản điều trần gửi triều đình Huế về việc canh tân đất nước. Nguyễn Trường Tộ còn được gọi là trạng Tộ, Thầy Lân, kiến trúc sư, sinh tại làng Bùi Chu (thuộc xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ Tĩnh bây giờ). Ông là người tinh thông Hán học, hiểu nhiều kiến thức về lịch sử và luật lệ của phương Đông, lại có điều kiện tiếp xúc với văn hóa phương Tây qua các thừa sai người Pháp, đặc biệt Giám mục Gauthier (Ngô Gia Hậu), qua sách vở và qua các chuyến du lịch học hỏi ở nước ngoài. Ông được đánh giá là con người đã quyết từ bỏ lối học từ chương để theo học cái học thực tiễn. Những điều kiện này đã khiến Nguyễn Trường Tộ trở thành một con người rất cần thiết cho bước đầu của thời kỳ tiếp xúc giữa Việt Nam với phương Tây.

Nguyễn Trường Tộ còn giúp xây dựng tu viện dòng thánh Phaolô Sài Gòn (trong thời gian ở tại Sài Gòn, từ 1861 đến 1866 để chờ đợi triều đình Huế phúc đáp 11 bản điều trần ông đã gửi) ở số 4 đường Tôn Đức Thắng hiện nay. Công trình này được khởi công đầu tháng 9. 1862 và

hoàn tất tháng 7. 1864, vẫn còn được xem là một trong những công trình đẹp của thành phố hiện nay. Ngoài ra, ông còn xây dựng cơ sở Nhà chung Xã Đoài tại Nghệ An khoảng 1868. Nhờ những công trình kiến trúc này mà ông còn được gọi là "kiến trúc sư".



098

VÌ SAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY CÓ MỘT CON ĐƯỜNG ĐƯỢC ĐẶT TÊN LÀ ĐƯỜNG ALEXANDRE DE RHODES, MẶC DÙ VỊ THỪA SAI NÀY CHƯA TỪNG ĐẶT CHÂN TỚI SÀI GÒN?

Alexandre de Rhodes là tên của một thừa sai người Pháp, thuộc Dòng Tên Bồ Đào Nha, được cử qua truyền giáo tại Nhật Bản năm 1618. Ông đã học tiếng Nhật tại Macao để chuẩn bị cho việc truyền giáo nhưng vào thời điểm này, tại Nhật Bản cuộc bách hại Công giáo đang diễn ra một cách gay gắt nên ông được chuyển qua Việt Nam và tới Đàng Trong năm 1624, rồi khoảng mười năm sau tới Đàng Ngoài. Ông bị bắt tại Đàng Trong năm 1644, bị kết án tử hình vì tội lén truyền đạo, nhưng sau đó chỉ bị trục xuất. Alexandre de Rhodes đã vĩnh viễn rời Việt Nam để về châu Âu ngày 16. 7. 1645, về sau được cử đi truyền giáo tại Iran và mất tại Ispahan ngày 5. 11. 1660.

Như vậy, Alexandre de Rhodes chưa từng tới Sài Gòn, vả lại cần nhắc lại rằng đến 1698 Nguyễn Hữu Cảnh mới lập phủ Gia Định, chính thức xác lập tiền đề chính trị và hành chính cho sự phát triển của xã hội Việt Nam ở đây. Việc lấy tên ông đặt cho một con đường ở Sài Gòn không mang ý nghĩa tôn giáo mà mang ý nghĩa văn hóa, tức để ghi nhớ những đóng góp của ông trong việc sáng tạo ra chữ quốc ngữ theo mẫu tự latinh. Ông không phải là người

đầu tiên sáng chế ra loại chữ này nhưng đã góp công không nhỏ trong việc hoàn chỉnh chữ quốc ngữ theo mẫu tự latinh, chữ viết chính thức của Việt Nam hiện nay. Ý đồ này thể hiện qua việc một con đường nhỏ khác cạnh Nhà thờ Đức Bà song song với đường Alexandre de Rhodes được đặt tên là Hàn Thuyên, cũng là một người có công trong việc xây dựng hệ thống chữ quốc ngữ Nôm.



099

TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY CÓ THƯ VIỆN "SÁCH ĐẠO" NÀO KHÔNG?

Tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có không ít thư viện "sách đạo" đang được xây dựng để phục vụ độc giả Công giáo và những người nghiên cứu không phải là tín đồ Công giáo.

Trước hết phải kể đến thư viện nằm trong khuôn viên tòa Tổng Giám mục Thành phố ở số 180 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3. Thư viện do các nữ tu dòng Phaolô Thiện Bản phụ trách, hiện có khoảng 5.000 đầu sách, chủ yếu là sách đạo và đang trong quá trình xây dựng. Độc giả có thể tìm đọc tại đây những bộ sách báo khá xa xưa, cách đây cả trăm năm, để tìm hiểu không chỉ lịch sử và lối sống của người Công giáo Việt Nam, mà cả của người Việt Nam tại Nam Bộ, như bộ *Nam Kỳ địa phận*, gồm các số từ năm 1908 đến 1945, bộ *Les Missions Catholiques* (Truyền giáo), xuất bản tại Pháp, từ 1870 đến nay, bộ *Documentation Catholique* (Tư liệu Công giáo)... Một thư viện sách đạo khác nữa cũng đang được xây dựng là thư viện nằm trong Trung tâm Mục vụ Tổng giáo phận thành phố ở số 6 đường Tôn Đức Thắng. Thư viện hiện có khoảng trên 5.000 cuốn, không chỉ gồm sách đạo mà có cả nhiều loại sách khác nhằm phục vụ giới trẻ trong tổng giáo phận. Cũng phải kể đến thư viện của báo *Công giáo và Dân tộc* tại số 370

Cách mạng Tháng Tám, quận 3. Thư viện được xây dựng khá sớm, có thể nói từ cả trước 1975. Thư viện cố gắng thu thập các bộ báo Công giáo và lưu trữ hầu hết các báo xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh sau tháng 4. 1975.

Nói đến các thư viện hiện nay, người ta không khỏi nghĩ tới một số thư viện thời xưa như thư viện Đắc Lộ của các Linh mục Dòng Tên trên đường Yên Đổ, nay là đường Lý Chính Thắng, quận 3. Đây là một thư viện phong phú về cả sách đạo lẫn sách đời, nhưng từ khi trở thành trụ sở báo *Tuổi trẻ* thì thư viện này không còn. Số sách của thư viện trên nguyên tắc phải được đưa về các thư viện của nhà nước, nhưng trong thực tế đã bị phân tán. Một số không ít bị đưa đi tái chế như giấy vụn, ngay bộ *Migne* thu thập tác phẩm của các tác giả Công giáo từ đầu công nguyên gồm mấy trăm ngàn trang cũng chỉ còn lại phần bìa cứng vì người thu mua không chuộng. Bộ sưu tập các công trình chưa được xuất bản của thừa sai Mattêô Ricci nổi tiếng ở Trung Hoa, may mắn được thư viện báo *Công giáo và Dân tộc* cứu thoát khỏi việc tái chế...



100

XIN CHO BIẾT VỀ ỦY BAN ĐOÀN KẾT CÔNG GIÁO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Ủy ban Đoàn kết Công giáo thành phố là một tổ chức quy tụ người Công giáo tại thành phố và nằm trong Mặt trận tổ quốc thành phố. Có thể nói tiền thân của Ủy ban Đoàn kết Công giáo là Ủy ban Vận động Công giáo, được thành lập ngay sau tháng 4. 1975. Ủy ban Vận động Công giáo được chuyển thành Ủy ban Công giáo thành phố từ sau 1983, tức sau Đại hội những người Công giáo yêu nước cả nước tổ chức tại Hà Nội. Đại hội này đã thống nhất tên gọi các tổ chức của người Công giáo yêu nước với tên gọi Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam.

Tổ chức này tuy không là một đoàn thể trong giáo hội nhưng cũng không tách rời với giáo hội Công giáo ở thành phố. Tổ chức này quy tụ một số Linh mục, tu sĩ, giáo dân theo số lượng do Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam quy định, khoảng 70 thành viên đối với Ủy ban tại thành phố, nhằm khuyến khích người Công giáo thành phố tham gia các phong trào xã hội, thực hiện đường lối, chính sách của nhà nước tại địa bàn dân cư của mình. Trụ sở của Ủy ban hiện được đặt tại số 15 Tú Xương, quận 3. Ủy ban có một nhà khách cũng tại địa chỉ này, một nông trường tại Củ Chi, một cơ quan ngôn luận là tờ tuần báo và nguyệt san *Công giáo và Dân tộc.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo hội Công giáo Việt Nam, *Niên giám 2005*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005
- Các họ đạo giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh, *Niên giám 1998*
- *Lịch sử họ đạo Chợ Quán 1723 – 1996*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996
- *Bộ Giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004
- M. A. Trần Phổ, *Dòng Phanxicô trên đất Việt*, bản in ronéo, 1975
- Trương Bá Cần, *Nguyễn Trường Tộ – Con người và di thảo*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1988
- Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng, *Tuồng Thương khó*, Sài Gòn, 1912
- Jean Bouchot, *Documents pour servir à l'histoire de Saigon 1859 – 1865*, Sài Gòn, 1927.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRẦN ĐÌNH VIỆT
ĐỖ THỊ PHẤN

Biên tập:
MINH CHÂU

Sửa bản in:
MINH CHÂU

Bìa:
ĐỖ TUẤN HUY

Vi tính:
NGỌC HUỆ - VĂN THÀNH

*

In 1.000 cuốn, khổ 13,5x21,5 cm tại Công ty cổ phần in Khánh Hội. Đóng xén tại Xưởng in và thành phẩm 93 Lê Quang Định, Q.BT. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 125-06/CXB/16-14/THTPHCM cấp ngày 20/2/2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2007.



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ GIA ĐỊNH – SÀI GÒN TP. HỒ CHÍ MINH



VHSG NXB VĂN HÓA SÀIGÒN

Địa lý ở thành phố Nguyễn Đình Đầu
Khảo cổ học ở thành phố Lê Xuân Diệm
Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Hoài Hương
Lịch sử thời kỳ trước 1802 Cao Tự Thanh
Lịch sử thời kỳ 1802 – 1875 Trần Thị Mai
Lịch sử thời kỳ 1862 – 1945 Nguyễn Nghị
Lịch sử thời kỳ 1945 – 1975 Hà Minh Hồng
Trần Nam Tiến, Lưu Văn Quyết, Hà Kim Phương
Một trăm sự kiện nổi bật ở thành phố thời gian 1975 – 2005
Trần Thanh Phương
Chiến dịch Hồ Chí Minh Hồ Sơn Đài, Trần Nam Tiến
Lịch sử Đảng bộ thành phố Phạm Văn Thắng
Di tích lịch sử – văn hóa ở thành phố
Phạm Hữu Mý, Nguyễn Văn Đường



Thủ công nghiệp ở thành phố Võ Công Nguyện
Kinh tế – đầu tư từ 1986 ở thành phố Nguyễn Hoài Bảo
Công nghiệp ở thành phố
Dương Thị Kiều Anh, Nguyễn Hoài Bảo, Phạm Hà
Ngoại thương ở thành phố
Nguyễn Hoài Bảo, Võ Tất Thắng
Phật giáo ở thành phố Trần Hồng Liên
Thiên chúa giáo ở thành phố Nguyễn Nghị
Khổng Thành Ngọc, Hoàng Minh Thức
Người Hoa ở thành phố Phan Thị Yến Tuyết
Người Chăm ở thành phố Phan Văn Dốp, Vương Hoàng Trù
Một trăm nhân vật nổi tiếng ở thành phố Nguyễn Thu Vân
Một trăm Việt kiều nói về thành phố
Nguyễn Việt Thuận, Thành Trung, Lam Điền, Tường Vân
Văn học Hán Nôm ở thành phố Nguyễn Khuê, Cao Tự Thanh
Văn học quốc ngữ trước 1945 ở thành phố Võ Văn Nhơn
Văn học thời kỳ 1945 – 1975 ở thành phố
Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc Phan
Văn học thời gian 1975 – 2005 ở thành phố Trần Thanh Giao
Báo chí ở thành phố Trương Ngọc Tường, Nguyễn Ngọc Phan
Sân khấu cải lương ở thành phố Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương
Mỹ thuật ở thành phố Uyên Huy, Trương Phi Đức, Lê Bá Thanh
Âm nhạc ở thành phố Hoàng Hương
Kiến trúc ở thành phố Bạch Anh Tuấn
Điện ảnh ở thành phố Nguyễn Quân Bảo


8935083460224
Giá: 68.000đ